



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG**  
**CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG**  
**NĂM 2023**

*Phú Yên, tháng 12 năm 2023*

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>Chữ Tắt</b>	<b>Đầy đủ</b>
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
UBND	Ủy ban nhân dân
Bộ LĐTB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
BGH	Ban Giám hiệu
CBVC	Cán bộ viên chức
HSSV	Học sinh - Sinh viên
CBQL	Cán bộ quản lý
KĐCL	Kiểm định chất lượng
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
CSGDNN	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp
BĐCL	Bảo đảm chất lượng
CTĐT	Chương trình đào tạo
CDCT	Cao đẳng Công Thương
CSVC	Cơ sở vật chất
GVCN, CVHT	Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập
THCS	Trung học cơ sở
HTQT	Hợp tác Quốc tế
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QLCL&NCKH	Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học
HĐKH&ĐT	Hội đồng khoa học và đào tạo
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
HTQLCL	Hệ thống quản lý chất lượng
NCS	Nghiên cứu sinh
GV	Giáo viên, giảng viên
DN	Doanh nghiệp
QCCTNB	Quy chế chi tiêu nội bộ
DS – KHHGD	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

## PHẦN I

### GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

#### 1. Thông tin chung về Trường Cao Đẳng Công Thương miền Trung

- Tên trường: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG**
- Tên tiếng Anh: **MIEN TRUNG INDUSTRY AND TRADE COLLEGE (MITC)**
- Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương
- Địa chỉ trường:
- + Cơ sở 1: 261 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- + Cơ sở 2: 01 Nguyễn Hữu Thọ, Phường 9, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Số điện thoại: 02573.828.248
- Số fax: 02573.828.156
- E-mail : [webmaster@mitc.edu.vn](mailto:webmaster@mitc.edu.vn)
- Website: [www.mitc.edu.vn](http://www.mitc.edu.vn)

Tiền thân là Trường Trung học Chuyên nghiệp Địa chất II thành lập ngày 01/8/1978. Đổi tên thành Trường Trung học Kỹ thuật Công nghiệp Tuy Hòa vào ngày 21/12/1991. Ngày 09/9/2005 thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Công nghiệp Tuy Hòa theo Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT. Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung vào ngày 06/02/2018.

- Loại hình trường đào tạo: Công lập.

#### 2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường Cao Đẳng Công Thương miền Trung

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung là trường công lập, có cơ cấu tổ chức và quản lý phù hợp với mô hình và nguồn lực của một trường cao đẳng công lập, đúng với quy chế của nhà nước và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (LĐTB&XH). Trường đã xây dựng hệ thống các văn bản đồng bộ về tổ chức và quản lý; các tổ chức Đảng và Đoàn thể chính trị – xã hội trong Trường hoạt động có hiệu quả, phát huy tác dụng tốt.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm quản lý lâu năm; có đội ngũ giảng viên cơ hữu trẻ đầy nhiệt huyết, có trình độ chuyên môn vững vàng. Nhà trường có các chương trình đào tạo được xây dựng theo chương trình khung của Bộ LĐTB&XH và được điều chỉnh theo hướng hiện đại phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng được nhu cầu của nền kinh tế thị trường.

Trải qua 45 năm kể từ ngày thành lập, nhà trường đã dần ổn định và phát triển,

một chặng đường dài trên con đường đi có nhiều chông gai, nhiều thế hệ giáo viên đã đi qua bằng lòng nhiệt tình, bằng khát vọng, say mê, không mệt mỏi vì một mục tiêu duy nhất là góp phần vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế xã hội khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Nhà trường đã đào tạo hơn 70 ngàn cán bộ kỹ thuật trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế đất nước, có lúc cũng đã đào tạo nhân lực cho nước bạn Lào. Nhiều học sinh, sinh viên (HSSV) của trường hiện nay giữ vị trí chủ chốt trong các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp nhà nước cũng như các doanh nghiệp tư nhân; nhà trường đã dần hình thành thương hiệu, uy tín bằng chất lượng đào tạo và sự ưu tiên quan tâm giúp đỡ người học thực hiện được nguyện vọng, mong muốn và ước mơ của mình.

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Công Thương, Bộ LĐTB&XH, nhà trường đã mở rộng 29 ngành nghề đào tạo với các trình độ khác nhau. Thông qua giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển xã hội bền vững, phát triển nâng cao nguồn nhân lực cho nền kinh tế tri thức của đất nước.

Qua 45 năm xây dựng và phát triển, có thể khẳng định đó là quá trình phát huy lợi thế, khắc phục khó khăn để trưởng thành. Vai trò vị trí của nhà trường ngày càng được khẳng định trong xã hội, cũng như trong hệ thống các trường Cao đẳng trong cả nước. Thành quả to lớn đó là do sự đoàn kết nhất trí, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tâm tận lực và tích cực sáng tạo của tập thể cán bộ, giáo viên, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên các khóa, các thế hệ của nhà trường, trong giảng dạy, nghiên cứu và học tập.

#### **\* Chức năng và nhiệm vụ**

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung trực thuộc Bộ Công Thương, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực công nghệ: Kỹ thuật địa chất, hóa chất, thông tin, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, cơ khí, kinh tế, môi trường,... theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp và sự phát triển kinh tế xã hội.

#### **\* Tóm lược các hoạt động chính của Trường**

**Đào tạo:** Nhà trường luôn bám sát mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện đúng quy trình tuyển sinh, đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ LĐTB&XH. **Tính đến 03/11/2023 Nhà trường có 29 ngành đào tạo trình độ cao đẳng, 27 ngành đào tạo trung cấp.** Trong những năm qua nhà trường luôn chú trọng công tác xây dựng và chỉnh lý chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp (GDNN), theo hướng phù hợp với đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội, của nhà tuyển dụng, tăng cường thực hành nghề nghiệp, đề cao tính tự học cho người học, phát huy tính sáng tạo trong quá trình học tập.

**Nghiên cứu khoa học:** Nhận thức về vai trò của nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học, khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường, trong những năm qua các thế hệ lãnh đạo của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung không chỉ tập trung thực hiện

nhiệm vụ đào tạo mà còn quan tâm đến các hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN). Từ quá trình thực hiện cho thấy, mỗi năm nhà trường đều có các đề tài, sáng kiến cải tiến kỹ thuật của CBVC, HSSV được áp dụng trong thực tiễn và phục vụ cho quá trình giảng dạy.

Phương châm của Trường “Nghiên cứu tốt là để giảng dạy tốt”. Do vậy, đã đầu tư bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy đạt chuẩn về trình độ, đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học; tất cả cho mục tiêu để đạt Trường chất lượng cao trong hệ thống Giáo dục nghề nghiệp của khu vực và quốc tế. Ngoài đề tài/sáng kiến nhà trường còn khuyến khích giáo viên, giảng viên viết bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, nhà trường cũng phát hành định kỳ hàng quý đặc san thông tin Khoa học & Công nghệ nhằm tạo điều kiện cho giáo viên, giảng viên trao đổi học thuật trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học đồng thời công bố những kết quả nghiên cứu của giáo viên, giảng viên trong Trường.

**Hợp tác quốc tế:** Trong những năm qua nhà trường luôn chú trọng đến việc kết nối với các tổ chức, các đơn vị đào tạo có uy tín trên thế giới để nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển năng lực nhà giáo, cập nhật kiến thức tiên tiến và tạo cơ hội để HSSV được tiếp cận kiến thức, kỹ năng chuẩn quốc tế nhằm góp phần nâng cao năng lực của nhà giáo và HSSV.

Mỗi năm, nhà trường đều lựa chọn các tổ chức quốc tế có uy tín để ký kết và triển khai các hoạt động hợp tác nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo như: Phòng công nghiệp và thương mại Đức tại Việt Nam AHK - GIZ, Công ty TNHH Nhân lực AKANE để hỗ trợ chương trình việc làm Nhật Bản, Cao đẳng Dong Ju - Hàn Quốc, ký cam kết hỗ trợ nguyên tắc trao quyền cho nữ giới với tổ chức UN Women - Liên hiệp quốc, tham gia nền tảng đào tạo trực tuyến Coursera, tham gia chương trình Tình nguyện viên UNDP - UNV, tổ chức The Vietnam Foundation về chương trình học tập trực tuyến Khan Academy, hợp đồng chương trình du học - việc làm - định cư tại Úc với tổ chức DSS Education...

Ngoài chương trình song bằng chất lượng cao nhận chuyển giao từ CHLB Đức, các khóa học ngoại ngữ, kỹ năng, trao đổi chuyên môn với chuyên gia từ các tổ chức quốc tế uy tín cũng thường xuyên được Nhà trường tổ chức bằng nhiều hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến, cụ thể như: Các khóa học tiếng Anh hoặc tiếng Nhật miễn phí dành cho học sinh, sinh viên và VC, NLĐ từ giáo viên bản xứ; Chương trình tiếng Anh ngoại khóa dành cho HSSV; Khóa tham quan, học tập kỹ thuật nuôi cấy mô thực vật giống hoa cúc tại Nông trường JICA, Đà Lạt. Khóa học Công dân toàn cầu lần đầu tiên đưa vào giảng dạy chính thức cho sinh viên khóa 44 với 5 giảng viên mời giảng là giáo sư, tiến sĩ quốc tế. Nhà trường cũng tổ chức nhiều hội thảo về chuyển đổi số, giáo dục toàn cầu với hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến với các chuyên gia trong lĩnh vực từ Pháp, Hoa Kỳ, CHLB Đức, Ý, Canada...

**Xây dựng đội ngũ:** Công tác quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên và CBQL luôn được ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển năng lực chuyên môn, tính chuyên nghiệp. Chất lượng đội ngũ cán bộ ngày càng tăng đạt được so với kế hoạch đề

ra, tính đến ngày 03/11/2023 nhà trường có 15 tiến sỹ, 94 thạc sỹ. Công tác tuyển dụng thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế của nhà trường.

**Xây dựng cơ sở vật chất:** Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư khang trang, hiện đại đáp ứng chỗ học cho trên 8000 học sinh, sinh viên/ngày. Tất cả các phòng làm việc được trang bị thiết bị hiện đại, có nối mạng internet, phủ sóng wifi ở 2 cơ sở để phục vụ công tác chuyên môn và quản lý.

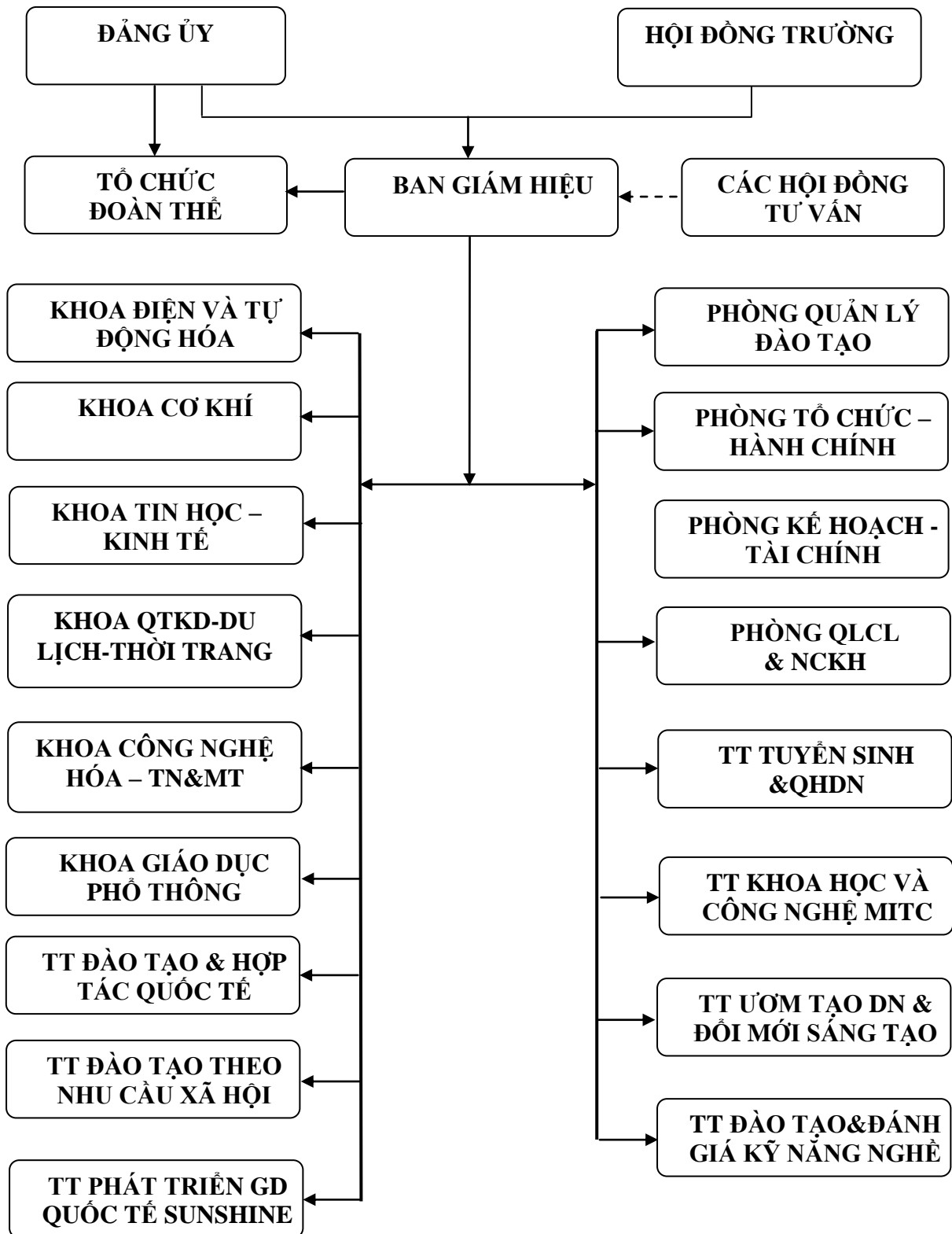
Ngoài đầu tư CSVC, trang thiết bị dạy học theo nguồn từ chương trình mục tiêu GDNN, nhà trường còn sử dụng nguồn không thường xuyên của trường để đầu tư khoảng 1 – 2 tỷ đồng mỗi năm để đầu tư trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu và nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Đồng thời nhà trường được Bộ LĐTB&XH phê duyệt tham gia các dự án: “ Chương trình kỹ năng, kiến thức cho phát triển kinh tế toàn diện” nguồn vốn ODA với kinh phí hơn 74 tỷ đồng, Dự án Phục hồi kinh tế xã hội với nguồn vốn 70 tỷ đồng nhằm hoàn thiện CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao.

**\* Thành tích nổi bật đã đạt được:**

Chính từ những thành quả đó mà nhà trường đã được Đảng và Nhà nước khen tặng nhiều huân, huy chương và bằng khen: Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2008; Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2013; Biểu tượng vàng "Nguồn nhân lực Việt Nam – Lần thứ I, năm 2011" do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trao tặng; Nhiều Cờ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y Tế, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Phú Yên, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn Công Thương Việt Nam,...

### 3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường Cao Đẳng Công Thương miền Trung

#### 3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



### 3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Trường Cao Đẳng Công Thương miền Trung

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức vụ
<b>1. Ban Giám hiệu</b>	TS. Trần Kim Quyên	Hiệu trưởng
	Ths. Nguyễn Văn Đức	Phó Hiệu trưởng
	TS. Nguyễn Thị Kim Ngọc	Phó Hiệu trưởng
	TS. Lê Kim Anh	Phó Hiệu trưởng
<b>2. Tổ chức Đảng, Công Đoàn, Đoàn thanh niên</b>		
Đảng bộ	TS. Trần Kim Quyên	Bí thư
Chi bộ Đào tạo	TS. Trần Thị Nguyệt Cầm	Bí thư
<b>Chi bộ Nội chính</b>	<b>TS. Lê Kim Anh</b>	<b>Bí thư</b>
Chi bộ Cơ – Điện	TS. Nguyễn Trung Thoại	Bí thư
<b>Chi bộ Tin học – Kinh tế</b>	<b>Ths. Cao Thị Nhung</b>	<b>Bí thư</b>
Chi bộ Quản trị - Khoa học cơ bản	Ths. Võ Hoàng Vũ	Bí thư
Chi bộ trung tâm	Ths. Võ Văn Lợi	Bí thư
Công đoàn	TS. Võ Thị Mỹ Nga	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Tấn Khả	Bí thư
<b>3. Các Phòng chức năng</b>		
Phòng QLCL&NCKH	Ths. Huỳnh Mạnh Nhân	Trưởng phòng
Phòng QLĐT	TS. Trần Thị Nguyệt Cầm	Trưởng phòng
Phòng TCHC	Ths. Nguyễn Thanh Thuyền	Phó Trưởng phòng- Phụ trách phòng
Phòng KHTC	Ths. Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Trưởng phòng
<b>4. Các Khoa chuyên môn</b>		
Khoa Điện & Tự động hóa	TS. Nguyễn Trung Thoại	Trưởng khoa
Khoa Tin học – Kinh tế	Ths. Ngô Thị Hường	Trưởng khoa
Khoa QTKD-DL-TT	TS. Huỳnh Văn Thái	Trưởng khoa
Khoa Cơ khí	Ths. Bùi Mạnh Tuấn	Trưởng khoa
Khoa CN Hóa -TN&MT	TS. Trương Thành Tâm	Phụ trách khoa
Khoa Giáo dục Phổ thông	Ths. Võ Hoàng Vũ	Trưởng khoa
<b>5. Các Trung tâm</b>		
Trung tâm đào tạo và HTQT	Ths. Nguyễn Thị Thu Nhuận	Giám đốc
Trung tâm KH&CN MITC	TS. Phan Đức Lệnh	Giám đốc



Trung tâm ƯTDN & ĐMST	Ths. Võ Văn Lợi	Giám đốc
Trung tâm PTGDQT Sunshine	Ths. Võ Văn Lợi	Giám đốc
Trung tâm TS&QHĐN	TS. Võ Thị Mỹ Nga	Giám đốc
Trung tâm ĐTTNC Xã hội	Ths. Đặng Thị Nghĩa	Giám đốc
Trung tâm ĐT&ĐGKNN	Ths. Đặng Thị Nghĩa	Giám đốc

### 3.3. Tổng số CBVC của Trường (tính đến 03/11/2023): 169

- Nam: 83 - Nữ: 86

### 3.4. Đội ngũ giáo viên, giảng viên: 130

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	15
Thạc sĩ	94
Đại học	17
Trình độ khác	04

## 4. Ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường Cao Đẳng Công Thương miền Trung

### 4.1. Ngành, nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh

TT	Tên ngành	Mã ngành	Quy mô tuyển sinh	Trình độ
<b>I</b>	<b>CAO ĐẲNG</b>		<b>805</b>	
1	Cắt gọt kim loại	6520121	20	Cao đẳng
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	50	Cao đẳng
3	Công nghệ kỹ thuật địa chất	6510901	30	Cao đẳng
4	Công nghệ thông tin	6480202	30	Cao đẳng
5	Lắp đặt bảo trì hệ thống năng lượng tái tạo	6520270	30	Cao đẳng
6	Điện công nghiệp	6520227	50	Cao đẳng
7	Điện tử công nghiệp	6520225	30	Cao đẳng
8	Hàn	6520123	30	Cao đẳng
9	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	6810205	30	Cao đẳng
10	Kỹ thuật chế biến món ăn	6810207	20	Cao đẳng
11	Quản trị khách sạn	6810201	20	Cao đẳng
12	Hướng dẫn du lịch	6810103	60	Cao đẳng
13	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	30	Cao đẳng
14	Phân tích các sản phẩm lọc dầu	6510707	15	Cao đẳng
15	Truyền thông và mạng máy tính	6480104	20	Cao đẳng

16	Công nghệ chế tạo máy	6510212	20	Cao đẳng
17	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	20	Cao đẳng
18	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305	20	Cao đẳng
19	Công nghệ kỹ thuật hóa học	6510401	30	Cao đẳng
20	Công nghệ kỹ thuật môi trường	6510421	20	Cao đẳng
21	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	6510902	30	Cao đẳng
22	Công nghệ ô tô	6510216	30	Cao đẳng
23	Công nghệ thực phẩm	6540103	20	Cao đẳng
24	Kế toán	6340301	30	Cao đẳng
25	Quản lý đất đai	6820102	20	Cao đẳng
26	Quản trị kinh doanh	6340404	30	Cao đẳng
27	Kinh doanh thương mại	6340101	30	Cao đẳng
28	Thiết kế đồ họa	6210402	20	Cao đẳng
29	Công nghệ may	6540204	20	Cao đẳng
<b>II</b>	<b>TRUNG CẤP</b>		<b>950</b>	
1	Cắt gọt kim loại	5520121	30	Trung cấp
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5510201	30	Trung cấp
3	Công nghệ kỹ thuật địa chất	5510901	20	Trung cấp
4	Công nghệ thông tin	5480202	70	Trung cấp
5	Lắp đặt bảo trì hệ thống năng lượng tái tạo	5520270	30	Trung cấp
6	Sinh học ứng dụng	5420201	30	Trung cấp
7	Điện công nghiệp	5520227	70	Trung cấp
8	Điện tử công nghiệp	5520225	30	Trung cấp
9	Hàn	5520123	30	Trung cấp
10	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	30	Trung cấp
11	Quản trị khách sạn	5810201	20	Trung cấp
12	Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn	5810205	50	Trung cấp
13	Hướng dẫn du lịch	5810103	30	Trung cấp
14	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	60	Trung cấp
15	Phân tích các sản phẩm lọc dầu	5510707	15	Trung cấp
16	Kinh doanh thương mại	5340101	30	Trung cấp
17	Công nghệ kỹ thuật ô tô	5510202	60	Trung cấp
18	Hóa phân tích	5510404	30	Trung cấp
19	Kế toán doanh nghiệp	5340302	80	Trung cấp
20	Khai thác mỏ	5511003	20	Trung cấp
21	Khoan thăm dò địa chất	5510915	20	Trung cấp
22	Trắc địa- Địa hình- Địa chính	5510907	20	Trung cấp
23	Quản lý doanh nghiệp	5340420	60	Trung cấp
24	Quản trị mạng máy tính	5480209	20	Trung cấp
25	Thiết kế thời trang	5540206	15	Trung cấp
26	Công nghệ may	5540204	20	Trung cấp
27	Chăm sóc sắc đẹp	5810404	30	Trung cấp

#### 4.2. Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm trước năm tự đánh giá)

TT	Quy mô năm	Khóa	Năm tính	Cao đẳng		CD liên thông		Tổng cao đẳng quy đổi	Trung cấp		Tổng quy mô
				Số lượng	Quy đổi	Số lượng	Quy đổi		Số lượng	Quy đổi	
I	2021	<b>Cộng</b>		<b>1390</b>	<b>1032</b>	<b>88</b>	<b>44</b>	<b>1076</b>	<b>3258</b>	<b>2216,5</b>	<b>3292,5</b>
		41	2018	340	170						41
		42	2019	351	351				1187	593,5	42
		43	2020	322	322	44	22		1175	1175	43
		44	2021	377	188,5	44	22		896	448	44
II	2022	<b>Cộng</b>		<b>1538</b>	<b>1100</b>	<b>144</b>	<b>72</b>	<b>1172</b>	<b>2991</b>	<b>1943,5</b>	<b>3115,5</b>
		42	2019	341	170,5						42
		43	2020	305	305				1175	587,5	43
		44	2021	357	357	44	22		896	896	44
		45	2022	535	267,5	100	50		920	460	45
III	2023	<b>Cộng</b>									

### 5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

#### 5.1. Cơ sở vật chất

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có 02 trụ sở đào tạo, với tổng diện tích đất 15,6 ha.

a) Trụ sở 1: 261 Nguyễn Tất Thành - Phường 8 - Tp. Tuy Hòa – Phú Yên.

- Tổng diện tích đất : 25.432 m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 7.305 m<sup>2</sup>

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 18.127 m<sup>2</sup>

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng (m <sup>2</sup> )	Đang xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Khu hiệu bộ	1.070	
2	Phòng học lý thuyết	4.644	
3	Xưởng/Phòng thực hành	5.820	
4	Khu phục vụ	10.886	
4.1	Thư viện	2.400	

4.2	Ký túc xá	3.160	
4.3	Nhà ăn	306	
4.4	Trạm y tế	20	
4.5	Khu thể thao	5.000	
5	Khác	3.358	
5.1	Nhà khách	1.488	
5.2	Nhà để xe	500	
5.3	Vườn thực nghiệm	800	
5.3	Vườn khoan địa chất	570	

b) Trụ sở 2: 01 Nguyễn Hữu Thọ - Phường 9 - Tp. Tuy Hòa – Phú Yên.

- Tổng diện tích đất : 130.606 m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 26.260 m<sup>2</sup>

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 104.346 m<sup>2</sup>

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng (m <sup>2</sup> )	Đang xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Khu hiệu bộ		
2	Phòng học lý thuyết	10.000	
3	Xưởng/Phòng thực hành	7.200	
4	Khu phục vụ	170	
4.1	Thư viện	150	
4.2	Trạm y tế	20	
5	Khác	23.250	
5.1	Nhà để xe	500	
5.2	Trạm xử lý nước thải	750	
5.3	Sân đường nội bộ + hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước	22.000	

c) Tổng số máy tính của trường: 323 bộ, trong đó:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 60 bộ;

- Dùng cho học sinh, sinh viên học tập: 263 bộ.

## 5.2. Tổng số đầu sách trong thư viện gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường

- Sách thô: 13.811 đầu sách, tương ứng 50.296 cuốn;

- Sách điện tử: hơn 29.000 đầu sách.

### 5.3. Tài chính

#### BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGUỒN THU CỦA TRƯỜNG

*ĐVT: đồng*

STT	Diễn giải	Năm			Ghi chú
		2020	2021	2022	
1	Học phí	6.534.077.000	6.239.861.400		
2	Ngân sách cấp	40.027.514.000	30.342.500.000		
3	Hoạt động SXDK	1.984.025.000	2.541.098.359		
4	Thu khác	542.940.000	661.266.640		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>49.088.556.000</b>	<b>39.784.726.399</b>		

Trên cơ sở các nguồn thu, nhà trường có kế hoạch phân bổ, sử dụng hợp lý thực hiện theo đúng mục lục ngân sách Nhà nước, các quy định của Bộ Tài chính, và căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo các hoạt động của nhà trường được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch năm học đã đề ra.

#### BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGUỒN CHI CỦA TRƯỜNG

*Đvt: đồng*

Diễn giải	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2023
Chi thường xuyên	17.900.000.000	10.900.000.000	
Chi không thường xuyên	16.127.514.000	19.442.500.000	
Chi đầu tư		3.700.000.000	
Chi chương trình mục tiêu	6.000.000.000		
Chi từ nguồn học phí, HĐSXKD, chi khác	962.230.000	1.367.398.160	
Chi khác	542.940.000	159.544.545	
Trích lập quỹ	7.555.872.000	4.215.283.694	
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.088.556.000</b>	<b>39.784.726.399</b>	

**PHẦN II**  
**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG**

**1. Đặt vấn đề**

**1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng GDNN**

Kiểm định chất lượng (KĐCL) GDNN là một hoạt động có yêu cầu cao về tính khoa học, khách quan, công bằng, đồng thời bảo đảm tính thiết thực, chống hình thức, chống sự tùy tiện. Một trong những điều kiện, tiền đề không thể thiếu để đáp ứng các yêu cầu nói trên là: hoạt động KĐCL Giáo dục nghề nghiệp được tiến hành trên cơ sở pháp luật và theo các quy định của pháp luật.

Đối với trường Cao đẳng Công Thương miền Trung, KĐCL có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp nhà trường có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ. Thông qua hoạt động KĐCL, thương hiệu, uy tín của nhà trường sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

Vì vậy, KĐCL Giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động không thể thiếu được trong hoạt động quản lý nhà nước về GDNN, điều này càng trở nên quan trọng hơn khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Trong khi chất lượng nguồn nhân lực là vũ khí cạnh tranh quan trọng nhất thì một trong những khâu yếu nhất của giáo dục nói chung và GDNN nói riêng ở Việt Nam là chất lượng đào tạo chưa cao.

Nguyên nhân chủ yếu là do các yếu tố đầu vào và các điều kiện bảo đảm chất lượng bên trong quá trình tổ chức đào tạo như: cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực tập thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học; một số nội dung chương trình, tài liệu giảng dạy cho một số ngành, nghề đang sử dụng đã lạc hậu chưa đổi mới kịp thời.

Để đáp ứng được các yêu cầu trên, căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL, ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021. Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đã xây dựng kế hoạch Tự đánh giá chất lượng Trường số 1524/KH-CDCT ngày 17/10/2022. Quá trình tự kiểm định đã huy động được Ban Giám hiệu, cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên, giảng viên trong toàn trường.

**1.2. Vai trò của hoạt động kiểm định chất lượng GDNN**

Hoạt động KĐCLGDNN là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa to lớn đối với xã hội. Nói cụ thể hơn, KĐCLGDNN có vai trò quan trọng trên các phương diện sau:

a) Đối với xã hội, hoạt động kiểm định thường mang tính xã hội rất cao, thể hiện ở chỗ: Đó là sự đảm bảo trước xã hội về chất lượng “sản phẩm” của cơ sở GDNN hoặc của chương trình GDNN; xác nhận chất lượng và hiệu quả đào tạo của cơ sở GDNN là cơ sở cho việc tuyển dụng, xem xét năng lực thực hành của những người học; là cơ sở cho việc trao đổi và di chuyển lao động giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng lao động trong và ngoài nước. Thông qua quá trình kiểm định, các cơ sở GDNN

luôn chủ động và có ý thức trong việc không ngừng nâng cao chất lượng GDNN của mình, nâng cao hiệu quả của đầu tư cho hoạt động đào tạo.

b) Đối với người học, KĐCLGDNN với mục đích cung cấp các dịch vụ cho người học là nhằm đáp ứng những đòi hỏi, sự ham muốn và phát huy các khả năng tiềm tàng của người học đối với các chương trình GDNN. Dịch vụ nhân sự cho người học phải xây dựng các chương trình định hướng và lập hệ thống hồ sơ nhân sự phù hợp gồm: dịch vụ tư vấn cá nhân; chương trình định hướng cho học sinh, sinh viên (HSSV); dịch vụ lưu giữ các hồ sơ của người học; dịch vụ tài chính cho người học; dịch vụ ăn và ở; dịch vụ giới thiệu việc làm,...

Vì thế, KĐCL sẽ đảm bảo độ tin cậy đối với cơ sở GDNN hay một chương trình GDNN mà người học đó đang theo học, họ có thể yên tâm vì nhu cầu học tập của họ được đáp ứng một cách tốt nhất. Giúp cho người học chuyển đổi việc học tập giữa các trường hoặc được công nhận khi họ có nhu cầu bồi dưỡng, nâng cao trình độ. Điều quan trọng hơn là nếu được học ở những cơ sở GDNN có uy tín và những chương trình GDNN phù hợp đã được khẳng định qua KĐCL thì người học sẽ dễ tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm khi ra trường, là tiền đề giúp cho người học được công nhận trong việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

c) Đối với cơ sở GDNN, KĐCL có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp cơ sở GDNN có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một cơ sở GDNN có chất lượng cao. Hay nói cách khác thông qua KĐCL, thương hiệu, uy tín của một cơ sở GDNN sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

d) Đối với cơ quan quản lý các cấp, KĐCL được coi là một công cụ đảm bảo đánh giá một cách khách quan về cơ sở GDNN hoặc một chương trình GDNN, phát hiện những nhân tố mới trong số các cơ sở GDNN đã thực hiện tốt các giải pháp cải tiến, tự hoàn thiện mình để nâng cao chất lượng đào tạo. Việc các cơ quan kiểm định áp dụng các "Tiêu chuẩn KĐCL" sẽ tránh được những tác động bên ngoài có hại tới uy tín của cơ sở GDNN. Hơn nữa, nếu KĐCL nói chung và tự kiểm tra, tự đánh giá nói riêng được tiến hành tốt sẽ thúc đẩy các cơ sở GDNN cải tiến nâng cao chất lượng.

đ) Đối với người sử dụng lao động, HSSV tốt nghiệp từ các chương trình GDNN đã được KĐCL, từ các cơ sở GDNN đã được cấp giấy chứng nhận "chất lượng" giúp họ yên tâm hơn. GDNN là một hoạt động dịch vụ. Chất lượng hoạt động dịch vụ này không nằm ngoài những vấn đề chung về chất lượng và quản lý chất lượng. Do đó thông qua việc đánh giá và chứng nhận các cơ sở GDNN đạt "chất lượng" là một việc làm cần thiết để hoạt động đào tạo đi vào nề nếp, nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo thông qua đó đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

## **2. Tổng quan chung**

### **2.1. Căn cứ tự đánh giá**

Căn cứ Luật GDNN năm 2014 tại khoản 12 Điều 23 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tự thực: "Thực hiện kiểm định và bảo đảm

chất lượng đào tạo theo quy định”; Điều 65, 67, 68, 69, 70 chương VI Kiểm định chất lượng GDNN.

Căn cứ Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ thông tư số 28/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-CDCT ngày 20/10/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Nhà trường.

Căn cứ Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng trường Cao đẳng Công Thương miền Trung số 1694/KH-CDCT ngày 20/10/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương miền Trung.

## **2.2. Mục đích của tự đánh giá**

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, giảng viên, nhân viên và HSSV trong toàn Trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định các điều kiện đảm bảo chất lượng GDNN của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong trường cùng thực hiện công tác tự kiểm định.

Thu thập, xử lý thông tin minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN. Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn, trung, dài hạn và qua đó giúp nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng Trường trở thành cơ sở đào tạo đạt chất lượng cao, thương hiệu và uy tín của nhà trường được xã hội biết đến và thừa nhận.

## **2.3. Yêu cầu tự đánh giá**

Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định; hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong Trường.

Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch; đánh giá toàn diện các hoạt động, mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung GDNN của nhà trường.

## **2.4. Phương pháp tự đánh giá**

Nghiên cứu Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 và Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn KĐCL cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, Cao đẳng; thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của Trường và những chứng cứ để chứng minh.



Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các đơn vị, CBQL, giáo viên, giảng viên, HSSV và người sử dụng lao động; phân công các đơn vị viết phiếu đánh giá chi tiết tiêu chí, tiêu chuẩn sau đó tổng hợp thành báo cáo chung.

## 2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Thành lập hội đồng kiểm định chất lượng GDNN;
- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch thực hiện tự kiểm định chất lượng GDNN;
- Hướng dẫn các đơn vị trong trường thực hiện tự kiểm định chất lượng GDNN và viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng GDNN của đơn vị, bao gồm:
  - + Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.
  - + Các đơn vị được phân công viết báo cáo đánh giá chi tiết tiêu chí.
  - + Thông qua Hội đồng KĐCLGDNN.
  - + Viết báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường.
  - + Lấy ý kiến về báo cáo tự đánh giá.
  - + Chính sửa, bổ sung hoàn chỉnh báo cáo và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng Trường về Tổng cục GDNN.

## 3. Tự đánh giá

### 3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	<b>ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC</b>		<i>Đạt/Không đạt chất lượng</i>
	<b>Tổng điểm</b>	<b>100</b>	<b>97</b>
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý</b>	<b>12</b>	<b>12</b>
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai	1	1
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp	1	1
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường	1	1

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của CSGDNN</b>
	theo quy định		
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>	<b><i>17</i></b>	<b><i>17</i></b>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết	1	1
	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan	1	1
	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học	1	0
	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt	1	1
	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại 1 đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm	1	1
	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học	1	1

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của CSGDNN</b>
	Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả	<i>1</i>	<i>1</i>
<b>3</b>	<b>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động</b>	<b><i>15</i></b>	<b><i>15</i></b>
	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy	1	1
	Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo	1	1
	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của CSGDNN</b>
	Tiêu chuẩn 3.10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được miễn nhiệm, bổ nhiệm theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 3.14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ	<i>1</i>	<i>1</i>
<b>4</b>	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>	<b><i>15</i></b>	<b><i>15</i></b>
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	1	1
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành	1	1
	Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài	1	1
	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học	1	1
	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức	1	1
	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	1	0

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định	1	1
<b>5</b>	<b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	<b>15</b>	<b>14</b>
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo	1	1
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định	1	1



TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo		
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành	1	1
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó	1	0
	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường	1	1
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng		
	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in	1	1
	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học	1	1
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo	1	1
<b>6</b>	<b>Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế</b>	<b>5</b>	<b>5</b>
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng)	1	1
	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế	1	1
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn	1	1

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của CSGDNN</b>
	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường	<i>1</i>	<i>1</i>
<b>7</b>	<b>Tiêu chí 7: Tài chính và quản lý tài chính</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường	<i>1</i>	<i>1</i>
<b>8</b>	<b>Tiêu chí 8: Dịch vụ người học</b>	<b>9</b>	<b>9</b>
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của CSGDNN</b>
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng	<i>1</i>	<i>1</i>
<b>9</b>	<b>Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động	<i>1</i>	<i>1</i>

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của CSGDNN</b>
	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có	<i>1</i>	<i>1</i>
	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp	<i>1</i>	<i>1</i>

### **3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn**

#### **3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý**

##### **\* Mở đầu:**

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương, nhà trường luôn xác định rõ sứ mạng của mình, từ đó định ra các mục tiêu trong từng giai đoạn để hoàn thành các nhiệm vụ giáo dục và đào tạo được giao, đồng thời góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và cả nước nói chung. Năm 2017, nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa (nay là trường Cao đẳng Công Thương miền Trung) giai đoạn 2017-2022 tầm nhìn đến năm 2035. Kế hoạch chiến lược đã xác định sứ mạng của trường là: "*Cung cấp cho người học, cộng đồng xã hội dịch vụ đào tạo, nghiên cứu có chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội*".

Mục tiêu và nhiệm vụ của Trường được công bố công khai trên các hệ thống thông tin đại chúng. Ngoài ra, căn cứ vào định hướng phát triển của ngành, trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương và nhu cầu xã hội, nhà trường thường xuyên rà soát, điều

chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng quy mô phát triển của trường, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành.

Đồng thời nhà trường cũng thường xuyên rà soát, điều chỉnh hệ thống các văn bản quy định về cơ cấu tổ chức, trách nhiệm quyền hạn của các đơn vị theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm,.. và duy trì và triển khai hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, phân công bộ phận chuyên trách thực hiện và đảm bảo hiệu quả hoạt động này.

Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên là hạt nhân nòng cốt trong công tác lãnh đạo, phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của nhà trường, đã triển khai xây dựng quy chế phối hợp giữa các tổ chức và nhà trường nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ trường cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng hệ thống kiểm tra, giám sát nhằm duy trì công tác bảo đảm chất lượng và triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi và bình đẳng giới.

**\* Những điểm mạnh:**

Tuyên bố sứ mạng của nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển trường, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, được phổ biến rộng rãi trong toàn trường và ngoài xã hội. Các ngành nghề đào tạo, quy mô đào tạo cho 29 ngành, nghề cao đẳng và 27 ngành, nghề trung cấp của trường dựa trên phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp và các đơn vị tuyển dụng lao động. Mục tiêu nhiệm vụ của Trường được xác định rõ ràng, cụ thể theo từng giai đoạn phát triển và theo từng năm học; được công bố công khai bằng nhiều hình thức như: phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, truyền hình), tài liệu giới thiệu về trường (kỷ yếu, tờ rơi, tập san, thông báo tuyển sinh,...) và trang Website của trường.

Việc điều chỉnh chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ được Trường thực hiện kịp thời, trong đó phản ánh đúng xu thế phát triển của trường gắn với nhu cầu thực tế của thị trường lao động và định hướng phát triển của ngành; kế thừa và phát triển những thành tựu mới của khoa học để vận dụng vào mục tiêu đào tạo nghề mang tính hiện đại và thực tiễn. Ngoài ra hệ thống các văn bản quy định về tổ chức và quản lý, các Hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và trung tâm trực thuộc được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị. Tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên trong nhà trường phát huy tốt vai trò lãnh đạo, hoạt động theo đúng điều lệ và theo quy định của pháp luật.

Nhà trường có hệ thống BDCL theo quy định và ban hành đầy đủ các quy định kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học, phổ biến, triển khai đầy đủ các văn bản hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với CBVC, HSSV đồng thời thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

**\* Những tồn tại: Không**

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục rà soát cập nhật và bổ sung hệ thống văn bản của Trường; rà soát, khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của địa phương, ngành, các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp,... để kịp thời điều chỉnh mục tiêu nhiệm vụ của Trường.

**Điểm đánh giá tiêu chí 1**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 1</b>	<b>12</b>
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

**a) Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chức năng, nhiệm vụ của nhà trường được xác định “*Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng kỹ thuật và các trình độ thấp hơn trong các lĩnh vực công nghệ: Kỹ thuật địa chất, hóa chất, thông tin, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, cơ khí, kinh tế, môi trường theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học – công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất – kinh doanh của ngành Công Thương và sự phát triển kinh tế xã hội*”. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được xác định, Trường Cao Đẳng Công Thương miền Trung đã xác định mục tiêu và sứ mạng cụ thể, rõ ràng trong các văn bản như: Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa (nay là trường Cao đẳng Công Thương miền Trung) giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến năm 2035; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025. Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định như sau:

Mục tiêu: *Xây dựng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp uy tín, chất lượng trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp Việt Nam và Khu vực. Ứng dụng khoa học công nghệ mới, hiện đại vào quản lý, giảng dạy, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Hoàn thiện các điều kiện cơ bản nhằm đảm bảo*

đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, có khả năng hội nhập phục vụ cho nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sứ mạng: *Cung cấp cho người học, cộng đồng xã hội dịch vụ đào tạo, nghiên cứu có chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội (1.1.01 - Quyết định số 281/QĐ/TC ngày 01/8/1978 về việc thành lập trường Trung học Chuyên nghiệp Địa chất II của Tổng cục Địa chất; 1.1.02 - Quyết định số 575/CNNg-TC ngày 21/12/1991 về việc đổi tên Trường Trung học chuyên nghiệp Địa chất II Thành trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng bộ Công nghiệp Năng; 1.1.03 - Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 về việc thành lập Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; 1.1.04 - Quyết định số 122/QĐ-LĐTĐ ngày 06/2/2018 về việc đổi tên Trường thành Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; 1.1.05 - Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.1.10 - Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa (nay là trường Cao đẳng Công Thương miền Trung) giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến năm 2035; 1.1.11 - Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp-<http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep>; 1.1.12 - Bảng tổng hợp thông tin tuyển dụng hàng năm; 1.1.13 - Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025 và các văn bản của địa phương/ngành để xác định nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực; 1.1.14 - Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường; 1.1.15 - Phiếu khảo sát nhu cầu tuyển dụng và chất lượng đào tạo).*

Ngoài ra, vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng. Căn cứ vào mục tiêu của năm học các đơn vị trong Trường xây dựng mục tiêu và kế hoạch để triển khai thực hiện (1.1.17 - *Mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của trường, của các đơn vị hàng năm*).

Mục tiêu và nhiệm vụ của Trường được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng thông qua các bài viết giới thiệu về Trường, đăng thông tin tuyển sinh trên các báo, đài...; được giới thiệu qua các video, tờ rơi, thông báo tuyển sinh, Brochure...giới thiệu về Trường. (1.1.06 - *Các bài báo đăng bài về Trường; các tài liệu quảng bá, thông tin về Trường hàng năm*); đăng tải trên Website của trường tại địa chỉ: <http://mitc.edu.vn/gioi-thieu/su-mang-tam-nhin-va-cac-gia-tri.html> (1.1.07 - *Địa chỉ Website của trường http://mict.edu.vn/gioi-thieu/su-mang-tam-nhin-va-cac-gia-tri.html*).

### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**b) Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp**

### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Xác định tầm quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực, ngày 18/8/2021, Tỉnh ủy Phú Yên khóa XVII đề ra Chương trình hành động (CTHD) số 08, 09, 10, 11 về tăng cường đầu tư phát triển kinh tế xã hội và thu hút nhân lực trình độ cao, gắn đào tạo. Trên cơ sở kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp; tổng



hợp thông tin tuyển dụng hàng năm. Hội đồng Khoa học và Đào tạo tổ chức thảo luận, phân tích đánh giá nhân lực cho từng ngành nghề đào tạo, dựa trên đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, trang thiết bị,... và phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho từng ngành, nghề đào tạo (1.1.02 - Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025 và các văn bản của địa phương/ngành để xác định nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực; 1.2.01- Biên bản họp hội đồng khoa học và đào tạo hàng năm; 1.2.02- Phiếu khảo sát nhu cầu tuyển dụng và chất lượng đào tạo; 1.2.03- Bảng tổng hợp thông tin tuyển dụng hàng năm; 1.2.04 – Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp- <http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep>; 1.2.05- Thông báo tuyển sinh hàng năm).

Nhà trường đã hoàn thành việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo yêu cầu của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Hiện nay nhà trường đang tiến hành đào tạo cho 29 ngành, nghề cao đẳng và 27 ngành, nghề trung cấp (1.2.06 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp). Các ngành, nghề và quy mô đào tạo của nhà trường theo giấy chứng nhận phù hợp với nhu cầu nhân lực của địa phương và khu vực. Học sinh, sinh viên của Trường khi tốt nghiệp không đủ số lượng đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng.

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**c) Tiêu chuẩn 1.3: Nhà trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để đảm bảo các hoạt động của Trường được thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường, Trên cơ sở quy định của Điều lệ trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường. Trong đó cơ cấu tổ chức, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị được thể hiện cụ thể ở Điều 5 của quy chế này, bao gồm: Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các hội đồng tư vấn, các phòng, ban chức năng, các khoa và bộ môn, các trung tâm, tổ chức đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Các cơ cấu tổ chức này hoạt động theo chức năng và tự chịu trách nhiệm (1.1.05 - Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung). Cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ trường cao đẳng và được cụ thể hóa trong Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường (1.3.01 - Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường). Trường đã sắp xếp bộ máy tổ chức của Trường thành ba cấp:

- Trường (Ban Giám hiệu);
- Phòng/ Khoa /Trung tâm;
- Bộ môn thuộc khoa.

Nhà trường tiến hành sắp xếp lại các phòng, khoa, trung tâm theo hướng tinh gọn

(1.3.02 – *Quyết định thành lập các phòng, khoa, trung tâm*). Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Trường gồm: 04 phòng, 06 khoa và 06 trung tâm trực thuộc Trường. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị. (1.3.03 - *Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm*; 1.3.04 – *Quyết định ban hành Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và thi đua, khen thưởng*; 1.3.05 - *Quy chế dân chủ cơ sở*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**d) Tiêu chuẩn 1.4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trên cơ sở tình hình thực tế về nhân sự và yêu cầu của việc tổ chức hoạt động và quy định của Điều lệ trường cao đẳng, quy định về thẩm quyền về tổ chức, biên chế, quản lý cán bộ, công chức, viên chức đối với các Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Tổng cục, Cục và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương.

Ngày 06/02/2018 trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa được đổi tên thành trường Cao đẳng Công Thương miền Trung theo quyết định số 122/QĐ-LĐTBXH. Do vậy, nhà trường tiến hành rà soát các văn bản quy định về tổ chức quản lý của nhà trường như: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định chế độ làm việc của nhà giáo, Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và thi đua, khen thưởng,... đều được rà soát và thực hiện điều chỉnh để phù hợp với tên trường mới.

Việc tổ chức rà soát, điều chỉnh được nhà trường tổ chức vào tổng kết năm học hằng năm hoặc tại Hội nghị CBVCNLD, Hội nghị cán bộ chủ chốt... căn cứ vào kết quả đóng góp nhà trường sẽ ban hành lại và đưa vào sử dụng (1.1.05 - *Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung*; 1.3.01 - *Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường*; 1.3.03 - *Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm*; 1.3.04 - *Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và thi đua, khen thưởng*; 1.4.01 - *Quyết định ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung*; 1.4.03 - *Quyết định ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**d) Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, trong đó quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, phân công, phân cấp rõ ràng nhiệm vụ của Hội đồng Trường (đang hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Công Thương), các Hội đồng tư vấn, các phòng chức

năng, các khoa, đơn vị trực thuộc trong Trường (*1.1.05 - Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung*).

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, nhà trường ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường (*1.3.01 - Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường*), trong đó cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc. Căn cứ vào quy định làm việc của Trường và nhiệm vụ phân công mỗi năm học, hàng năm các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc xây dựng quy trình thực hiện, lập kế hoạch, nhiệm vụ công tác trọng tâm của năm học, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của đơn vị để căn cứ thực hiện (*1.5.01 - Quyết định số 3339/QĐ-BCN ngày 13/10/2005 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung, Quyết định số 1927/QĐ-BCT, ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.5.02 - Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường hàng năm; 1.5.03 - Quyết định khen thưởng thi đua hàng năm*). Ngoài ra, Trường đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cấp (*1.2.06 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp*), chứng tỏ nhà trường có đầy đủ các điều kiện để tổ chức tuyển sinh, đào tạo các ngành nghề.

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**e) Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Ngày 14/8/2020 trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đã tiến hành thực hiện qua 7 bước, giới thiệu trình Bộ Công Thương danh sách Hội đồng Trường gồm 15 thành viên là các cán bộ chủ chốt của Trường, đại diện cơ quan chủ quản, đại diện 01 doanh nghiệp. Ngày 30/11/2020 Bộ Công Thương đã ban hành quyết định số 3129/QĐ-BCT công nhận hội đồng trường và bổ nhiệm chủ tịch hội đồng trường (*1.6.01 - Quyết định số 3129/QĐ-BCT ngày 30/11/2020 về việc thành lập hội đồng trường và công nhận bổ nhiệm chủ tịch hội đồng trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.6.02 - Danh sách hội đồng trường*).

Để đảm bảo hoạt động của Trường, Hiệu trưởng ký các quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn như: Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tuyển dụng viên chức, Hội đồng lương,...(*1.6.03 - Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn hàng năm*). Nhiệm vụ của các hội đồng tư vấn thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và được nêu cụ thể trong quyết định thành lập.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ các hội đồng tư vấn đã đề xuất các ý kiến tư vấn cho Hiệu trưởng trong từng lĩnh vực cụ thể, liên quan đến việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường. Đối với các phòng, khoa, trung tâm và các đơn vị trực

thuộc Trường, định kỳ hàng năm nhà trường tổ chức đánh giá thông qua báo cáo kết quả hoạt động của từng đơn vị để xét thi đua khen thưởng cuối năm và báo cáo tổng kết năm học của trường (1.5.02 - Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc hàng năm; 1.6.04 - Báo cáo tổng kết của trường hàng năm; 1.5.03 - Quyết định khen thưởng thi đua hàng năm). Kết quả đánh giá cho thấy các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**g) Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường đã xây dựng và vận hành hệ thống BĐCL giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Điều lệ trường Cao đẳng theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung. Để duy trì công tác BĐCL giáo dục. Năm 2017, nhà trường triển khai kế hoạch chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 sang phiên bản ISO 9001: 2015 và duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng. Năm 2018 đã ban hành Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng gồm 04 chương 22 Điều trong đó quy định cụ thể từ khâu thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng, công tác xây dựng và vận hành hệ thống cũng như công tác tự đánh giá chất lượng trường và chương trình đào tạo (1.7.01 - Quyết định số 290/QĐ-CDCT ngày 03/05/2018 về việc ban hành Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.7.02 - Quyết định số 291/QĐ-CDCT ngày 03/05/2018 Về việc thành lập ban chỉ đạo xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.7.03 - Kế hoạch số 286/KH-CDCT-QLCL&NCKH ngày 03/5/2018 Triển khai xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.7.04 - Quyết định số 521/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 11/9/2017 Về việc ban hành chính sách chất lượng của Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa giai đoạn 2017-2022; 1.7.05 - Quyết định về việc ban hành mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của các đơn vị trong Trường hàng năm).

Hệ thống bảo đảm chất lượng bao gồm Chính sách chất lượng, sổ tay chất lượng, mục tiêu chất lượng, 50 quy trình quản lý và được Hiệu trưởng ra quyết định ban hành đưa vào sử dụng. Hàng năm nhà trường đều tiến hành rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn các hoạt động của Trường và báo cáo kết quả vận hành hệ thống (1.7.06 - Giấy chứng nhận đạt chuẩn ISO 9001:2015; 1.7.07 - Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015> ; 1.7.08 - Sổ tay chất lượng, Chính sách chất lượng trường; 1.7.09 - Báo cáo kết quả vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng trường hàng năm).

Để đảm bảo hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường được vận hành đúng quy định, nhà trường đã tổ chức xây dựng quy trình, công cụ đảm bảo chất lượng theo

hướng dẫn của thông tư số 28/2017/TT-BLĐT BXH bao gồm: xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh, thi, kiểm tra, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý; quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; quản lý xưởng, khảo sát học sinh sau khi tốt nghiệp, khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động. Hàng năm Trường đều tổ chức đánh giá nội bộ, theo đó tất cả các quy trình đều được đánh giá mức độ thực hiện của các quy trình (1.7.07 - Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015>). Ngoài ra hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được Công ty QA TECHNIC kiểm tra, đánh giá cấp giấy chứng nhận lần 2 (1.7.06 – Giấy chứng nhận đạt chuẩn ISO 9001:2015) và nhà trường đang triển khai áp dụng và xây dựng cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng, hạ tầng thông tin (1.7.10 – Phần mềm quản lý công việc Bitrix 24, <http://e.mitc.edu.vn> ).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**h) Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Ngày 26/7/2017 Hiệu trưởng ban hành Quyết định số 354/QĐ-CĐCN-TCHC về việc thành lập phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học trên cơ sở sáp nhập Phòng Thanh tra và kiểm định Chất lượng giáo dục và Phòng QLKH&HTQT (1.8.01 - Quyết định số 354/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 26/7/2017 về việc thành lập phòng QLCL&NCKH). Để quản lý và kiểm soát tốt hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường, Phòng đã xây dựng các quy trình quản lý và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng, hàng năm Phòng đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và đánh giá nội bộ việc thực hiện các quy trình quản lý.

Trong nhiều năm qua Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt thành tích tập thể lao động xuất sắc được Bộ Công Thương tặng bằng khen (1.8.02 - Báo cáo hội nghị cán bộ viên chức phòng QLCL&NCKH; 1.8.03 - Bằng khen phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học). Như vậy trong các năm qua, nhà trường luôn có đơn vị chuyên trách công tác bảo đảm chất lượng giáo dục, thực hiện đủ chức năng kiểm tra, giám sát, đảm bảo chuẩn đầu ra của người học.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**i) Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Ngày 02/4/2018 Ban Thường vụ Thành ủy Tuy Hòa ban hành quyết định số 2038 – QĐ/TU đổi tên Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa thành Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung, hiện nay Đảng bộ có 160 đảng viên với 06 chi bộ trực thuộc. Căn cứ Quy định 97-QĐ/TW ngày 22/3/2004 của Ban chấp hành

TW Đảng, Đảng ủy Trường đã xây dựng Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ, có Nghị quyết phân công nhiệm vụ cho từng Đảng ủy viên (1.9.01 - Quyết định số 2038/QĐ - TU ngày 02/4/2018 về việc đổi tên Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa thành Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung của ban Thường vụ Thành ủy Tuy Hòa).

Đảng bộ đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ của một tổ chức cơ sở Đảng trong nhà trường: hàng năm, hàng tháng Đảng ủy xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, Nghị quyết chuyên đề,...qua đó để lãnh đạo toàn trường thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và thực hiện các Nghị quyết của Đảng ủy cấp trên; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, lãnh đạo Công đoàn và Đoàn Thanh niên trong nhà trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể, tổ chức nhiều phong trào thi đua nhằm góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường (1.9.02 - Quyết định ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.9.03 - Quy chế số 01/QC/ĐU ngày 22/4/2020 Quy chế làm việc của ban chấp hành đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung nhiệm kỳ 2020 - 2025; 1.9.04 - Quy chế số 02/QC/ĐU ngày 11/5/2020 Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung nhiệm kỳ 2020 - 2025; 1.9.05 - Chương trình số 01/CTr - ĐU ngày 25/5/2020 Chương trình hành động toàn khóa của ban chấp hành đảng bộ thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung nhiệm kỳ 2020 - 2025; 1.9.06 - Chương trình số 02/CTr - ĐU ngày 01/6/2020 Chương trình kiểm tra giám sát của đảng ủy Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung nhiệm kỳ 2020 - 2025; 1.9.07 - Chương trình số 03/CTr - ĐU ngày 03/6/2020 Chương trình kiểm tra giám sát của ủy ban kiểm tra giám sát Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung nhiệm kỳ 2020 - 2025).

Đảng ủy và Chi bộ duy trì đều đặn việc họp định kỳ hàng tháng để kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị tháng trước và xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện nhiệm vụ tháng tiếp theo (1.9.08 - Quy chế, quy định, kế hoạch, báo cáo của Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025; 1.9.09 - Quyết định số 377 - QĐ/ĐU ngày 25/12/2019 về việc chuẩn y Chi ủy các chi bộ trực thuộc nhiệm kỳ 2020 - 2022; 1.9.10 - Nghị quyết của Đảng ủy và Chi bộ hàng năm). Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ trong các năm qua nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các Chi bộ hàng năm đều đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh. 100% số đảng viên hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hàng năm, Đảng bộ nhà trường đều được công nhận là Tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, năm 2020 là Đảng bộ đạt tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (1.9.11 - Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể lãnh đạo, các cán bộ thuộc diện Thường trực Thành ủy, Ban thường vụ Thành ủy quản lý; 1.9.12 - Quyết định phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hàng năm; 1.9.15 - Kết quả xếp loại Chi bộ và đảng viên hàng năm; 1.9.16- Quyết định xếp loại Đảng bộ hàng năm).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**k) Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung (1.10.01 – *Quyết định số 106/QĐ-CDCT ngày 21/3/2018 về việc đổi tên Công đoàn Trường cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa thành Công đoàn Trường cao đẳng Công Thương miền Trung*) trực thuộc Công đoàn Công Thương Việt Nam, là người đại diện dân chủ của cán bộ công chức, viên chức và người lao động đã đáp ứng được tâm tư nguyện vọng của quần chúng, góp ý về các giải pháp cho sự phát triển của nhà trường, đề đạt ý kiến về quyền lợi người lao động và giải quyết khiếu nại của công dân.

Công đoàn Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung gồm 6 Tổ công đoàn, Ban chấp hành công đoàn gồm 11 thành viên. Công Đoàn Trường đã xây dựng Quy chế làm việc của Ban chấp hành, gồm 2 chương và 10 Điều, trong đó quy định rõ việc nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ quyền hạn, phân công nhiệm vụ theo điều lệ công đoàn (1.10.02 - *Quyết định số 86/QĐ - CDCN ngày 17/4/2017 Về việc công nhận BCH, ủy ban kiểm tra công đoàn Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa nhiệm kỳ 2017 - 2022*; 1.10.03 - *Quyết định số 06/QĐ - CDCN - CD ngày 03/4/2017 Về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban chấp hành công đoàn trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa (nay là Công Đoàn Công thương miền Trung nhiệm kỳ 2017 - 2022)*). Hàng năm Ban chấp hành Công Đoàn trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động (1.10.04 - *Kế hoạch công tác Công đoàn năm hàng năm*; 1.10.05 - *Kế hoạch công tác nữ công năm hàng năm*; 1.10.06 - *Kế hoạch công tác Thanh tra nhân dân năm hàng năm*). Ban chấp hành Công đoàn phối hợp với chính quyền, duy trì việc triển khai các cuộc vận động “*Mỗi nhà giáo là một tấm gương về đạo đức, tự học và sáng tạo*”, “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” thông qua việc thực hiện các quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; phát động, triển khai thực hiện các kế hoạch thi đua ngắn ngày, thi đua năm học,... Đa dạng hóa các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ thể thao, sinh hoạt câu lạc bộ học thuật,... và nhiều hoạt động trong các tổ công đoàn để tăng cường giao lưu, rèn luyện trí và thể lực phục vụ tốt cho công tác chuyên môn.

Ngoài ra để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, ngoài việc xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, Quy chế tiếp công dân của lãnh đạo trường. Hàng năm, Công đoàn phối hợp tốt với chính quyền tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động kịp thời, đúng quy định để CBVC tham gia đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển Trường, qua đó quyền và lợi ích chính đáng của người lao động được đảm bảo theo quy định của Pháp luật (1.10.07 - *Quyết định số 274<sup>A</sup>/QĐ - CDCT ngày 15/8/2020 Về việc thành lập các tổ Công đoàn trực thuộc và chuẩn y các Tổ trưởng công đoàn nhiệm kỳ 2020 - 2022*; 1.10.08 - *Quyết định về việc kiện toàn ban chấp hành nữ công công đoàn*; 1.10.09 - *Quyết định số*

101<sup>A</sup>/QĐ - CDCT ngày 08/2/2020 Về việc công nhận Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2020 - 2022).

Trong những năm qua Công đoàn trường đã thể hiện tốt vai trò vận động, giúp đỡ cán bộ viên chức hăng hái đăng ký thi đua, đạt nhiều thành tích trong phong trào hội giảng và NCKH (1.10.11 - Báo cáo tổng kết công tác Công đoàn hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm tiếp theo; 1.10.12 - Báo cáo tổng kết công tác nữ công hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm tiếp theo; 1.10.13 - Báo cáo tổng kết công tác Thanh tra nhân dân hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm tiếp theo; 1.10.14 - Quyết định công nhận tổ Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và danh hiệu Đoàn viên công đoàn xuất sắc, Phụ nữ 2 giỏi hàng năm). Thông qua hoạt động phong trào, Công đoàn trường đã được công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc năm 2019 và Công đoàn Công Thương Việt Nam tặng Cờ thi đua xuất sắc (1.10.15 – Quyết định công nhận đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động Công đoàn cơ sở hàng năm).

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường trực thuộc Tỉnh đoàn Phú Yên, ngày 15/3/2018 đổi tên Đoàn trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa thành Đoàn trường Cao đẳng Công Thương miền Trung (1.10.16 - Quyết định số 73/QĐ-TĐ ngày 15/3/2018 Về việc đổi tên Đoàn trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa thành Đoàn trường Cao đẳng Công Thương miền Trung). Đoàn trường có vai trò tập hợp lực lượng, giáo dục cán bộ viên chức trẻ và toàn bộ học sinh, sinh viên tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, thi đua học tập, chấp hành tốt nội quy, quy chế.

BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường gồm 15 thành viên, có 05 Liên chi đoàn và 01 chi đoàn giáo viên. BCH Đoàn trường đã xây dựng Quy chế làm việc của Ban chấp hành, gồm 4 chương và 12 Điều, trong đó quy định rõ việc nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ quyền hạn, phân công nhiệm vụ theo điều lệ Đoàn TNCS (1.10.17 - Quyết định về việc công nhận BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.10.18- Quy chế làm việc của Ban chấp hành đoàn trường nhiệm kỳ 2019 - 2022). Hàng năm Ban chấp hành Đoàn trường đều xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai các hoạt động nhằm tập hợp và giáo dục học sinh, sinh viên (1.10.19 - Chương trình, kế hoạch triển khai hoạt động Đoàn hàng năm). Đoàn trường đã triển khai, tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao, hội thi phù hợp với tuổi trẻ, thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia như: chiến dịch tình nguyện, tiếp sức mùa thi, mùa hè xanh, tham gia hoạt động xã hội cộng đồng, các hội thi tài năng trẻ,... và nhiều hoạt động có ý nghĩa khác. Các hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao nhận thức, lý tưởng cho học sinh, sinh viên mà còn góp phần gắn kết chặt chẽ Nhà trường với đời sống xã hội và cộng đồng, lan tỏa uy tín và thương hiệu của Trường (1.10.20 - Báo cáo tổng kết công tác Đoàn hàng năm; 1.10.21 - Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác đoàn hàng năm). Với những thành tích nổi bật, Đoàn Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đã được tỉnh Đoàn Phú Yên, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tặng nhiều giấy khen, bằng khen (1.10.22 - Quyết định khen thưởng của tỉnh Đoàn, Trung ương đoàn cho Đoàn Trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**



**l) Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để đảm bảo mọi hoạt động của nhà trường được triển khai thực hiện đúng quy trình, quy định. Nhà trường đã ban hành quy định về công tác kiểm tra theo quyết định số 97/QĐ-CDCT, ngày 02/3/2020, gồm 4 chương, 16 điều (1.11.01 - Quy định về công tác kiểm tra của trường Cao đẳng Công Thương miền Trung). Ngoài ra, hoạt động kiểm tra này được triển khai thực hiện theo quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường và quy trình thanh tra vụ việc (1.3.01 - Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường; 1.11.02 - Quy trình thanh tra vụ việc <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015>). Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, giám sát các hoạt động chung của trường (1.11.03 - Kế hoạch tự kiểm tra, giám sát hàng năm). Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học có bộ phận chuyên trách về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hàng ngày, tuần, tháng và từng học kỳ và đồng thời tổ chức kiểm tra theo kế hoạch.

Nhằm từng bước hoàn thiện, cải tiến hoạt động thanh tra và kiểm soát các hoạt động của các đơn vị, Trường đã xây dựng và thường xuyên cải tiến, đổi mới công cụ, hình thức kiểm tra, giám sát các hoạt động, trong đó chú trọng đến các hoạt động đào tạo như: kiểm tra hồ sơ tài liệu giảng dạy; dự giờ thường xuyên, đột xuất; kiểm tra 5S; kiểm tra báo cáo tốt nghiệp, kiểm tra tiến độ giảng dạy,...Ngoài ra để đánh giá kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu chất lượng của Trường và các đơn vị nhà trường đã trang bị camera tại các phòng học thực hành, thí nghiệm, các cổng của Trường, nhà xe để theo dõi hoạt động dạy và học, ngoài ra còn kiểm tra đánh giá nội bộ hệ thống bảo đảm chất lượng,... (1.11.04 - Hồ sơ kiểm tra tiến độ giảng dạy hàng tháng; 1.11.05 - Hồ sơ dự giờ định kỳ hàng năm; 1.11.06 - Hồ sơ dự giờ đột xuất hàng năm; 1.11.07 - Hồ sơ sinh hoạt chuyên đề hàng năm; 1.11.08 - Hồ sơ kiểm tra công tác thực hiện 5S và Xanh hóa hàng năm; 1.11.09 - Quyết định Ban hành bộ tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý theo tiêu chuẩn 5S; 1.11.10 - Thông báo Về việc kiểm tra sắp xếp phòng thực hành thí nghiệm theo bộ tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý theo tiêu chuẩn 5S; 1.11.11 - Hồ sơ kiểm tra kết quả thực hiện công tác đảm bảo chất lượng DGNN hàng năm).

**m) Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Bám sát vào các văn bản chỉ đạo của cấp trên, nhà trường đã ban hành quy chế học sinh, sinh viên trong đó có nêu rõ những chính sách ưu đãi của nhà nước dành cho các đối tượng học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sỹ...thực hiện theo quy chế học sinh, sinh viên. Ngoài ra nhà trường cũng thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ chính sách đối với CBVC và người lao động như Phụ cấp đặc thù; phụ cấp ưu đãi; phụ cấp nặng nhọc độc hại, nguy hiểm; tính giờ dạy tích hợp; phụ cấp thâm niên nhà giáo; phụ cấp nghề nghiệp (1.3.03 - Quy

*chế chi tiêu nội bộ hàng năm;; 1.4.02 - Quyết định ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.12.03 - Bảng thanh toán lương, phụ cấp độc hại hàng năm).*

Nhà trường luôn thực hiện chính sách bình đẳng giới theo đúng quy định. Hiện nay số nữ cán bộ viên chức của trường là 86/169 cán bộ viên chức, chiếm tỷ lệ 50,88%. (1.12.04 - *Danh sách nữ cán bộ viên chức của trường hàng năm*). Trường thực hiện chính sách bình đẳng giới lồng ghép trong quy chế tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực công tác (1.12.05 - *Quyết định số 4577-QĐ/TU ngày 04/1/2020 Về việc chuẩn y ban chấp hành Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung nhiệm kỳ 2020-2025; 1.12.07 - Quyết định về việc ban hành Quy chế xét tuyển viên chức và nội quy kỳ xét tuyển viên chức của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.12.09 - Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm; 1.12.10 - Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung*).

Sứ mạng của nhà trường là: “*Cung cấp cho người học, cộng đồng xã hội dịch vụ đào tạo, nghiên cứu có chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội*”. Do đó, nhà trường tuyển sinh và đào tạo HSSV không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân và khi tham gia học tại trường đều được tôn trọng, đối xử bình đẳng như nhau (1.2.03- *Thông báo tuyển sinh hàng năm*).

Việc thực hiện chính sách bình đẳng giới đối với CBVC và người lao động được lồng ghép vào quy định đánh giá phân loại CBVC và người lao động (1.12.08 - *Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và thi đua, khen thưởng hàng năm*), quy định chế độ làm việc của nhà giáo (1.4.01 - *Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung*) như: việc nghỉ thai sản, miễn giảm thời gian giảng dạy, nghiên cứu khoa học khi có con nhỏ,... Ngoài ra Đảng ủy cũng chú trọng đến công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ (tạo nguồn, đào tạo, bố trí sử dụng). Trong các chính sách về công tác cán bộ, chính sách quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng của các bộ, nhà trường đã quan tâm đến cán bộ nữ nhiều hơn, cụ thể: BCH Đảng bộ có 11 đồng chí, trong đó nữ: 06 đồng chí chiếm tỷ lệ 54,55%. Ban chấp hành công đoàn trường các nhiệm kỳ có 7/11 đồng chí là nữ chiếm tỷ lệ 63,64%. Trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của nhà trường đều hướng tới HSSV nói chung, không có trường hợp phân biệt hay đối xử bất bình đẳng. Nhà trường luôn duy trì bình đẳng giới thông qua các hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ (1.12.11 - *Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên; 1.12.12 - Quyết định ban hành Ban vì sự tiến bộ của Phụ nữ*). Các hoạt động của Ban này hướng tới hỗ trợ nữ giới trong Nhà trường, đối với HSSV thường chú trọng các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới tính, sức khỏe sinh sản (1.12.04 - *Báo cáo việc thực hiện bình đẳng giới hàng năm*).

Hàng năm, Trường tổ chức lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về việc thực hiện chế độ chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng thụ hưởng, kết quả khảo sát: năm 2020 số lượng nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động được khảo sát 165/189 (chiếm tỷ lệ 87,30%) có mức độ hài lòng và rất hài lòng 97,01%; năm 2021: số lượng

nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động được khảo sát 164/171 (chiếm tỷ lệ 95,9%) có mức độ hài lòng và rất hài lòng 98,67%; năm 2022: số lượng nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động được khảo sát 160/169 (chiếm tỷ lệ 94,67%) có mức độ hài lòng và rất hài lòng 98,24% (1.12.14 - Kế hoạch thu thập ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động hàng năm; 1.12.15 - Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân hàng năm).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

### **3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo**

#### **\* Mở đầu:**

Hoạt động đào tạo là một trong những hoạt động chính của nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành. Vì vậy hoạt động đào tạo được Ban giám hiệu nhà trường quan tâm chỉ đạo sâu sát và có các định hướng phù hợp, đúng quy định nhằm đưa hoạt động đào tạo của trường ngày càng đạt chất lượng, khẳng định được vị thế của nhà trường trong khu vực nói riêng và trong cả nước nói chung.

Đầu năm 2017, trường được chuyển đổi cơ quan quản lý nhà nước về GDNN từ Bộ Giáo dục và Đào tạo về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Dựa vào hướng dẫn quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTBXH, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành Quy chế tuyển sinh hàng năm và tổ chức tuyển sinh theo đúng các quy định hiện hành. Theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chuyển đổi chương trình đào tạo, nhà trường đã tổ chức biên soạn và chuyển đổi chương trình đào tạo cho 24 ngành, nghề trình độ cao đẳng, 20 ngành, nghề trình độ trung cấp, tính đến 10/12/2022 Nhà trường có 29 ngành đào tạo trình độ cao đẳng, 27 ngành đào tạo trung cấp. Về phương thức đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ.

Để phục vụ cho việc quản lý hoạt động đào tạo theo học chế tín chỉ, thì việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, đóng vai trò rất quan trọng, nhà trường đã mua phần mềm quản lý nhằm quản lý các hoạt động của trường từ tuyển sinh, quản lý quá trình đào tạo, xét tốt nghiệp giúp cho việc quản lý được thuận lợi, chính xác mang lại hiệu quả cao. Nhà trường xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng và phối hợp với các trường đại học để đào tạo liên thông Cao đẳng lên đại học và sau đại học.

#### **\* Những điểm mạnh:**

Trường đã ban hành các Quy định về quản lý đào tạo đáp ứng yêu cầu đào tạo theo phương thức học chế tín chỉ theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Đa số giáo viên, giảng viên nhà trường nhiều năm đào tạo theo học chế tín chỉ bậc cao đẳng, nên có kinh nghiệm trong việc vận hành giảng dạy và quản lý theo phương thức này.

Công tác tuyển sinh của trường được thực hiện đúng quy định; công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động giảng dạy được thực hiện chặt chẽ. Công tác tin học hoá trong công tác quản lý và tổ chức đào tạo được trường chú trọng thực hiện

#### **\* Những tồn tại:**

Việc thay đổi thường xuyên các quy định, quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo, và các quy chế quản lý người học gây khó khăn cho công tác cập nhật, quản lý, điều chỉnh phần mềm.

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tổ chức rà soát chương trình đào tạo và điều chỉnh thường xuyên nhằm phù hợp với nhu cầu tuyển dụng và cập nhật kiến thức mới, sự tiến bộ của khoa học, công nghệ vào chương trình.

Tổ chức kết nối, hợp tác với doanh nghiệp nhằm kết hợp xây dựng chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; kết hợp hướng dẫn thực hành, thực tập có sự tham gia của doanh nghiệp và tuyển dụng người học sau khi tốt nghiệp.

Kiểm soát công tác quản lý đào tạo có hiệu quả thông qua phần mềm quản lý đào tạo, kết hợp với quy trình của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong. Mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, nhà giáo nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

**\* Điểm đánh giá tiêu chí 2**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 1</b>	<b>16</b>
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	0
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	1
Tiêu chuẩn 17	1

**a) Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 201/2017/GCNĐKHHĐ-TCĐN ngày 29/6/2017 gồm 25 ngành cao đẳng và 20 ngành trung cấp. Trước năm 2017 các ngành, nghề hoạt động của nhà trường thực hiện theo giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động dạy nghề số 43/2010/GCN-ĐKHĐDN ngày 30/8/2010 của Tổng cục Dạy nghề (nay là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp). Năm 2018, nhà trường đã được cấp lại giấy chứng nhận hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 34/2018/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 27/4/2018 sau khi đổi tên trường. Ngày 23/6/2021 nhà trường được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 58/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN nhằm mở rộng quy mô đào tạo lên thành 29 ngành cao đẳng và 27 ngành trung cấp nhằm cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao cho xã hội nhằm đáp ứng được cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (1.2.06 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp).

Việc chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hướng dẫn số 136/TCĐN-DMCQ ngày 19/01/2017 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và nhà trường đã quyết định ban hành chương trình đào tạo cho 24 ngành, nghề cao đẳng; 20 ngành, nghề trung cấp được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (2.1.01 - Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp hàng năm; 2.1.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp).

Nhà trường đã xây dựng chuẩn đầu ra cho từng chương trình đào tạo chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Ngoài chuẩn đầu ra về chuyên môn, nhà trường còn quy định chuẩn đầu ra về Tin học, Ngoại ngữ và Kỹ năng mềm. Theo đó, mỗi HSSV tốt nghiệp phải đạt được kỹ năng mềm, trình độ Tin học phải đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin – Truyền thông. Đồng thời, sinh viên Cao đẳng đạt trình độ tối thiểu TOEIC 350-400 hoặc có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2(A2) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2.1.03 - Kế hoạch về việc rà soát, điều chỉnh, thẩm định chuẩn đầu ra trình độ cao đẳng, trung cấp theo Luật giáo dục nghề nghiệp; 2.1.04 - Quyết định về việc Thành lập Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra các ngành/nghề cao đẳng, trung cấp; 2.1.05 - Các biên bản họp của Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra các ngành/nghề cao đẳng, trung cấp; 2.1.06 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp). 100% chương trình đào tạo đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp có chuẩn đầu ra. Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố cho học sinh, sinh viên ngay từ đầu khóa. Ngoài ra, nhà trường đã công bố thông tin chương trình đào tạo

và chuẩn đầu ra trên website của trường tại địa chỉ: <http://daotao.mitc.edu.vn> để học sinh, sinh viên biết (2.1.07- Công khai chuẩn đầu ra).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**b) Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ vào quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường đã ban hành quy chế tuyển sinh cho từng năm học phù hợp với điều kiện tuyển sinh hiện tại của Trường. Ngoài ra còn quy định về chính sách ưu tiên theo đối tượng, theo khu vực; thủ tục tuyển sinh đối với từng trình độ (2.2.01 – Quy chế tuyển sinh của trường hàng năm).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**c) Tiêu chuẩn 2.3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, trong hội nghị tổng kết tuyển sinh của nhà trường, Hội đồng tuyển sinh tổng kết công tác tuyển sinh năm hiện tại và đề xuất kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh cho năm kế tiếp. Hội đồng khoa học và đào tạo của nhà trường cũng đã họp và phân tích đánh giá nhu cầu tuyển dụng của địa phương, khu vực nhằm xác định ngành, nghề đào tạo cần mở mới, phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành, nghề phù hợp.

Nhà trường cũng xây dựng kế hoạch tuyển sinh từng năm làm căn cứ để tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh đúng kế hoạch, đảm bảo khách quan, công bằng cho người học và tuyên truyền, quảng bá hình ảnh ngành, nghề đào tạo. Thông báo tuyển sinh trên các phương tiện truyền thông như tờ rơi, banner và các phương tiện thông tin đại chúng như: truyền hình, truyền thanh, báo và đặc biệt đăng thông tin trên website trường tại địa chỉ: <http://tuyensinh.mitc.edu.vn>. Trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh theo đúng quy định. Hội đồng tuyển sinh làm việc đúng nguyên tắc, họp chỉ đạo, định hướng công tác tuyển sinh kịp thời, trong hội đồng tuyển sinh có 01 thành viên làm công tác kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh. Hàng năm phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học đã tiến hành kiểm tra lại các hồ sơ nhập học của các khóa.

Quy trình tuyển sinh được nhà trường xây dựng và hoàn thiện hàng năm. Từ năm học 2016 - 2017 quy trình tuyển sinh được thực hiện gồm các bước: Đăng ký (có thể đăng ký trực tuyến) – Làm hồ sơ đăng ký xét tuyển – Công bố danh sách trúng tuyển – Cấp giấy báo nhập học – Hướng dẫn làm hồ sơ nhập học. Hồ sơ đăng ký học nghề, hồ sơ xét tuyển học Cao đẳng được lưu giữ đúng quy định.

Kết quả thi và danh sách trúng tuyển, phương án xét tuyển được Trường thông báo công khai tại trường, trên báo và website của trường tại địa chỉ <http://www.mitc.edu.vn>. Từ năm 2016 đến nay, Trường hoàn thiện website và có chuyên trang tuyển sinh và trang facebook.

Công tác tuyển sinh của Trường được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Về công tác báo cáo, ngoài thực hiện các báo cáo kết quả tuyển sinh gửi Bộ LĐTĐ&XH sau mỗi đợt tuyển sinh, Trường thực hiện báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh theo từng năm. Qua đó, đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh của năm, đưa ra các giải pháp khắc phục những khó khăn trong tình hình hiện nay.

Trong những năm qua, công tác tuyển sinh của Trường luôn thực hiện đúng quy chế hiện hành của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội. Học sinh, sinh viên sau khi trúng tuyển và làm thủ tục nhập học được phân lớp và có quyết định thành lập lớp theo quy định hiện hành (2.3.01 - Công văn về việc báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm và xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo; 2.3.02 - Kế hoạch tuyển sinh hàng năm; 2.3.03 - Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh hàng năm; 2.3.04 - Quyết định về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh hàng năm; 2.3.05 - Thông báo tuyển sinh hàng năm; 2.3.06 - Địa chỉ Website của nhà trường: <http://www.mitc.edu>; 2.3.07 - Hồ sơ đăng ký xét tuyển đầu vào trình độ cao đẳng, trung cấp hàng năm; 2.3.08 - Biên bản kiểm tra hồ sơ tuyển sinh hàng năm; 2.3.09 - Quyết định phê duyệt kết quả tuyển sinh hàng năm và danh sách trúng tuyển; 2.3.10 - Quyết định về việc thành lập lớp hàng năm; 2.3.11 - Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm; 2.3.12 - Kế hoạch, Phiếu khảo sát người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về công tác tuyển sinh của nhà trường hàng năm; 2.3.13 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về công tác tuyển sinh của nhà trường hàng năm).

#### **Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**d) Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người học, đồng thời phục vụ công cuộc phát triển kinh tế xã hội của vùng duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng và cả nước nói chung, căn cứ quy định hiện hành của Bộ LĐTĐ&XH trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đã ban hành các quy chế đào tạo của nhà trường nhằm thực hiện chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo. Bên cạnh các loại hình đào tạo truyền thống như cao đẳng, trung cấp, đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng (2.4.01 - Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng; 2.3.10 - Quyết định thành lập lớp hàng năm). Nhà trường còn đào tạo các lớp chứng chỉ ngắn hạn, bồi dưỡng theo chuyên đề nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên, kỹ thuật viên các công ty, doanh nghiệp; phối hợp với các trường đại học để đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học và sau đại học,... Nhà trường cũng đã tổ chức khảo sát nhu cầu người học để linh hoạt thay đổi phương thức đào tạo cho phù hợp và tạo thuận lợi nhất cho người học (2.4.02 - Biên bản phối hợp đào tạo từ cao đẳng lên đại học, sau đại học; 2.4.03 - Hồ sơ đào tạo ngắn hạn).

Trong quá trình đào tạo nhà trường cũng đã phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức cho HSSV tham quan công nghệ sản xuất, thực tập sản xuất đúng chuyên ngành

đào tạo tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cửa hàng dịch vụ; đặc biệt đã tiến hành triển khai mô hình thực tập tại doanh nghiệp với các đối tác chiến lược (Công ty CP Cơ khí Vina Nha Trang, Công ty cổ phần LILAMA69-1, Công ty TNHH COLGATE-PALMOLIVE Việt Nam, Công ty LAMASG E&C,...). Trong quá trình thực tập, các giáo viên ngoài việc kiểm tra quá trình thực tập, còn tiếp cận công nghệ sản xuất hiện đại, cách thức quản lý để có những đề xuất điều chỉnh, cập nhật, thay đổi nội dung chương trình, bổ sung môn học, trang bị thêm kỹ năng mềm cho HSSV.

Căn cứ các mục tiêu đào tạo đã đề ra, nhà trường đã tổ chức thu thập ý kiến định kỳ hằng năm, thông qua hội nghị CBVC, thông qua nhận xét đánh giá của các doanh nghiệp nhận học sinh, sinh viên thực tập tốt nghiệp, các giáo viên hướng dẫn thực tập tiếp xúc trực tiếp cơ sở sản xuất của các doanh nghiệp, ghi nhận ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy, thông qua phiếu khảo sát để đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, người học về chất lượng của các phương thức đào tạo.

Bên cạnh đó nhà trường tổ chức đối thoại trực tiếp với học sinh, sinh viên. Thông qua đối thoại đã nắm bắt được các luồng thông tin hữu ích giúp nhà trường điều chỉnh hoạt động dạy và học, các dịch vụ phục vụ người học ngày một tốt hơn.

#### ***Điểm tự đánh giá: 0 điểm***

**đ) Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo cao đẳng cho 29 ngành, chương trình đào tạo trung cấp cho 27 ngành theo Luật Giáo dục nghề nghiệp (2.1.01 - Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp hàng năm; 2.1.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp; 2.3.10 - Quyết định thành lập lớp hàng năm).

Căn cứ chương trình đào tạo, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành nghề theo từng học kỳ. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định (2.5.01 - Đối thoại của hiệu trưởng với học sinh, sinh viên hàng năm; 2.5.02 - Kế hoạch đào tạo các khóa học; 2.5.03 - Tiến độ đào tạo hàng năm; 2.5.04 - Thời khóa biểu hàng năm; 2.5.05 - Kế hoạch nhà giáo; 2.5.06 - Lịch trình giảng dạy).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**e) Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***



Căn cứ kế hoạch và tiến độ đào tạo, Phòng Quản lý đào tạo xây dựng thời khóa biểu từng môn học cho từng khóa học theo học kỳ (2.5.02 - *Kế hoạch đào tạo các khóa học*; 2.5.03 - *Tiến độ đào tạo hàng năm*; 2.5.04 - *Thời khóa biểu hàng năm*). Sau khi tổ chức cho học sinh, sinh viên đăng ký chọn thời khóa biểu cá nhân, nhà trường thông báo cho người học biết các môn học đủ điều kiện mở lớp. Giảng viên, giáo viên lên lớp đảm bảo theo đề cương chi tiết môn học và lịch trình giảng dạy. Lịch trình giảng dạy dùng để theo dõi quá trình học tập của học sinh, sinh viên và giảng dạy của giảng viên, giáo viên trong một môn học. Lịch trình do giảng viên quản lý trong quá trình lên lớp và nộp lại cho Khoa vào ngày 24, 25 hàng tháng để kiểm tra và nộp lưu trữ khi kết thúc môn học (2.5.05 - *Kế hoạch nhà giáo*; 2.5.06 - *Lịch trình giảng dạy*).

Phòng Quản lý chất lượng & Nghiên cứu khoa học kết hợp với phòng Quản lý đào tạo kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và báo cáo với Ban Giám hiệu tình hình thực hiện quy chế và tổ chức đào tạo đối với từng môn học. Sau mỗi đợt kiểm tra, phòng Quản lý chất lượng & Nghiên cứu khoa học đều có biên bản kiểm tra về công tác đào tạo (1.5.02 - *Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường hàng năm*; 1.6.04 - *Báo cáo tổng kết của trường hàng năm*; 1.11.03 - *Kế hoạch tự kiểm tra giám sát hàng năm*).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**g) Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để đảm bảo kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, Phòng quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học, Phòng quản lý đào tạo phối hợp các khoa, bộ môn theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng ngành, nghề. Việc kiểm tra giám sát được thực hiện định kỳ hàng tháng và đột xuất qua các biện pháp như: kiểm tra lịch trình giảng dạy, tiến độ đào tạo, dự giờ nhà giáo,...

Trong quá trình tổ chức đào tạo của nhà trường đã hợp tác với các công ty, doanh nghiệp để đưa học sinh, sinh viên thực tập, thực tế tại các doanh nghiệp. Trên cơ sở kế hoạch cho người học đi thực hành, thực tập tại các công ty, doanh nghiệp sản xuất đúng chuyên ngành đào tạo như Công ty cổ phần Vina Nha trang, LAMASG, công ty lắp máy E & C, COLGATE, VINPEARL,...qua đó các công ty, doanh nghiệp cam kết tiếp nhận học sinh, sinh viên thực tập và vào làm việc sau khi tốt nghiệp ra trường (1.1.13 - *Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp* - [http://mitc.edu.vn /category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep](http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep); 2.1.02 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp*; 2.7.01- *Hợp đồng /biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho học sinh, sinh viên thực hành, thực tập hàng năm*; 2.7.02 - *Kế hoạch và quyết định*

*cử học sinh, sinh viên đi thực hành, thực tập hàng năm; 2.7.03 - Các hình ảnh trải nghiệm của HSSV đi thực hành, thực tập hàng năm).*

Trong quá trình học sinh, sinh viên đi thực tập nhà trường cử nhà giáo tham gia thực tế để kiểm tra, quản lý quá trình thực tập của học sinh, sinh viên, đồng thời hướng dẫn thực hành, thực tập và tiếp cận công nghệ sản xuất hiện đại, cách thức quản lý nhằm có những đề xuất điều chỉnh, cập nhật, thay đổi nội dung chương trình đào tạo, bổ sung môn học, trang bị kỹ năng mềm cho người học. Thông qua nhận xét đánh giá của các doanh nghiệp nhận học sinh, sinh viên thực tập tốt nghiệp, các giáo viên hướng dẫn thực tập tiếp xúc trực tiếp cơ sở sản xuất của các doanh nghiệp, ghi nhận ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy, thông qua phiếu nhận xét thực tập tại đơn vị sản xuất (2.7.04 - *Nhật ký đi thực hành, thực tập hàng năm; 2.7.05 - Nhận xét của đơn vị hướng dẫn học sinh, sinh viên đi thực hành, thực tập hàng năm; 2.7.06 - Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động; 2.7.07 - Danh sách HSSV hoàn thành khóa thực tập hàng năm).*

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**h) Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo được thiết kế đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn, bao gồm các khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, đảm bảo thời lượng thực hành nghề chiếm từ 70% - 75% thời gian đào tạo.

Công tác giảng dạy và học tập được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Tất cả nhà giáo tham gia giảng dạy tại Trường luôn nghiêm túc thực hiện giờ giấc lên lớp theo quy định, thực hiện đúng với thời khóa biểu do Phòng Quản lý đào tạo kết hợp với các khoa lên kế hoạch, đảm bảo đúng tiến độ đào tạo đã đề ra. Đảm bảo các tiết giảng đạt chất lượng như soạn lịch trình giảng dạy, tài liệu phục vụ giảng dạy...theo các biểu mẫu quy định. Nhà giáo sử dụng đa dạng các hình thức tổ chức dạy học và phương pháp dạy học tích cực như: phân nhóm học tập, học tập thông qua các buổi seminar, phân nhóm cho học sinh, sinh viên nghiên cứu và báo cáo nội dung trên lớp,... (1.11.03 - *Kế hoạch tự kiểm tra giám sát hàng năm; 1.11.05 - Hồ sơ dự giờ định kỳ hàng năm; 1.11.06 - Hồ sơ dự giờ đột xuất hàng năm; 1.11.07 - Hồ sơ sinh hoạt chuyên đề hàng năm; 2.5.02; Kế hoạch đào tạo các khóa học; 2.5.04 - Thời khóa biểu hàng năm; 2.5.05 - Kế hoạch nhà giáo; 2.5.06 - Lịch trình giảng dạy; 2.6.02 - Các thông báo về việc kiểm tra hồ sơ giảng dạy hàng năm; 2.6.03 - Các biên bản kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo hàng năm; 2.6.04 - Các biên bản dự giờ đột xuất, định kỳ hàng năm).*

Trường có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của nhà giáo thông qua việc triển khai hoạt động dự giờ, việc tổ chức dự giờ ở các Bộ môn được thực hiện thường xuyên. Từng học kỳ, các đơn vị lập kế hoạch dự giờ nhà giáo và

tiến hành dự giờ theo kế hoạch, mỗi nhà giáo được dự giờ tối thiểu 01 lần/năm học và thông qua hoạt động dự giờ để đánh giá khả năng giảng dạy của nhà giáo, đồng thời tiến cử nhà giáo tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp. Đây là cơ hội học tập chuyên môn nghiệp vụ cho các nhà giáo khác, nhằm đưa ra phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm (2.8.01 - *Danh sách bài giảng điện tử các nghề*; 2.8.02 - *Giáo trình giảng dạy các ngành nghề*; 2.8.03 - *Hồ sơ nhà giáo tham gia hội giảng hàng năm*; 2.8.04 - *Giấy khen, bằng khen Hội giảng Cấp tỉnh, cấp bộ, cấp quốc gia*; 2.8.05 - *Các kế hoạch tổ chức hội giảng cấp trường*; 2.8.06 - *Các quyết định thành lập Ban tổ chức, Ban giám khảo, Ban thư ký Hội giảng cấp trường*; 2.8.07 - *Các Quyết định công nhận GV có tiết dạy giỏi tại Hội giảng nhà giáo GDNN*; 2.8.08 - *Hình ảnh Hội giảng nhà giáo GDNN của nhà trường*; 2.8.09 - *Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy và hoạt động quản lý phục vụ đào tạo hàng năm*; 2.8.10 - *Danh sách thu thập ý kiến người học hàng năm*; 2.8.11 - *Phương pháp thu thập ý kiến*; 2.8.12 - *Báo cáo kết quả công tác thu thập kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy và hoạt động quản lý phục vụ đào tạo hàng năm*).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

### **i) Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học, nhà trường chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học như: số hóa các nội dung bài giảng, giáo trình, bài giảng điện tử; quay các video clip làm phương tiện giảng dạy và cho HSSV tham khảo thêm trong quá trình hình thành kỹ năng; mô phỏng hóa các kỹ năng,... Hiện nay, tất cả các mô-đun, môn học của 29 ngành/ngành trình độ cao đẳng và 27 ngành/ngành trình độ trung cấp mà nhà trường tổ chức đào tạo đều sử dụng các phần mềm mô phỏng hoặc các phần mềm soạn bài giảng điện tử, phần mềm hỗ trợ làm đề thi, kiểm tra...

Năm 2020, Nhà trường tiếp tục đầu tư phần mềm Digalaxy sims.net với nhiều phân hệ quản lý đầy đủ các chức năng của một hệ thống quản lý đào tạo từ lập kế hoạch đào tạo đến phân thời khóa biểu, điểm danh và ghi tên bài giảng hàng ngày qua hệ thống phần mềm, từ đó sử dụng cơ sở dữ liệu phân tích, cảnh báo phục vụ cho công tác quản lý chung trong nhà trường. Toàn bộ giáo viên, giảng viên và HSSV của nhà trường được tạo tài khoản để truy cập và tra cứu các thông tin cần thiết trong quá trình giảng dạy và học tập. (2.9.01 - *Hợp đồng phần mềm quản lý hoạt động đào tạo Biên bản nghiệm thu*; 2.9.02 - *Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng cung cấp phần mềm đào tạo*; 2.9.03 - *Hướng dẫn quy trình sử dụng cổng thông tin điện tử của nhà trường*; 2.9.04 - *Danh sách cấp địa chỉ mã truy cập phần mềm của GV, NV, HSSV của nhà trường*).

Bên cạnh đó, để đảm bảo tính khách quan và chính xác nhà trường đã đầu tư đưa vào vận hành hệ thống thi và chấm thi trắc nghiệm trên máy tính (2.9.05 – *Dữ liệu hệ thống thi trắc nghiệm trên máy tính*). Ngoài ra, để thực hiện đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, nhà trường còn đầu tư trang thiết bị multi media để hỗ trợ cho hoạt động dạy và học (1.5.02 - *Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung*

tâm đơn vị trực thuộc trường hàng năm; 2.9.07 - Dữ liệu tổng hợp số hóa bài giảng, giáo trình, phần mềm mô phỏng các năm học; 2.9.08 - Các video giảng dạy; 2.9.09 - Hợp đồng cung cấp phòng lab; 2.9.10 - Danh mục thiết bị, phương tiện dạy học tại các phòng học chuyên môn hàng năm; 2.9.11 - Báo cáo đánh giá kết quả ứng dụng CNTT của các đơn vị, của nhà trường hàng năm).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**k) Tiêu chuẩn 2.10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để đảm bảo các hoạt động dạy và học được tổ chức đúng kế hoạch, hàng năm Phòng QLCL&NCKH xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, giám sát (1.11.03 - Kế hoạch tự kiểm tra, giám sát hàng năm), trong đó có nội dung kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất các hoạt động đào tạo của Trường, theo đó hàng ngày, tuần, tháng,... Phòng QLCL&NCKH kiểm tra thường xuyên và đột xuất các hoạt động dạy và học. Từng học kỳ sẽ có kế hoạch kiểm tra toàn diện hơn các hoạt động bao gồm hoạt động dạy và học của nhà giáo (1.10.06 - Kế hoạch công tác Thanh tra nhân dân năm hàng năm; 1.10.13 - Báo cáo tổng kết công tác Thanh tra nhân dân hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm tiếp theo; 1.11.01 - Quy định về công tác kiểm tra của trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.11.02 - Quy trình thanh tra vụ việc <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015>).

Ngoài việc kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học, Phòng QLCL&NCKH còn tiến hành kiểm tra kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của Trường và của các đơn vị. Kết quả cho thấy nhà giáo luôn thực hiện nghiêm túc việc dự giờ, sinh hoạt chuyên đề,...(1.11.04 - Hồ sơ kiểm tra tiến độ giảng dạy hàng tháng; 1.11.08 - Hồ sơ kiểm tra công tác thực hiện 5S và Xanh hóa hàng năm; 1.11.11 - Hồ sơ kiểm tra kết quả thực hiện công tác đảm bảo chất lượng GDNN hàng năm; 2.6.02 - Các thông báo về việc kiểm tra hồ sơ giảng dạy hàng năm).

Kết thúc đợt tự kiểm tra, giám sát công tác dạy và học, Phòng QLCL&NCKH có báo cáo đánh giá cụ thể đối với từng nhà giáo của khoa. Thông qua đó nhà giáo nắm bắt tình hình để có những điều chỉnh cho phù hợp ở các kỳ học tiếp theo. Điều này cũng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường (2.6.03 - Các biên bản kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo hàng năm; 2.6.04 - Các biên bản dự giờ đột xuất, định kỳ hàng năm; 2.10.01 - Sổ đăng ký dạy bù hàng năm).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**l) Tiêu chuẩn 2.11: Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, nhà trường đều thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học, sau mỗi lần kiểm tra đều có báo cáo kết quả kiểm tra thông qua các Hội nghị tổng kết đào tạo hàng năm, trong đó có đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học cũng như chất lượng đào tạo của Trường. Kết quả cho thấy qua các đợt kiểm tra các đơn vị kịp thời có kế hoạch và hoạt động điều chỉnh hoạt động dạy và học nhằm đảm bảo kế hoạch, nội dung chương trình và nâng cao chất lượng đào tạo (1.11.02 - Quy trình thanh tra vụ việc <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015>; 1.11.03 - Kế hoạch tự kiểm tra, giám sát hàng năm; 1.11.04 - Hồ sơ kiểm tra tiến độ giảng dạy hàng tháng; 1.11.05 - Hồ sơ dự giờ định kỳ hàng năm; 1.11.06 - Hồ sơ dự giờ đột xuất hàng năm; 1.11.07 - Hồ sơ sinh hoạt chuyên đề hàng năm; 1.11.08 - Hồ sơ kiểm tra công tác thực hiện 5S và Xanh hóa hàng năm; 1.11.11 - Hồ sơ kiểm tra kết quả thực hiện công tác đảm bảo chất lượng GDNN hàng năm; 2.6.02 - Các thông báo về việc kiểm tra hồ sơ giảng dạy hàng năm; 2.6.03 - Các biên bản kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo hàng năm; 2.6.04 - Các biên bản dự giờ đột xuất, định kỳ hàng năm; 2.11.01 - Danh sách đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học từ cấp trường trở lên hàng năm; 2.11.02 - Quyết định công nhận đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học từ cấp trường trở lên; 2.11.03 - Các báo cáo hàng quý của phòng QLCL&NCKH về công tác kiểm tra giám sát các hoạt động dạy và học; 2.11.04 - Triển khai đổi mới đào tạo theo phương pháp tiếp cận năng lực; 2.11.05 - Báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**m) Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ vào quy định hiện hành của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội, Trường đã ban hành quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp gồm 04 chương, 28 Điều trong đó quy định rõ về điều kiện dự kiểm tra hết môn, quy trình tổ chức kiểm tra hết môn, các điều kiện, hình thức và quy trình tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp (2.4.01 – Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng).

Ngoài ra để đảm bảo công tác thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện đúng quy trình, quy định, Trường còn ban hành các quy trình quản lý gồm: Quy trình tổ chức thi và kiểm tra – QT-ĐT -03; Quy trình tổ chức và chấm thi trắc nghiệm trên máy tính – QT –ĐT -04; Quy trình công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ – QT- ĐT- 06 (1.7.07 – Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-90012015.html>; 2.12.01 - Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN; 2.12.02 - Quyết định thành lập hội đồng tốt nghiệp hàng năm; 2.12.03 - Biên bản họp xét tốt nghiệp của hội đồng tốt nghiệp hàng năm; 2.12.04 - Quyết định công nhận tốt

nghiệp hàng năm, Danh sách HSSV được công nhận tốt nghiệp hàng năm; 2.12.05 - Hồ sơ quản lý cấp phát phôi, bằng, chứng chỉ- Lưu tại phòng QLĐT).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**n) Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường không ngừng tìm kiếm giải pháp để gắn kết giữa Trường với các công ty, doanh nghiệp. Trong những năm qua đã ký kết hợp tác với nhiều công ty, doanh nghiệp trong và ngoài Tỉnh để tham gia đánh giá chương trình đào tạo, đánh giá người học, tiếp nhận học sinh, sinh viên thực tập và vào làm việc sau khi tốt nghiệp ra trường (1.1.13- Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp - <http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep>; 1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.01 - Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp; 2.7.01 - Hợp đồng /biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho học sinh, sinh viên thực hành, thực tập hàng năm; 2.7.02 - Kế hoạch và quyết định cử học sinh, sinh viên đi thực hành, thực tập hàng năm; 2.12.02 - Quyết định thành lập hội đồng tốt nghiệp hàng năm; 2.12.03 - Biên bản họp xét tốt nghiệp của hội đồng tốt nghiệp hàng năm; 2.12.04 - Quyết định công nhận tốt nghiệp hàng năm, Danh sách HSSV được công nhận tốt nghiệp hàng năm; 2.12.05 - Hồ sơ quản lý cấp phát phôi, bằng, chứng chỉ - lưu tại phòng QLĐT).

Để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của HSSV trong quá trình tổ chức đào tạo, hàng năm nhà trường đều mời đại diện các công ty, doanh nghiệp tham gia đánh giá kết quả học tập của HSSV (2.13.01- Danh sách đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên hàng năm; 2.13.02 - Phiếu đánh giá kết quả học tập của HSSV tại doanh nghiệp).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**o) Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Việc tổ chức kiểm tra kết thúc, mô đun, môn học và xét công nhận tốt nghiệp được Phòng quản lý đào tạo phối hợp với các khoa tổ chức đúng theo quy trình, quy định, đảm bảo khách quan (2.4.01 - Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng), nghiêm túc từ khâu lập kế hoạch, bốc đề, nhân bản đề và tổ chức coi thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Việc xét công nhận điểm và công nhận tốt nghiệp được Phòng quản lý đào tạo tổ chức đúng theo quy chế thi và công nhận tốt nghiệp của Trường và thực hiện theo trình tự quy định tại quy trình tổ chức thi và kiểm tra (QT-ĐT – 03); Quy trình tổ chức và chấm thi trắc nghiệm trên máy tính (QT - ĐT – 04); Quy trình công nhận tốt nghiệp và

cấp văn bằng, chứng chỉ (QT-ĐT-06) (1.7.07 – Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-90012015.html>; 1.12.11 - Quyết định ban hành Quy chế HSSV hàng năm; 2.11.03 - Các báo cáo hàng quý của phòng QLCL&NCKH về công tác kiểm tra giám sát các hoạt động dạy và học; 2.12.01 - Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN; 2.12.02 - Quyết định thành lập hội đồng tốt nghiệp hàng năm; 2.12.03 - Biên bản họp xét tốt nghiệp của hội đồng tốt nghiệp hàng năm; 2.12.04 - Quyết định công nhận tốt nghiệp hàng năm, Danh sách HSSV được công nhận tốt nghiệp hàng năm; 2.12.05 - Hồ sơ quản lý cấp phát phôi, bằng, chứng chỉ- Lưu tại phòng QLĐT; 2.14.01 - Lịch thi kiểm tra kết thúc mô đun, môn học hàng năm; 2.14.02 - Hồ sơ thi kiểm tra kết thúc mô đun, môn học hàng năm).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**p) Tiêu chuẩn 2.15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhằm đảm bảo các quy chế, quy định của Trường luôn được đưa vào triển khai áp dụng phù hợp với quy định, thực tiễn, hàng năm nhà trường đều lập kế hoạch và tổ chức rà soát, điều chỉnh mục tiêu nhiệm vụ của Trường, trong đó có nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh tất cả các quy chế, quy định (2.15.01 – Thông báo rà soát, điều chỉnh văn bản của Trường; 2.15.02 – Thông báo về việc tổ chức thực hiện và duy trì hệ thống QLCL ISO 9001:2015). Nhà trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo các quy định hiện hành. Căn cứ theo các quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhà trường ban hành các Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp (1.7.07 - Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-90012015.html>; 1.12.14 - Kế hoạch thu thập ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động hàng năm; 2.4.01 – Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng; 2.8.10 - Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy và hoạt động quản lý phục vụ đào tạo hàng năm; 2.8.11 - Danh sách thu thập ý kiến người học hàng năm; 2.8.13 - Báo cáo kết quả công tác thu thập kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy và hoạt động quản lý phục vụ đào tạo hàng năm; 2.12.01 - Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp).

Như vậy, nhà trường căn cứ vào các quyết định và thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để xây dựng quy chế, quy định phù hợp với nhà trường theo từng giai đoạn.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**q) Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên**

## **thông theo quy định**

### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trên cơ sở các quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã Hội về việc quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Trường đã ban hành quy chế đào tạo liên thông phù hợp với điều kiện của trường. Quy định đào tạo liên thông của Trường gồm 3 chương, 12 Điều trong đó quy định rõ mục đích, đối tượng, điều kiện học liên thông, tuyển sinh đào tạo liên thông, thời gian đào tạo, nhiệm vụ của Trường trong việc tổ chức đào tạo liên thông (2.12.01- *Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp*).

Việc tuyển sinh đào tạo liên thông thực hiện chung với kế hoạch tuyển sinh của Trường, công tác tổ chức đào tạo được tách thành lớp riêng khi đủ số lượng, các ngành, nghề đào tạo có số lượng học sinh, sinh viên đăng ký ít được nhà trường tổ chức ghép lớp. Tính đến năm học 2021 – 2022, Trường đã tổ chức đào tạo liên thông 04 ngành, nghề. Các ngành, nghề đào tạo liên thông của Trường đều có trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp. Tất cả các ngành, nghề Trường tổ chức đào tạo liên thông đều có chương trình đào tạo và được Hiệu trưởng ra quyết định ban hành đưa vào sử dụng (1.2.06 – *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp*; 2.16.01 - *Chương trình đào tạo liên thông*; 2.16.02 - *Quyết định thành lập lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng hàng năm*; 2.16.03- *Kế hoạch đào tạo liên thông, tiến độ đào tạo liên thông hàng năm*; 2.16.04 - *Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách HSSV liên thông được công nhận tốt nghiệp hàng năm*; 2.16.05- *Báo cáo công tác đào tạo liên thông hàng năm*).

### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**r) Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả**

### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Việc quản lý các hoạt động đào tạo của Trường từng bước được tin học hóa nhằm hạn chế sai sót, cập nhật nhanh, dễ quản lý và tra cứu. Trường đang sử dụng các phần mềm quản lý đào tạo như: *Phần mềm quản lý đào tạo SIMS*; quản lý khung chương trình đào tạo; quản lý hoạt động đào tạo, học tập học sinh, sinh viên, tuyển sinh, học phí, điểm học tập, tốt nghiệp, quản lý lịch học tập, điểm danh, bài giảng hàng ngày...; Phần mềm MISA Mimosa.NET quản lý toàn bộ tài chính toàn trường. Hiện nay nhà trường đang sử dụng phần mềm quản lý công việc yêu cầu quản lý, giao nhận việc, kiểm tra rà soát, và báo cáo tiến độ thực hiện các công tác trong nhà trường (1.5.02 - *Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường hàng năm*; 1.6.04 - *Báo cáo tổng kết của trường hàng năm*; 1.7.07 – *Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-90012015.html>*). Các phần mềm kể trên đều được Trường khai thác và sử dụng có hiệu quả trong các hoạt động của Trường (2.9.01 - *Hợp đồng phần mềm quản lý hoạt động đào tạo Biên bản nghiệm thu*; 2.9.02 - *Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp*



*đồng cung cấp phần mềm đào tạo; 2.9.03 - Hướng dẫn quy trình sử dụng công thông tin điện tử của nhà trường; 2.9.04 - Danh sách cấp địa chỉ mã truy cập phần mềm của GV, NV, HSSV của nhà trường; 2.17.01 - Văn bản quy định và hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý công việc Bitrix 24, <http://e.mitc.edu.vn>; 2.17.02 - Quyết định về việc Ban hành Quy định Quản trị phần mềm quản lý đào tạo và sử dụng dữ liệu đào tạo; 2.17.03 - Báo cáo đánh giá của phòng QLĐT về hiệu quả sử dụng phần mềm quản lý đào tạo).*

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

### **3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động**

#### **\* Mở đầu:**

Tính đến ngày 10/12/2022, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có 169 CBVC (83 nam và 86 nữ), là trường có lực lượng lao động với trình độ chuyên môn cao. Hầu hết cán bộ làm công tác giảng dạy đều có trình độ thạc sĩ trở lên, cụ thể: Trường có 130 giáo viên, giảng viên, trong đó có 42 giáo viên, giảng viên kiêm nhiệm. Hầu hết nhà giáo có trình độ thạc sĩ trở lên: 15 tiến sĩ, chiếm tỷ lệ 11.54%; 94 thạc sĩ, chiếm tỷ lệ 72.30%; 17 cử nhân đại học, chiếm tỷ lệ 13.08% và 04 người có trình độ khác, chiếm tỷ lệ 3.08%. Đây là kết quả của chính sách khuyến khích giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Nhà trường đã áp dụng và có kế hoạch ban hành một số chính sách khuyến khích đội ngũ giáo viên, giảng viên đăng ký thi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, trau dồi khả năng ngoại ngữ, tin học nhằm hướng đến mục tiêu trường chất lượng cao. Hiện tại, trường có 37/55 giáo viên, giảng viên đạt kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 và tương đương. Trong thời gian tới, dự kiến cử thêm nhiều lượt giáo viên, đặc biệt là giáo viên các ngành nghề trọng điểm, tham gia sát hạch kỹ năng nghề quốc gia bậc 3.

Để có thể quản lý CBVC, người lao động toàn trường, nhà trường đã ban hành và tổ chức thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch, khách quan các quy định về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo điều kiện cho CBVC, người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.

Hàng năm, toàn thể cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của Trường được đánh giá, phân loại viên chức, từ đó chỉ ra các mặt mạnh để phát huy, mặt yếu kém để khắc phục, đồng thời có chính sách khen thưởng, động viên những viên chức có thành tích trong công việc.

Ban Giám hiệu và đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn, được bổ nhiệm theo đúng quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường cao đẳng.

#### **\* Những điểm mạnh:**

Với trình độ chuyên môn cao, trường đã có đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên hợp lý về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, quy mô đào tạo và công tác nghiên cứu khoa học. Trường thực hiện công tác quy hoạch,

tuyển dụng nhà giáo, và bổ nhiệm cán bộ quản lý theo đúng quy trình, quy định của Trường và của Nhà nước.

Trường có kế hoạch, quy trình, phương pháp đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý; có chính sách khuyến khích, cán bộ giáo viên học tập nâng cao trình độ.

Nhà giáo của Trường trẻ, nhiệt tình, được đào tạo đúng chuyên ngành, đảm bảo đủ năng lực giảng dạy các chương trình trọng điểm quốc tế và quốc gia.

Ban Giám hiệu và đội ngũ quản lý đáp ứng các tiêu chuẩn, được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Đội ngũ quản lý nhà trường có đầy đủ năng lực, trình độ để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được giao.

**\* Những tồn tại:**

Trong bối cảnh hội nhập và các chuẩn hóa liên tục thay đổi, nhà giáo của Trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc phải liên tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, rèn luyện tay nghề để theo kịp sự phát triển của xã hội.

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho các phòng, khoa, trung tâm; tiếp tục tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia các khoa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, tham gia các chương trình, khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn,...

Với phương châm “Chất lượng là sứ mệnh, Thành công là đích đến”, nhà trường tiếp tục tập trung mọi nguồn lực thực hiện mục tiêu xây dựng nhà trường trở thành đơn vị đào tạo chất lượng cao của cả nước, uy tín trong khu vực.

**Điểm đánh giá tiêu chí 3**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 1</b>	<b>15</b>
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

**a) Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hệ thống quy chế của Trường được xây dựng trên cơ sở thực tế, tuân thủ đúng các quy định của cơ quan chủ quản và các văn bản luật của Nhà nước, không ngừng hoàn thiện về thể chế, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ CBVC, đầu tư trang thiết bị hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học của tập thể giáo viên, giảng viên và HSSV. Nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động, cụ thể:

Để thống nhất quy trình tuyển dụng với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định, nhằm đảm bảo tuyển dụng các cán bộ, giáo viên, giảng viên có đủ tiêu chuẩn để phục vụ công tác đào tạo của nhà trường trên cơ sở đảm bảo chất lượng, đồng thời phù hợp với nhu cầu đào tạo nghề của trường, căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về tuyển dụng, sử dụng và bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, nhà trường ban hành Quy chế xét tuyển viên chức và nội quy kỳ xét tuyển viên chức (3.1.01 - Quy chế tổ chức xét tuyển viên chức và nội quy kỳ xét tuyển viên chức). Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, nhà trường cập nhật quy định mới và ban hành lại Quy chế xét tuyển viên chức và nội quy kỳ xét tuyển viên chức (3.1.01- Quy chế tổ chức xét tuyển viên chức và nội quy kỳ xét tuyển viên chức).

Để làm căn cứ cho việc đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động hàng năm, nhà trường đã ban hành quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động và công tác thi đua, khen thưởng và hàng năm đều có cập nhật quy định mới và ban hành quy chế mới. Ngoài ra, nhà trường còn ban hành quy định đánh giá, xếp loại chuyên môn giáo viên, giảng viên. Theo đó, hàng năm nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động và đánh giá, xếp loại chuyên môn đối với giảng viên. Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động năm tiếp theo cho phù hợp từng đối tượng, đáp ứng yêu cầu từng vị trí việc làm và chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định (1.3.04 - Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng hàng năm; 3.1.02 - Quy định đánh giá, xếp loại chuyên môn giáo viên, giảng viên).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động được nhà trường quy định cụ thể tại Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động, quy định rõ đối tượng, điều kiện được cử đi đào tạo, bồi dưỡng và điều kiện được hưởng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng (3.1.03 – Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động).

Ngoài ra, Trường còn ban hành các quy chế, quy định về công tác bổ nhiệm, luân chuyển, điều động... để đảm bảo các hoạt động này được thực hiện đúng quy trình, quy định, đảm bảo công khai, minh bạch (3.1.04- Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo; Quy định luân chuyển, điều động viên chức lãnh đạo, quản lý, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức quản lý; 3.1.05- Hồ sơ quy hoạch CBVC hàng năm).

Để thống nhất quản lý và áp dụng các hoạt động công tác liên quan công tác cán bộ, nhà trường cũng đã xây dựng và áp dụng các quy trình, trong đó có quy trình tuyển dụng viên chức; quy trình đào tạo, bồi dưỡng viên chức; quy trình xét nâng bậc lương; quy trình bổ nhiệm cán bộ viên chức thuộc thẩm quyền Hiệu trưởng ...

Như vậy, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có hệ thống các quy định, quy chế đầy đủ, được xây dựng căn cứ trên các văn bản quy phạm pháp luật và quy định của cơ quan cấp trên, từ đó làm căn cứ để triển khai các hoạt động chung của Trường.

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**b) Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung trực thuộc Bộ Công Thương, do đó, số lượng người làm việc tại trường được Bộ Công Thương giao và quản lý. Căn cứ nhu cầu nhân lực của trường, trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức hàng năm và trình Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt. Trên cơ sở kế hoạch đã được Bộ Công Thương phê duyệt, nhà trường ban hành thông báo tuyển dụng và tiến hành các thủ tục tuyển dụng viên chức theo quy định. Trong kỳ tuyển hàng năm, nhà trường tuyển dụng theo đúng quy định, kết quả tuyển dụng được thông báo công khai đến tất cả ứng viên dự tuyển cũng như các đơn vị trực thuộc, viên chức, người lao động trong toàn trường biết (3.2.01 - Hồ sơ tuyển dụng viên chức hàng năm; 3.2.02 - Kế hoạch khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động hàng năm; 3.2.03 - Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động hàng năm).

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý hàng năm của Trường được thực hiện đúng quy trình, quy định của Bộ Công Thương và Thành ủy Tuy Hòa, đảm bảo công khai, minh bạch. Cán bộ được bổ nhiệm đảm bảo yêu cầu về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và được sự tín nhiệm của tập thể (3.2.04 - Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Ban Giám hiệu, cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng hàng năm).

Công tác chuyển đổi chức danh nghề nghiệp cho CBVC được nhà trường chú trọng nhằm đảm bảo quyền lợi cho CBVC, đồng thời chuẩn hóa và nâng cao năng lực

đội ngũ CBVC nhà trường (3.2.05 - *Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức hội nghị nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên. Thông qua hội nghị, trường đã tổng kết và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL và nhà giáo tham gia giảng dạy. Trên cơ sở đó, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động hàng năm và cử CBVC đi học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thi kỹ năng nghề quốc gia bậc 3, ngoại ngữ, tin học và nghiệp vụ chuyên môn khác để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ (3.2.06- *Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động hàng năm*). Ngoài ra, hàng năm, nhà trường còn cử nhà giáo tham gia thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất để tiếp cận công nghệ, quy trình sản xuất mới; cử cán bộ quản lý tham quan, học hỏi kinh nghiệm quản lý tại các cơ sở giáo dục và các cơ quan có liên quan khác...

Công tác đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động được thực hiện hàng năm sau khi kết thúc năm học. Đây là căn cứ quan trọng để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chính sách khác đối với viên chức và người lao động. Việc đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động được triển khai tại các đơn vị trong toàn trường thông qua Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động. Sau đó, được Hội đồng đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động họp xét, thông qua. Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động được thông báo rộng rãi cho CBVC toàn Trường biết và được báo cáo cho Bộ Công Thương quản lý (3.2.07- *Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động hàng năm, Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm*:).

Việc thực hiện chế độ, chính sách cho CBVC được nhà trường quan tâm thực hiện đầy đủ theo các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo các quyền lợi của CBVC và người lao động trong nhà trường (1.3.03 - *Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm*; 1.12.15 - *Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân hàng năm*; 3.2.08 - *Quyết định thực hiện nâng lương, phụ cấp thâm niên hàng năm*; 3.2.09 - *Danh sách CBVC và người lao động được nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và nâng phụ cấp thâm niên vượt khung hàng năm*; 3.2.10 - *Danh sách CBVC được hưởng thâm niên nhà giáo hàng năm*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**c) Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Tính đến ngày 10/12/2022, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có 130 cán bộ giảng dạy, trong đó có 42 nhà giáo kiêm nhiệm. Nhà giáo có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm đa số (109/130 người, đạt 83.85%), cụ thể cơ cấu trình độ nhà giáo như sau: 15 tiến sĩ (đạt tỷ lệ 11.54%); 94 thạc sĩ (đạt tỷ lệ 72,30%); 17 cử nhân đại học (đạt tỷ lệ 13.08%) và 04 người có trình độ khác (đạt tỷ lệ 3.08%; trong 04 nhà giáo có trình độ khác, có 01 giáo viên cao đẳng sư phạm kỹ thuật, 02 cao đẳng nghề/kỹ sư thực hành và 01 công nhân kỹ thuật cơ khí). Ngoài ra, hiện nay, nhà trường có 07 giảng viên đang theo học nghiên cứu sinh và nhiều giảng viên được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi

dưỡng chuyên môn khác. Nhà giáo của trường được phân công giảng dạy phù hợp với chuyên môn được đào tạo.

Trong số 130 nhà giáo của trường, có 26 nhà giáo dạy các môn chung và 07 nhà giáo dạy các môn văn hóa. Đa số nhà giáo của trường có ít nhất 5 năm kinh nghiệm.

Đối với trường đào tạo đa ngành, đa nghề, nhiều bậc học như Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung thì cơ cấu giáo viên như trên phù hợp với Luật Giáo dục Nghề nghiệp và Điều lệ trường Cao đẳng về trình độ chuẩn của giảng viên.

Về nghiệp vụ sư phạm: Nhà giáo của trường có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên cao đẳng, đại học, hoặc tốt nghiệp từ các trường sư phạm.

Về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin: Nhà giáo của trường đạt chuẩn trình độ sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc nâng cao, 100% giáo viên có thể sử dụng tin học để soạn giáo án, bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Về trình độ ngoại ngữ: Nhà giáo của trường đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ, có trình độ ngoại ngữ từ bậc 2 trở lên, trong đó có nhiều nhà giáo đạt trình độ tiếng Anh bậc 3, bậc 4, bậc 5; ngoài ra, một số nhà giáo còn có thể sử dụng tiếng Hoa, tiếng Pháp ... để giao tiếp thông thạo và tham gia nghiên cứu sinh ở nước ngoài.

Về chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3: Tính đến ngày 10/12/2022, số lượng nhà giáo có chứng chỉ KNNQG bậc 3 và tương đương là 39/55 giảng viên (Chỉ tính giảng viên các nghề có tổ chức thi: Điện, điện tử, máy lạnh, CNTT, thời trang, cắt gọt kim loại, ô tô, hàn, thiết kế đồ họa) đạt 70.9% (3.3.01 - *Danh sách giảng viên, giáo viên đạt chứng chỉ KNNQG*).

Danh sách trích ngang nhà giáo về họ tên, mô-đun, môn học đang giảng dạy, lớp giảng dạy, kết quả giảng dạy,... được quản lý bằng phần mềm đào tạo. Văn bằng, chứng chỉ của mỗi nhà giáo được quản lý, theo dõi, quản lý tập trung và cập nhật, bổ sung định kỳ tại phòng TCHC (3.3.02 - *Danh sách trích ngang giảng viên, giáo viên*; 3.3.03 - *Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động, Danh mục hồ sơ viên chức, người lao động*).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**d) Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

CBVC và người lao động của Trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường Cao đẳng và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường. Cụ thể:

Giáo viên, giảng viên được bố trí giảng dạy đúng tiến độ giảng dạy và học tập của từng học kỳ, bên cạnh đó giáo viên còn được phân công nhiệm vụ cố vấn học tập, được sử dụng các giáo trình, tài liệu giảng dạy, thiết bị giảng dạy tại Thư viện, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành; được lựa chọn phương pháp và các phương tiện dạy học phù hợp chuyên môn nhằm phát huy năng lực cá nhân, đảm bảo chất lượng và hiệu quả trong công tác đào tạo. CBVC được hưởng các quyền lợi theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường tạo mọi điều kiện để cán bộ giáo viên được học tập nâng cao

trình độ như: nghiên cứu sinh, học cao học, đại học và nhiều CBVC được tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, CBVC tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho các chủ trương, kế hoạch trường thông qua Hội nghị cán bộ viên chức các đơn vị trực thuộc hàng năm. Hội nghị CBVC cấp trường đều được thông qua biên bản và Nghị quyết. Bên cạnh các hội nghị CBVC, CBVC trường còn được tham gia và đóng góp ý kiến cho nhiều Hội nghị khác như: Hội nghị nâng cao chất lượng đội ngũ CBVC, Hội nghị tìm kiếm giải pháp tạo nguồn thu, Hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo, Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, Hội nghị nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học,...

Hàng năm, sau khi kết thúc năm học, toàn thể CBVC gồm cả cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được tổ chức đánh giá, xếp loại theo hướng dẫn của Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành, pháp luật Lao động. CBVC có quyền nhận xét, đánh giá cá nhân khác và được CBVC khác nhận xét, đánh giá. Phiếu nhận xét, đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động được lưu vào hồ sơ cá nhân.

Trong những năm vừa qua, chưa có trường hợp nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện quy chế, nội quy và quy định của Trường; nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định (1.1.05 - Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.4.02 - Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.6.04 - Báo cáo tổng kết của trường hàng năm; 3.3.02 - Danh sách trích ngang giảng viên, giáo viên hàng năm; 3.3.03 - Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động, Danh mục hồ sơ viên chức, người lao động; 3.4.01 - Các thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động hàng năm; 3.4.02 - Các Biên bản họp đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động của các đơn vị hàng năm; 3.4.03 - Các Biên bản họp đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động của trường hàng năm; 3.4.04 - Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động hàng năm).

#### **Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**đ) Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tính đến ngày 10/12/2022, Trường có 130 giảng viên cơ hữu, trong đó giảng viên có trình độ sau đại học là 109 người, chiếm 83.85% lực lượng giảng viên. Vì vậy, nhà trường đảm bảo tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học theo quy định. Đội ngũ giảng viên của trường có trình độ chuyên môn cao; mỗi ngành, nghề đều có giảng viên có trình độ thạc sỹ trở lên giảng dạy và chủ yếu là giảng viên cơ hữu của trường (3.3.02 – Danh sách trích ngang giảng viên, giáo viên hàng năm).

Quy mô đào tạo của Trường là: 2.944(3.115) HSSV, tỷ lệ quy đổi 21.6 HSSV/GV, tỷ lệ này đáp ứng yêu cầu của Nghị định 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ (3.5.01 - Bảng thống kê tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo hàng năm). Đội ngũ nhà

giáo của Trường đảm nhận 100% khối lượng chương trình của 29 ngành cao đẳng, 27 ngành trình độ trung cấp bao gồm kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên môn nghiệp vụ, ngoài ra đội ngũ nhà giáo của Trường đủ khả năng giảng dạy 100% khối lượng kiến thức văn hóa phổ thông theo quy định.

Căn cứ Quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo về tổng số giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác của giảng viên, hàng năm, phòng Quản lý đào tạo lập kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên tham gia giảng dạy cho từng học kỳ và từng khóa học thông qua tiến độ học tập, thời khóa biểu cụ thể cho từng lớp học, từng ngành (2.5.03 - Tiến độ đào tạo hàng năm; 2.5.03 - Thời khóa biểu hàng năm). Các lớp học đều có danh sách cụ thể được theo dõi và quản lý trên phần mềm đào tạo. Cuối mỗi năm học, nhà trường thống kê khối lượng giảng dạy của giáo viên, giảng viên làm căn cứ xét thi đua, lập bảng thanh toán khối lượng vượt giờ (3.5.02 - Tổng hợp khối lượng và thanh toán vượt giờ hàng năm).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**e) Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, phòng Quản lý đào tạo lập kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên giảng dạy cho từng học kỳ và từng khóa học, có danh sách giáo viên giảng dạy mỗi môn - đun, môn học làm căn cứ cho các khoa triển khai giảng viên giảng dạy. Thời khóa biểu được đưa lên trang thông tin điện tử của trường, phần mềm quản lý đào tạo và trên bảng tin, mọi giảng viên và HSSV đều có thể theo dõi và thực hiện theo đúng thời khóa biểu.

Giảng viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn; mỗi môn học đều có đầy đủ tài liệu học tập; giảng viên lên lớp đều có lịch trình giảng dạy và được tổ bộ môn, khoa phê duyệt trước khi lên lớp. Lịch trình giảng dạy của giảng viên sau khi kết thúc môn học được tập hợp lưu tại văn phòng khoa để phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu sau này.

Nhà trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên. Đồng thời, mỗi năm đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Mỗi giảng viên đều đảm bảo thực hiện theo nội dung, mục tiêu và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Phòng Quản lý chất lượng & Nghiên cứu khoa học, phòng Quản lý đào tạo kết hợp trường các khoa kiểm tra công tác giảng dạy, có biên bản dự giờ định kỳ và đột xuất nhằm đảm bảo nhà giáo thực hiện đúng nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng giảng dạy (1.11.05 - Hồ sơ dự giờ định kỳ hàng năm; 1.11.06 - Hồ sơ dự giờ đột xuất hàng năm; 2.1.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp; 2.5.03 - Tiến độ đào tạo hàng năm; 2.5.06 - Lịch trình giảng dạy; 3.3.02 - Danh sách trích ngang giảng viên, giáo viên hàng năm).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**g) Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***



Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên được nhà trường đặc biệt quan tâm. Công tác này tiến hành theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm. Căn cứ quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức, mỗi nhà giáo đều có kế hoạch tự học, tự nghiên cứu và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm qua bản đăng ký thi đua cá nhân từng năm học.

Việc khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy được Trường quy định tại Quy định chế độ làm việc nhà giáo, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, Quy định nghiên cứu khoa học,... (1.3.03 - Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm; 1.4.02 - Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.4.03 – Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, Quy định quản lý hoạt động các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, Quy định quản lý hoạt động nhóm nghiên cứu ứng dụng).

Hàng năm, Trường thực hiện đầy đủ các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo tham gia học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, chế độ chính sách liên quan đến khen thưởng theo các quy định nêu trên, kinh phí thực hiện được thể hiện trong báo cáo tài chính hàng năm của Trường.

Ngoài ra nhà trường còn thực hiện các chính sách hỗ trợ khác như: Hỗ trợ CBVC có trình độ tiến sỹ, hỗ trợ kinh phí thi chứng chỉ tin học quốc tế ICDL, hỗ trợ kinh phí học trung cấp tin học, hỗ trợ kinh phí thi kỹ năng nghề quốc gia từ bậc 3 trở lên, hỗ trợ kinh phí học và thi ngoại ngữ, hỗ trợ nhà giáo đang trong thời gian tập sự, và một số chế độ chính sách khác... (3.7.01 - Quyết định về việc hỗ trợ cho CBVC có trình độ tiến sỹ; 3.7.02 - Quyết định về việc hỗ trợ cho CBVC có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3; 3.7.03 - Thông báo về việc hỗ trợ cho CBVC có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, Quyết định về việc khen thưởng cho viên chức đạt chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, Thông báo chính sách hỗ trợ cho cán bộ viên chức trong thời gian thử việc, Thông báo chính sách hỗ trợ cho giảng viên trong thời gian tập sự, Quyết định về việc chi hỗ trợ cho giảng viên trong thời gian tập sự).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**h) Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBVC luôn được nhà trường xác định là khâu quan trọng, thể hiện trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm học. Căn cứ vào nhu cầu, vị trí công việc đảm nhiệm, nhà trường sắp xếp cho CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Trường đã cử giảng viên đang theo học nghiên cứu sinh, học cao học, văn bằng 2 và nhiều CBVC được cử đi bồi dưỡng ngắn hạn trong và ngoài nước, các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, gồm: Tập huấn đào tạo nghiệp vụ về đầu thầu, chuyên gia tư vấn cải tiến sản xuất, huấn luyện an toàn lao động, quản lý nhà hàng, khách sạn, xử lý truyền thông, phòng cháy chữa cháy, an toàn bức xạ, bồi dưỡng

ngạch chuyên viên, bồi dưỡng soạn giáo án, bồi dưỡng đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực, ngoại ngữ, tin học, khởi nghiệp, lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, nghiệp vụ sư phạm, thi lấy chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3, đánh giá viên kỹ năng nghề bậc 3, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh...

Thực hiện yêu cầu đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung quan tâm đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy của đội ngũ giảng viên. Các bộ môn, các khoa tổ chức dự giờ định kỳ giảng viên vào mỗi học kỳ, ít nhất 1 lần/người và tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp khoa mỗi năm học một lần. Hoạt động dự giờ và hội thi nhằm đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên và tiến cử giảng viên tham gia hội giảng cấp trường và các cấp cao hơn, đồng thời cũng là cơ hội học tập chuyên môn nghiệp vụ cho các giảng viên khác. Ở cấp trường, mỗi năm học tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi một lần, để đánh giá và tôn vinh những giảng viên giỏi cấp cơ sở hàng năm.

Ngoài ra, trường còn tổ chức Hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo nhằm thảo luận, đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, trong đó có nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực của đội ngũ giảng viên và đổi mới phương pháp giảng dạy (2.8.03 - Hồ sơ nhà giáo tham gia hội giảng hàng năm; 2.8.04 - Giấy khen, bằng khen Hội giảng Cấp tỉnh, cấp bộ, cấp quốc gia; 2.8.05 - Các kế hoạch tổ chức hội giảng cấp trường; 3.8.01 - Quyết định cử CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng hàng năm; 3.8.02 - Biên bản hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**i) Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thực hiện chính sách kết hợp đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp, đào tạo gắn với thực tế của đơn vị sử dụng lao động, trong những năm qua, nhà trường mở rộng quan hệ, hợp tác với các doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi đưa nhà giáo, HSSV của Trường đi thực tế, thực tập tại đơn vị sản xuất, đồng thời tạo đầu ra cho HSSV trường (1.1.13 - Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp [http://mitc.edu.vn /category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep](http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep)). Nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhà giáo tại doanh nghiệp là việc làm bắt buộc đối với nhà giáo, được quy định cụ thể tại Quy định chế độ làm việc của nhà giáo Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung.

Thông qua hoạt động này, việc xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng công nghệ, thực tiễn tại doanh nghiệp quyết định đến chất lượng đào tạo của Trường, để từ đó, sản phẩm đào tạo của Trường được xã hội chấp nhận. Nhà giáo đi thực tế tại các đơn vị sản xuất được tiếp xúc trực tiếp thực tế, tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và từ đó nâng cao hiểu biết về chuyên môn, thành thạo về tay nghề,... Bên cạnh việc cử nhà giáo đi thực tại các đơn vị sản xuất, nhà trường cử nhiều nhà giáo tham quan học tập mô hình sản xuất hoặc cùng HSSV thực tập, tham gia lao động sản xuất cùng các doanh nghiệp (3.9.01 - Danh sách nhà giáo đi thực tế tại doanh nghiệp hàng năm; 3.9.02- Quyết định cử nhà giáo đi thực tế tại doanh nghiệp hàng năm; 3.9.03 - Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng

viên hàng năm; 3.9.04 - Báo cáo kết quả thực tế tại doanh nghiệp của nhà giáo hàng năm).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**k) Tiêu chuẩn 3.10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo là công tác được nhà trường chú trọng. Để có đội ngũ giảng viên với trình độ chuyên môn vững vàng hiện tại, từ nhiều năm trước, nhà trường đã cử rất nhiều giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước.

Trên cơ sở Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBVC đã ban hành, mỗi nhà giáo được nhà trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải thực hiện việc báo cáo kết quả sau khi kết thúc về cho đơn vị, trong đó nêu rõ khả năng triển khai, ứng dụng sau tập huấn, bồi dưỡng. Hàng quý, Ban quản trị chiến lược họp xem xét đánh giá tất cả các hoạt động chung của trường, trong đó có vấn đề nâng cao chất lượng đội ngũ. Ngoài ra, vào cuối năm học, tại báo cáo tổng kết năm học nhà trường đều có tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường. Kết quả cho thấy 100% nhà giáo đều thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ (3.8.01 – Quyết định cử CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng hàng năm).

Ngoài việc tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, nhà trường còn xem việc hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng là một trong số các tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua khen thưởng cuối năm. Qua đánh giá, tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động cho thấy: sau mỗi đợt được bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp, các nhà giáo đều có sự vận dụng, ứng dụng vào bài giảng hoặc có các nghiên cứu ứng dụng trong công tác giảng dạy, có các đề xuất điều chỉnh chương trình, giáo trình cho phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp,... (1.1.12 - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược; 1.6.04 - Báo cáo tổng kết của trường hàng năm; 3.8.02 - Biên bản hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm; 3.9.03 - Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên hàng năm).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**l) Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Ban Giám hiệu nhà trường gồm Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng do Bộ Công Thương bổ nhiệm. Ban Giám hiệu trường là những giảng viên có uy tín, có năng lực, phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, tất cả đều có kinh nghiệm quản lý giáo dục trên 5 năm. Việc bổ nhiệm Ban Giám hiệu do Bộ Công Thương thực hiện theo đúng quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức. Đảm bảo quy định về độ tuổi, thời gian công tác và chuẩn trình độ chuyên môn. Hiệu trưởng của trường có trình độ tiến sĩ, 02 Phó Hiệu trưởng, trong đó 01 có trình độ tiến sĩ và 01 trình độ thạc sĩ, đã tham gia công tác giảng dạy nhiều năm và giữ các chức vụ quản lý lĩnh vực GDNN trên 05 năm đáp ứng tiêu chuẩn quy định theo khoản 2 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2014, khoản 2 Điều 15 và Điều 19 Thông tư số

46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng. Như vậy, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng nhà trường đều đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và được bổ nhiệm theo đúng quy định của Điều lệ trường cao đẳng (1.1.05 - *Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung*; 3.11.01 - *Danh sách trích ngang Ban Giám hiệu từ năm 2018 đến nay*; 3.11.02 - *Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng*).

Quyền hạn và trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường được quy định cụ thể trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường (tại Điều 7, 8). Việc phân công nhiệm vụ của các thành viên lãnh đạo trường được thể hiện bằng văn bản cụ thể do Hiệu trưởng ký ban hành (3.11.03 – *Quyết định phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng*). Sự phân công rõ ràng về quyền hạn và trách nhiệm đã tạo điều kiện cho các thành viên Ban Giám hiệu phát huy năng lực và tính chủ động, sáng tạo trên từng lĩnh vực công tác được giao, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường.

Hàng năm, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương,... Dưới sự điều hành của lãnh đạo trường, các hoạt động trong nhà trường luôn được thực hiện đúng kế hoạch, có hiệu quả và đạt nhiều thành tích cao. Trường đã thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ viên chức và học sinh, sinh viên, triển khai thực hiện tốt công tác chuyên môn, công tác nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ công tác khác. Hàng năm nhà trường đều tổ chức đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động theo đúng quy định, trong đó có nhận xét, đánh giá đối với Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng (3.11.04 – *Phiếu đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng hàng năm*).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**m) Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được miễn nhiệm, bổ nhiệm theo quy định**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có quy chế tổ chức, hoạt động phù hợp quy định tại Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH. Tính đến ngày 10/12/2022, nhà trường có 16 đơn vị trực thuộc gồm 04 phòng chức năng, 06 khoa chuyên môn, 06 Trung tâm. Tất cả các đơn vị trong Trường đều có cán bộ quản lý, trong đó, có 07 đơn vị có cấp phó (04 phòng và 3 trung tâm).

Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm đảm bảo công khai, minh bạch và được thực hiện đúng quy trình, quy định của trung ương, của Bộ Công Thương, các cơ quan liên quan khác cũng như đúng quy định nội bộ của trường (Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo). Cán bộ được bổ nhiệm đảm bảo yêu cầu về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và được sự tín nhiệm của tập thể. Việc bổ nhiệm được đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, xuất phát từ yêu cầu và nhiệm vụ của Trường. Hiệu trưởng thực hiện việc bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc Trường theo phân cấp về quản lý của Bộ Công Thương.

Trên cơ sở Quy hoạch các chức danh lãnh đạo đã được Đảng ủy và Ban Giám hiệu thông qua và phê duyệt; khi có yêu cầu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, Tổ Phát triển đội ngũ và Pháp chế tiến hành hoàn tất các thủ tục theo quy định, Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm. Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ còn được thực hiện theo quy trình của hệ thống bảo đảm chất lượng (QT-PT-03). Tất cả các hồ sơ có liên quan đến việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được lưu trữ trong hồ sơ bổ nhiệm CBCCVC.

Trong năm 2022, nhà trường tiến hành bổ nhiệm 04 trưởng đơn vị trực thuộc, 04 phó trưởng đơn vị trực thuộc. Ngoài ra, trường phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Công Thương thực hiện quy trình và hoàn thiện thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm lại 01 Phó Hiệu trưởng, 01 Kế toán trưởng. Ngoài ra, cũng trong năm học này, nhà trường tiến hành các thủ tục và giải quyết cho thôi giữ chức vụ đối với 02 trưởng đơn vị trực thuộc, 01 phó trưởng đơn vị trực thuộc (3.12.01- *Danh sách trích ngang viên chức lãnh đạo, quản lý*; 3.12.02 - *Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ hàng năm*; 3.12.03 - *Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý hàng năm*).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**n) Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường tính đến ngày 10/12/2022 có 27 người (gồm Ban Giám hiệu và trưởng, phó các đơn vị trực thuộc); trong đó cán bộ nữ là 10 người (37.04%), nam 17 người (62.96%); trong đó, có 11 tiến sĩ (40.74%), 15 thạc sĩ (55.55%), 01 cử nhân (3.71%); có 22/27 người (81.48%) là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; tuổi đời đội ngũ quản lý còn trẻ, đa số trong độ tuổi dưới 45 tuổi (25/27 người, 92.59%) (3.12.01 - *Danh sách trích ngang viên chức quản lý*).

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đều đạt và vượt chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ khi bổ nhiệm cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc Trường căn cứ vào Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng, Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường và Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo của trường. Các chức vụ lãnh đạo quản lý đơn vị trực thuộc trường do Hiệu trưởng bổ nhiệm theo thẩm quyền, riêng Kế toán trưởng được Bộ Công Thương bổ nhiệm và bổ nhiệm lại (3.13.01 – *Quyết định số 3029/QĐ-BCT ngày 21/7/2016 của Bộ Công Thương bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa, Quyết định số 2496/QĐ-BCT ngày 09/11/2021 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung*).

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ quản lý thực hiện các nghĩa vụ và quyền hạn theo khoản 1 Điều 15, khoản 6 Điều 16, khoản 1 Điều 17 Điều lệ Trường cao đẳng, quy định cụ thể các nghĩa vụ và các quyền của cán bộ quản lý tại Điều 10, Điều 11, Điều 13 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

Định kỳ, nhà trường tổ chức họp giao ban 01 lần/tháng. Trước mỗi cuộc họp, lãnh đạo các đơn vị tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện và đề ra kế hoạch dự kiến cho tháng tiếp theo. Tại cuộc họp, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đánh giá kết quả

thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của cán bộ quản lý từng đơn vị, kịp thời giải quyết các vấn đề các đơn vị gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Hàng năm, trường đều có báo cáo tổng kết năm học và đề ra phương hướng năm học tiếp theo. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức Hội nghị CBVC hàng năm trên cơ sở tổng hợp Hội nghị CBVC các đơn vị trực thuộc, từ đó đánh giá được mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao của cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc.

Tất cả cán bộ quản lý có phẩm chất chính trị và năng lực điều hành, quản lý tốt và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Qua kết quả đánh giá, xếp loại và bình xét thi đua hàng năm, 100% cán bộ quản lý đạt danh hiệu lao động tiên tiến; nhiều lượt cán bộ quản lý đạt các danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương, được tặng bằng khen của Bộ Công Thương, của Công đoàn các cấp, giấy khen của Hiệu trưởng,...

Trong năm 2022, trong 27 cán bộ quản lý gồm Ban Giám hiệu và trường, phó các đơn vị trực thuộc trường, có 11/27 (40.74%) cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 15/27 (55.55%) cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, 01/27 (3.71%) cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ; 27/27 (100%) cán bộ quản lý đạt danh hiệu lao động tiên tiến, 11/27 (40.74%) cán bộ quản lý đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, 03/27 (11.11%) cán bộ quản lý đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương (*1.5.02 - Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc hàng năm; 3.2.07 - Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm; 3.12.03 - Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý hàng năm*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**o) Tiêu chuẩn 3.14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, Trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho CBVC nói chung và cán bộ quản lý nói riêng. Trên cơ sở kế hoạch đó, nhà trường cử cán bộ quản lý tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước như: Tập huấn một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các đơn vị hành chính sự nghiệp, bồi dưỡng nghiệp vụ đầu thầu, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bồi dưỡng lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, cùng các khóa bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, và các đợt tham quan, học hỏi kinh nghiệm quản lý từ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác... (*3.2.06 - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm; 3.8.01 - Quyết định cử CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng hàng năm; 3.14.01 - Danh sách CBQL được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn hàng năm*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**p) Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đảm bảo đủ về số lượng để hoàn thành các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn mà nhà trường được giao. Tính đến 10/12/2022, Trường có 169 CBVC, đủ để đảm nhiệm các vị trí công tác ở các đơn vị trực thuộc Trường từ lãnh đạo các đơn vị đến giảng viên, viên chức hành chính và nhân viên phục vụ. Đội ngũ viên chức, người lao động của Trường đủ về số lượng, phù hợp với quy mô của Trường cũng như nhiệm vụ của các đơn vị. Ở từng vị trí công việc cụ thể, mỗi viên chức, người lao động đều có năng lực chuyên môn phù hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ví dụ: Nhà giáo giảng dạy đúng chuyên môn đã được đào tạo, được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng phù hợp chuyên môn, vị trí việc làm; kế toán trưởng có trình độ chuyên môn phù hợp và có chứng chỉ nghiệp vụ kế toán trưởng; nhân viên y tế có bằng cấp chuyên môn về y tế... (3.3.02 - *Danh sách trích ngang viên chức, nhân viên của trường*; 3.3.03 – *Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động, Danh mục hồ sơ viên chức, người lao động*; 1.5.02 - *Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc trường hàng năm*; 1.6.04 - *Báo cáo tổng kết của trường hàng năm*).

Hàng năm Trường luôn tạo điều kiện cho đội ngũ viên chức và người lao động của trường được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, và tham gia các khóa tập huấn về các nội dung như: Nghiên cứu sinh, học cao học, học đại học, học trung cấp, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng về quốc phòng an ninh, tập huấn bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp,... (3.8.01 – *Hồ sơ cử CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng hàng năm*; 3.14.01 – *Danh sách viên chức, người lao động được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn hàng năm*).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

#### **3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình**

##### **\* Mở đầu:**

Nhà trường tuyển sinh đào tạo 29 ngành trình độ cao đẳng, 27 ngành trình độ trung cấp, việc xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT) được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH. 100% CTĐT của Trường đã được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Các CTĐT của Trường đảm bảo thực hiện các yêu cầu và cấu trúc, mục tiêu theo hướng thực hành ứng dụng nghề nghiệp. Việc xây dựng CTĐT được thực hiện thông qua các Hội đồng xây dựng CTĐT từng ngành do đội ngũ giáo viên các khoa thực hiện được thẩm định bởi hội đồng thẩm định, có sự tham gia của doanh nghiệp. Chương trình được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý giữa các cấp trình độ. Các môn học tự chọn trong mỗi ngành, nghề, hàng năm sẽ được đề xuất thay đổi cho phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường lao động cũng như điều kiện cụ thể của Trường.

Trên cơ sở các CTĐT đã ban hành, nhà trường xây dựng kế hoạch biên soạn tài liệu giảng dạy dùng chung cho tất cả các ngành đào tạo. Việc chỉnh sửa bổ sung, điều chỉnh CTĐT còn dựa trên cơ sở tham khảo các ý kiến phản hồi từ các sở ngành, các danh nghiệp, các nhà giáo,... Để đảm bảo đa dạng hóa và có đầu đủ giáo trình và tài liệu giảng dạy dùng chung cho tất cả các học phần thuộc CTĐT, nhà trường đã tiến hành

thẩm định giáo trình ngoài để bổ sung giáo trình chưa biên soạn kịp. Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử với hơn 50.000 tài liệu số hóa nhằm bổ sung thư viện truyền thống giúp người học thuận tiện cho việc tham khảo tài liệu mọi lúc, mọi nơi.

**\* Những điểm mạnh:**

Tất cả các ngành đào tạo của Trường được biên soạn, thẩm định và được Bộ LĐTBXH cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Các CTĐT của trường đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định, được cập nhật, bổ sung theo định kỳ trên cơ sở góp ý của các doanh nghiệp đảm bảo tính liên thông. Có đầy đủ giáo trình và tài liệu giảng dạy thông qua việc biên soạn và thẩm định giáo trình ngoài.

Trong năm học 2021 – 2022, nhà trường tiếp tục đào tạo theo 07 ngành, nghề trọng điểm trình độ cao đẳng và trung cấp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển lao động trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ứng dụng các công nghệ quản lý, sản xuất mới vào các nghề đang có nhu cầu cao trong xã hội.

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tăng cường xây dựng bộ tiêu chí, biểu mẫu góp ý chương trình đào tạo, giáo trình giúp cán bộ, giáo viên, HSSV và các doanh nghiệp thuận tiện trong đóng góp xây dựng chương trình gần với thực tiễn, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

Tiếp tục rà soát, biên soạn mới chương trình và cập nhật giáo trình đảm bảo đáp ứng thực tiễn nghề nghiệp.

**Điểm đánh giá tiêu chí 4**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 1</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	0
Tiêu chuẩn 14	1



Tiêu chuẩn 15	1
---------------	---

**a) Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hiện tại nhà trường đang tổ chức đào tạo 29 ngành cao đẳng và 27 ngành trung cấp và liên thông trung cấp lên cao đẳng. Tất cả các ngành, nghề đào tạo của Trường đều có chương trình đào tạo, đề cương chi tiết và được Hiệu trưởng phê duyệt ban hành đưa vào sử dụng (1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.01 - Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp; 2.1.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp). Các chương trình đào tạo ban hành được triển khai áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2017 đến nay và tên các ngành, nghề trong chương trình đào tạo đáp ứng Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (4.1.01 - Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông; 4.1.02 - Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.1.03 - Thông báo áp dụng chương trình các môn chung theo Quyết định của Bộ LĐTBXH; 4.1.04 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, cao đẳng).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**b) Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tất cả chương trình đào tạo đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp của Trường đều được xây dựng, điều chỉnh, biên soạn đúng theo quy trình, quy định Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Trong quá trình tổ chức biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo và điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện nghiêm túc từ khâu lập kế hoạch, thành lập Ban chủ nhiệm biên soạn, nghiệm thu chương trình đào tạo đều có sự tham gia góp ý của các nhà giáo thông qua các cuộc họp của các bộ môn, khoa để thảo luận, các phiếu khảo sát cựu HSSV, doanh nghiệp sử dụng lao động, giáo viên/giảng viên và cán bộ quản lý. (1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp; 4.1.01 - Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông; 4.1.02 - Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.1.03 - Thông báo áp dụng chương trình các môn chung theo Quyết định của Bộ LĐTBXH; 4.1.04 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.2.01 - Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo; 4.2.02 - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.2.03 - Biên bản họp ban chủ nhiệm biên soạn và thẩm định CTĐT).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**c) Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung tổ chức đào tạo 29 ngành cao đẳng, 27 ngành trung cấp, 04 ngành liên thông từ trung cấp lên cao đẳng. Đối với tất cả các ngành, nghề trung cấp và cao đẳng các khoa đều xây dựng, điều chỉnh theo quy định của Bộ LĐTB&XH và được trình bày đúng mẫu định dạng theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Các chương trình đào tạo của Trường được xác định mục tiêu rõ ràng, trong đó quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Bên cạnh đó, còn quy định rõ thời gian đào tạo, phương pháp, hình thức đào tạo (2.1.01 - *Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp hàng năm*; 2.1.02 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp*; 4.1.01 - *Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông*; 4.1.02 - *Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng*; 4.1.03 - *Thông báo áp dụng chương trình các môn chung theo Quyết định của Bộ LĐTBXH*; 4.1.04 - *Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, cao đẳng*; 4.2.01 - *Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo*; 4.2.02 - *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo*; 4.2.03 - *Biên bản họp ban chủ nhiệm biên soạn và thẩm định CTĐT*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**d) Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Mỗi chương trình đào tạo của Trường khi xây dựng, điều chỉnh đều có sự tham gia của các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động. Cụ thể, nhà trường đã ban hành quyết định về việc thành lập Ban chủ nhiệm chuyển đổi chương trình đào tạo và quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chuyển đổi chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Kết quả của quá trình xây dựng, chuyển đổi, thẩm định chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp, nhà trường đã ban hành quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp. Căn cứ Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng, nhà trường đã ban

hành chương trình môn học. Việc xây dựng, điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo thực hiện theo trình tự quy trình xây dựng chương trình đào tạo - QT - ĐT - 02. (4.1.01 - Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông; 4.1.02 - Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.1.03 - Thông báo áp dụng chương trình các môn chung theo Quyết định của Bộ LĐTBXH; 4.1.04 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.2.01 - Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo; 4.2.02 - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.2.03 - Biên bản họp ban chủ nhiệm biên soạn và thẩm định CTĐT).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**đ) Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tất cả các chương trình đào tạo của Trường hàng năm đều được tổ chức rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Hiện nay nhà trường đã kết hợp thực tập tốt nghiệp của HSSV với thực tế sản xuất tại các doanh nghiệp dựa vào biên bản ghi nhớ giữa nhà trường và doanh nghiệp để lấy ý kiến về chương trình đào tạo từ đó rút kinh nghiệm điều chỉnh CTĐT cho phù hợp. Ngoài ra, hàng năm trường đều tổ chức khảo sát doanh nghiệp, HSSV tốt nghiệp và nhà giáo giảng dạy để lấy ý kiến về chương trình đào tạo.

Do đó phải khẳng định tất cả các CTĐT của nhà trường đang đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động (2.1.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp; 4.1.01 - Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông; 4.1.02 - Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.5.01 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo khảo sát của đơn vị sử dụng lao động về từng chương trình đào tạo, người tốt nghiệp đã đi làm hàng năm; 4.5.02 - Báo cáo kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động về từng chương trình đào tạo, người tốt nghiệp đã đi làm hàng năm).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**e) Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo trung cấp và cao đẳng nhà trường đặc biệt chú trọng thiết kế linh hoạt cho việc liên thông từ trung cấp lên cao đẳng trên cơ sở đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra, linh hoạt trong việc tổ chức đào tạo, đáp ứng được nhu cầu của người học.

Do vậy các chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp của Trường đều được xây dựng, điều chỉnh theo quy định của Bộ LĐTB&XH được trình bày đúng mẫu định dạng được ban hành tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/3/2017 của

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nên bảo đảm tính khoa học, hệ thống, phân chia các khối kiến thức, kỹ năng nghề theo trình tự hợp lý, đảm bảo tính liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo thuộc hệ thống Giáo dục nghề nghiệp từ trung cấp lên cao đẳng và được Hiệu trưởng ban hành quyết định đưa vào sử dụng.

Ngoài ra, Trường còn phối hợp với các Trường đại học như Trường Đại học Mở-Địa Chất, Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp Hồ Chí Minh... để tổ chức tuyển sinh, đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên Đại học cho các đối tượng là sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng của những ngành/nghề phù hợp tại trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa nay là trường Cao Đẳng Công Thương Miền Trung. (2.1.02 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp*; 2.4.02 - *Biên bản phối hợp đào tạo từ cao đẳng lên đại học và sau đại học*; 4.6.01 - *Chương trình chi tiết trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp*; 4.6.02 - *Chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học của cơ sở giáo dục đại học*; 4.6.03 - *Quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành*; 4.6.04 - *Thông báo tuyển sinh liên thông với trình độ đại học*; 4.6.05 - *Quyết định trúng tuyển và danh sách sinh viên trúng tuyển trình độ đại học liên thông*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**g) Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Công tác điều chỉnh chương trình đào tạo được trường tổ chức đúng theo quy trình như sau: Lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình; các Khoa lập kế hoạch điều chỉnh, phân công giáo viên thực hiện; tổ chức rà soát, điều chỉnh; họp lấy ý kiến, thành lập Hội đồng thẩm định; tổ chức nghiệm thu và ra quyết định ban hành đưa vào sử dụng. Căn cứ vào thực tiễn, nhà trường điều chỉnh và xây dựng 07 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp đối với các ngành, nghề trọng điểm nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển lao động trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ứng dụng các công nghệ quản lý, sản xuất mới vào các nghề đang có nhu cầu cao trong xã hội. Tất cả các chương trình đào tạo đều được Hiệu trưởng phê duyệt đưa vào sử dụng (2.1.02 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp*; 4.1.01 - *Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông*; 4.1.02 - *Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng*; 4.1.03 - *Thông báo áp dụng chương trình các môn chung theo Quyết định của Bộ LĐTBXH*; 4.1.04 - *Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, cao đẳng*; 4.2.01 - *Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo*; 4.2.02 - *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo*; 4.2.03 - *Biên bản họp ban chủ nhiệm biên soạn và thẩm định CTĐT*; 4.6.01 - *Chương trình chi tiết trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**h) Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm trường tổ chức thu thập ý kiến phản hồi từ bộ môn và khoa về chương trình đào tạo. Qua đó các bộ môn và khoa căn cứ vào thực tế giảng dạy, định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo. Những vấn đề còn bất cập, chưa phù hợp đã được các nhà giáo và các đơn vị có ý kiến bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm từng bước hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Bên cạnh đó, nhằm cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm sau mỗi đợt thực tập tốt nghiệp của HSSV, nhà trường đã tổ chức tổng kết trong đó có nội dung đánh giá về chương trình đào tạo của Trường từ phía các doanh nghiệp. Thông qua việc đánh giá chương trình đào tạo, trường đã thực hiện cải tiến chất lượng, nhằm đáp ứng tốt nhu cầu nguồn nhân lực của ngành và của địa phương. Nội dung chương trình sau khi chỉnh sửa, bổ sung hoặc biên soạn mới đều cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài. Các chương trình đào tạo mới được thiết kế theo hướng đào tạo năng lực thực tiễn của người học, tăng cường tính tự chủ, sáng tạo, bám sát và đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

Ngoài ra, trong những năm gần đây đội ngũ nhà giáo của trường được tham gia tập huấn, chuyển giao công nghệ theo chương trình nâng cao kỹ năng nghề, đặc biệt là những ngành, nghề đầu tư trọng điểm cấp độ ASEAN, quốc tế, khi điều chỉnh chương trình đều tham khảo các chương trình tương ứng của nước ngoài. Hiện nay, nhà trường đang sử dụng chương trình đào tạo chuyển giao của Đức đào tạo nghề Cắt gọt kim loại. (2.1.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp; 4.1.02 - Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.8.01 - Hồ sơ điều chỉnh chương trình đào tạo có cập nhật công nghệ tiên tiến/tham khảo tài liệu nước ngoài).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**i) Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong Giáo dục nghề nghiệp. Trên cơ sở Thông tư hướng dẫn và tình hình thực tế, nhà trường căn cứ vào nhu cầu đào tạo và chương trình đào tạo bậc tương ứng, thực hiện việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo các mô đun, môn học và có các quy định cụ thể đối với các mô đun, môn học đã qua đào tạo mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Hiện Trường đang tổ chức đào tạo liên thông 04 ngành từ trung cấp lên cao đẳng. (2.1.02 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp*; 2.12.01- *Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp*; 4.1.01 - *Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông*; 4.1.02 - *Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng*; 4.9.01- *Văn bản rà soát các mô đun/môn học người học không phải học khi học chương trình liên thông*; 4.9.02 - *Thông báo tuyển sinh trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp hàng năm*; 4.9.03 - *Quyết định trúng tuyển và danh sách sinh viên trúng tuyển trình độ cao đẳng liên thông*)

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**k) Tiêu chuẩn 4.10 : Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp gồm 29 ngành cao đẳng và 27 ngành trung cấp, trong đó cao đẳng: 505 mô đun, môn học; trung cấp: 307 mô đun, môn học. Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Do vậy, tất cả 100% các mô đun, môn học của tất cả các ngành, nghề đào tạo của Trường đều có tài liệu giảng dạy, bao gồm: Giáo trình nội bộ, giáo trình ngoài, bài giảng dùng chung...và được Trường tổ chức biên soạn, tổ chức lựa chọn và thẩm định tài liệu giảng dạy đảm bảo đáp ứng đầy đủ theo danh mục các mô đun, môn học trong từng chương trình đào tạo (1.2.06 – *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp*; 2.1.02 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp*; 4.1.01 - *Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông*; 4.1.02 - *Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng*; 4.6.01 - *Chương trình chi tiết trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp*; 4.10.01 - *Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm biên soạn giáo trình*; 4.10.02 - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình*; 4.10.03 - *Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo*; 4.10.04 - *Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng*; 4.10.05 - *Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp*; 4.10.06 - *Bản in các giáo trình của các mô đun/môn học của chương trình đào tạo*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**l) Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Tất cả các mô đun, môn học của Trường đều có giáo trình, tài liệu lựa chọn và được tổ chức biên soạn, lựa chọn đúng quy định, quy trình, nội dung phù hợp với nội dung đề cương chi tiết trong chương trình đào tạo và được hội đồng kiểm tra, thẩm định giáo trình của Trường tổ chức thẩm định, nghiệm thu, Hiệu trưởng ra quyết định ban

hành đưa vào sử dụng (1.2.06 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 4.10.04 - Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.10.05 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp; 4.10.06 - Bản in các giáo trình của các mô đun/môn học của chương trình đào tạo).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**m) Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường đã ban hành quy định biên soạn, thẩm định, lựa chọn và sử dụng giáo trình giảng dạy trình độ trung cấp, cao đẳng. Do vậy, tất cả các giáo trình, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy của Trường đều được nhà trường tổ chức lựa chọn, thẩm định và nghiệm thu trước khi Hiệu trưởng ban hành quyết định đưa vào sử dụng. Khi nghiệm thu, các thành viên hội đồng nghiệm thu giáo trình, tài liệu giảng dạy của Trường đều cho rằng các giáo trình và tài liệu giảng dạy của trường biên soạn đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, phục vụ tốt cho việc giảng dạy các mô đun, môn học trong chương trình đào tạo (1.2.06 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp; 4.1.02 - Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.2.03 - Biên bản họp ban chủ nhiệm biên soạn và thẩm định CTĐT; 4.10.05 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp; 4.10.06 - Bản in các giáo trình của các mô đun/môn học của chương trình đào tạo).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**n) Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tất cả giáo trình và tài liệu giảng dạy của Trường được biên soạn và lựa chọn đúng theo đề cương chi tiết trong chương trình đào tạo. Đối với giáo trình giảng dạy lý thuyết được biên soạn gồm có nội dung giảng dạy và hệ thống các câu hỏi, nội dung và bài tập để giáo viên tổ chức cho HSSV tự nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, tích cực hóa trong hoạt động học của HSSV. Đối với giáo trình cho các mô đun thực hành và tích hợp được biên soạn gồm có nội dung lý thuyết và các quy trình thực hành, kết hợp với hệ thống các bài tập để giúp giáo viên tổ chức cho người học phải tích cực tự nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ, rèn luyện kỹ năng (1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.01 - Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp; 4.2.03 - Biên bản họp ban chủ nhiệm biên soạn và thẩm định CTĐT; 4.10.05 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp; 4.10.06 - Bản in các giáo trình của các mô đun/môn học của chương trình đào tạo)

***Điểm tự đánh giá: 0 điểm***

**o) Tiêu chuẩn 4.14:** Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên, người tốt nghiệp và đại diện doanh nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo. Kết quả lấy ý kiến được tổng hợp báo cáo để sử dụng cho việc chỉnh sửa nội dung giáo trình nhằm đáp ứng các yêu cầu cụ thể hoá về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đạt trong chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Kết thúc đợt lấy ý kiến, Phòng quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học đều tổng hợp và báo cáo kết quả lấy ý kiến nhận xét đánh giá về chất lượng giáo trình, tài liệu đề các khoa, bộ môn làm căn cứ rà soát, điều chỉnh (4.14.01 - Kế hoạch khảo sát & phiếu khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình hàng năm; 4.14.02 - Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình hàng năm).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**p) Tiêu chuẩn 4.15:** Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm Trường đều tổ chức rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Nhà trường đã biên soạn mới 07 giáo trình và thực hiện điều chỉnh 252 tài liệu giảng dạy cho phù hợp với sự thay đổi của chương trình đào tạo. (2.1.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp; 4.1.02 - Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.6.01 - Chương trình chi tiết trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp; 4.15.01 - Danh sách chương trình đào tạo có sự thay đổi; 4.15.02 - Danh sách giáo trình đào tạo trước và sau khi có sự thay đổi chương trình đào tạo).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**

**\* Mở đầu:**

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH như: Thư viện được xây dựng theo quy hoạch tổng thể của Trường, được đầu tư trang bị sách tham khảo, báo, tạp chí chuyên ngành và các tài liệu nghiên cứu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên trong toàn Trường. Thư viện có kết nối Internet và



hình thành Thư viện điện tử để phục vụ nhu cầu tra cứu tài liệu, sách tham khảo cho cán bộ, giáo viên và học sinh sinh viên. Hàng năm, thư viện đều bổ sung thêm giáo trình, sách báo, tài liệu chuyên môn, tạp chí phù hợp với ngành nghề đào tạo phục vụ cho công tác chuyên môn giúp cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV có tài liệu tham khảo thích hợp theo chuyên ngành.

Cơ sở vật chất của Trường đáp ứng được yêu cầu phục vụ giảng dạy. Nhà trường đang đầu tư xây dựng cơ sở mới trên diện tích 13.6 ha, từng bước bảo đảm các chỉ tiêu về cơ sở vật chất cho người học; liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp để HSSV thực tập chuyên môn; KTX và các cơ sở dịch vụ phục vụ có hiệu quả, đảm bảo chất lượng cho sinh hoạt của người học.

**\* Những điểm mạnh:**

Trường có qui hoạch tổng thể phát triển khoa học, đồng bộ. Các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành được đầu tư, xây dựng mới khang trang, trang thiết bị được đầu tư mua sắm mới hàng năm đảm bảo chất lượng, hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

Vị trí trường nằm ở Trung tâm thành phố (gần bên xe buýt, quanh trường hệ thống giao thông thoáng) thuận tiện cho việc đi lại của HSSV, cũng như công tác PCCC của Trường.

Thư viện được nối mạng Internet phục vụ việc truy cập thông tin nhanh và hiệu quả; có chỉ dẫn các địa chỉ Website cần thiết giúp mọi người có thể tra cứu dễ dàng. Thư viện có hệ thống máy tính trang bị phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu sử dụng thuận lợi hiệu quả góp phần đáp ứng nhu cầu tự học của cán bộ, giáo viên và HSSV.

**\* Những tồn tại:**

Nguồn vốn đầu tư để thực hiện quy hoạch không đáp ứng được tiến độ quy hoạch đề ra.

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Đầu tư mua sắm trang thiết bị theo hướng hiện đại phù hợp cho công tác đào tạo các ngành nghề trọng điểm theo chuẩn Quốc tế, khu vực và trong nước.

Huy động tối đa các nguồn lực thực hiện xây dựng cơ sở vật chất và đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo.

**Điểm đánh giá tiêu chí 5**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 5</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1

Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

**a) Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng Trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có 02 địa điểm tại các địa chỉ sau:

Cơ sở 1: Số 261, đường Nguyễn Tất Thành - Phường 8 – Tp. Tuy Hòa - tỉnh Phú Yên.

Cơ sở 2: Số 01, đường Nguyễn Hữu Thọ - Phường 9 – Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (1.1.03 - Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 về việc thành lập Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; 1.1.04 - Quyết định số 122/QĐ-LĐTBXH ngày 06/2/2018 về việc đổi tên Trường thành Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; 5.1.01 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 5.1.02 - Quyết định số 1709/QĐ-BCN ngày 17/05/2007 về việc phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển trường; 5.1.03 - Bảng tổng hợp diện tích khu đất, diện tích xây dựng và diện tích cây xanh).

Địa điểm Cơ sở 1 và cơ sở 2 của Trường vị trí của Trường tiếp giáp các trục đường lớn của thành phố nên thuận tiện cho việc đi lại, học tập, giảng dạy của HSSV, giảng viên, cán bộ viên chức,... Xung quanh cơ sở 1 và cơ sở 2 không có nguồn phát ra tiếng ồn lớn, không có các điểm tụ họp đông người. Các giảng đường, phòng thí nghiệm và thực hành nằm sâu bên trong nên đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập. Vị trí nằm nơi cao ráo, không bị ngập úng. Kết cấu hạ tầng giao thông xung quanh đã được địa phương đầu tư hoàn chỉnh, mật độ giao thông các tuyến đường xung quanh không lớn nên an toàn (5.1.04 - Danh sách các xí nghiệp gần trường; 5.1.05 - Bộ ảnh cảnh quan khuôn viên trường tại CS1 và CS2; 5.1.06 - Danh mục bản vẽ quy hoạch tổng thể phát triển trường; 5.1.07 - Bảng tổng hợp diện tích các hạng mục, công trình xây dựng,

cây xanh; 5.1.08 - Hồ sơ quy hoạch tổng thể CSI và CS2; 5.1.09 - Ảnh chụp 02 cơ sở của nhà trường từ Google Maps).

Trường sử dụng nguồn điện do Điện lực Tuy Hòa cung cấp, nguồn nước máy của thành phố (5.1.10 - Hóa đơn tiền điện, nước) luôn đảm bảo nguồn điện cho hoạt động giảng dạy, học tập và nguồn nước sạch an toàn (5.1.11 - Sơ đồ hệ thống cấp thoát nước tại cơ sở 1 và cơ sở 2; 5.1.12 - Sơ đồ hệ thống điện toàn trường tại cơ sở 1 và cơ sở 2; 5.1.13 - Hồ sơ lắp đặt máy điện dự phòng tại cơ sở 1 và cơ sở 2; 5.1.14 - Các ấn phẩm tuyển sinh; 5.1.15 - Hồ sơ lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất hàng năm).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**b) Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường được xây dựng theo thiết kế quy hoạch tổng thể hợp lý, toàn bộ mặt bằng được quy hoạch thành các khu vực chức năng riêng biệt, khoảng cách các khu chức năng phù hợp với yêu cầu xây dựng. Khu hành chính, hội trường, khu thực hành, khu giảng đường lý thuyết, khu ký túc xá, nhà ăn, khu thể thao. Giữa các khu là hành lang, sân trường, cây xanh, đường giao thông nội bộ thuận tiện được nhựa hóa và bê tông hóa (5.1.02 - Quyết định số 1709/QĐ-BCN ngày 17/05/2007 về việc phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển trường; 5.1.06 - Danh mục bản vẽ quy hoạch tổng thể phát triển trường). Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có hai trụ sở đào tạo:

Cơ sở 1: Tổng diện tích đất: 25.432 m<sup>2</sup>

Đã được đầu tư hoàn chỉnh các công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động của Trường (khu hành chính, khu học tập, xưởng thực hành, khu vệ sinh, khu để xe, ký túc xá, khu thể thao, thư viện, cây xanh, đường nội bộ,...

Cơ sở 2: Tổng diện tích đất: 130.606 m<sup>2</sup>

Khu đất đã được lập và phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển Trường từ năm 2007 đến năm 2020 theo quyết định số 1709/QĐ-BCN ngày 17/5/2007 của Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công Thương, cụ thể:

- Khu làm việc hiệu bộ với 02 công trình chính là nhà làm việc Ban Giám hiệu, các phòng, ban, trung tâm và văn phòng các khoa của Trường.

- Nhà hội trường và thư viện với chức năng như một Trung tâm thông tin dữ liệu với đủ các đầu sách và tạp chí phục vụ cho giáo viên và học sinh, sinh viên tham khảo.

- Xây dựng hệ thống giảng đường, phòng học và phòng thí nghiệm bao gồm các nhà học lý thuyết, thí nghiệm A1, A2, A3; A4, A5, A6 tại cơ sở 2 theo các tiêu chuẩn hiện đại, đảm bảo trong quá trình học học sinh, sinh viên sẽ được tiếp xúc với những tiến bộ của khoa học kỹ thuật tiên tiến. Hệ thống các phòng học lý thuyết nhỏ và các giảng đường lớn phục vụ cho các buổi học tập trung.

- Xây dựng 4 nhà xưởng thực hành, thực nghiệm B1, B2, B3, B4 và sản xuất có đủ các thiết bị cần thiết phục vụ công tác giảng dạy và kinh doanh dịch vụ của trường.

- Xây dựng hệ thống các ký túc xá và nhà khách phục vụ nhu cầu ở của học sinh, sinh viên, phục vụ nhu cầu ở của số lượng giáo viên ở nơi khác đến thỉnh giảng và các chuyên gia đến trường nghiên cứu và giảng dạy,...

- Xây dựng đồng bộ hệ thống các công trình phục vụ rèn luyện sức khỏe, giáo dục thể chất như: Sân vận động, nhà đa năng, sân thể thao và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Mặt bằng tổng thể của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung được UBND tỉnh Phú Yên giao với tổng diện tích đất là 156.038 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất xây dựng các công trình là 33.565 m<sup>2</sup> chiếm tỷ lệ 21.51% với số liệu này bảo đảm về mật độ xây dựng công trình từ 20 - 40%, khu vực trồng cây xanh của nhà trường được quy hoạch theo từng cụm.

Đối với cơ sở 1 của Trường có diện tích cây xanh, lưu không: 8.901 m<sup>2</sup>. Mặt trước giáp với vườn cây xanh giữa đường Nguyễn Tất Thành và đường giao thông nội bộ nên luôn thoáng mát. Cơ sở 2 của Trường có diện tích cây xanh 45.712 m<sup>2</sup>, được trồng nhiều cây xanh và cách khu rừng phòng hộ ven biển dưới 1 km nên không khí luôn trong lành, thoáng mát đảm bảo tốt điều kiện học tập của học sinh, sinh viên (5.1.03 - Bảng tổng hợp diện tích khu đất, diện tích xây dựng và diện tích cây xanh).

Với diện tích đất, vị trí khu đất, kiến trúc xây dựng và mật độ cây xanh có diện tích là 35% tổng diện tích khu đất đã làm cho Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có một khung cảnh đẹp, môi trường sư phạm được đảm bảo (1.1.03 - Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 về việc thành lập Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; 1.1.04 - Quyết định số 122/QĐ-LĐTBXH ngày 06/2/2018 về việc đổi tên Trường thành Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; 5.1.01 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 5.1.04 - Danh sách các xí nghiệp gần trường; 5.1.05 - Bộ ảnh cảnh quan khuôn viên trường tại CS1 và CS2; 5.1.07 - Bảng tổng hợp diện tích các hạng mục, công trình xây dựng, cây xanh; 5.1.08 - Hồ sơ quy hoạch tổng thể CS1 và CS2; 5.1.15 - Hồ sơ lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất hàng năm).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**c) Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường có đầy đủ các khối công trình chức năng theo yêu cầu của một trường cao đẳng chất lượng cao đảm bảo phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động khác của Trường (5.1.02 - Quyết định số 1709/QĐ-BCN ngày 17/05/2007 về việc phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển trường; 5.3.01- Bảng thống kê phòng học, phòng

thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa phục vụ đào tạo). Tất cả các dãy nhà, dãy phòng học đều có khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt và được khai thác đúng công năng, hiệu quả. Các công trình có đầy đủ hồ sơ xây dựng, thiết kế và đáp ứng được nhu cầu hoạt động của Trường theo quy định được liệt kê như sau (1.1.03 - Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 về việc thành lập Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; 1.1.04 - Quyết định số 122/QĐ-LĐTBXH ngày 06/2/2018 về việc đổi tên Trường thành Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; 5.1.15 - Hồ sơ lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất hàng năm):

\* Cơ sở 1:

- Diện tích xây dựng: 7.305 m<sup>2</sup>

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng (m <sup>2</sup> )	Đang xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Khu hiệu bộ	1070	
2	Phòng học lý thuyết	4644	
3	Xưởng/Phòng thực hành	5820	
4	Khu phục vụ	10886	
4.1	Thư viện	1199	
4.2	Ký túc xá	3160	
4.3	Nhà ăn	306	
4.4	Trạm y tế	20	
4.5	Khu thể thao	5000	
5	Khác	2991	467
5.1	Nhà khách	1488	
5.2	Nhà để xe	500	
5.3	Vườn thực nghiệm	433	467
5.3	Vườn khoan địa chất	570	

\* Cơ sở 2:

- Diện tích xây dựng: 26.260 m<sup>2</sup>

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng (m <sup>2</sup> )	Đang xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Khu hiệu bộ		

2	Phòng học lý thuyết	10062	
3	Xưởng/Phòng thực hành	7200	
4	Khu phục vụ	170	
4.1	Thư viện	150	
4.2	Trạm y tế	20	
5	Khác	23250	
5.1	Nhà để xe	500	
5.2	Trạm xử lý nước thải	750	
5.3	Sân đường nội bộ + hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước	22000	

- Các hạng mục thuộc quy hoạch được phê duyệt nhưng chưa đầu tư:

- + Nhà học lý thuyết, thí nghiệm A4, A5, A6: Cao 5 tầng, diện tích sàn 10235 m<sup>2</sup>
- + Xưởng thực hành B3, B4 : Cao 3 tầng, diện tích sàn 7200 m<sup>2</sup>
- + Nhà thi đấu đa năng: cao 1 tầng, diện tích sàn 1500 m<sup>2</sup>
- + Nhà làm việc, hiệu bộ C1: Cao 9 tầng, diện tích sàn 7260 m<sup>2</sup>
- + Nhà hội trường C2: Cao 1 tầng, diện tích sàn 1800 m<sup>2</sup>
- + Nhà thư viện - Trung tâm thông tin C3: Cao 6 tầng, diện tích sàn 6000 m<sup>2</sup>
- + Nhà căn tin - dịch vụ D1: Cao 3 tầng, diện tích sàn 4200 m<sup>2</sup>
- + Ký túc xá: Cao 8 tầng, diện tích sàn 65460 m<sup>2</sup>

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**d) Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại cơ sở của Trường được phê duyệt theo Quyết định số 1395/QĐ-BCT ngày 31/10/2007 của Bộ Công Thương (5.1.02 - Quyết định số 1709/QĐ-BCN ngày 17/05/2007 về việc phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển trường).

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Trường được thiết kế và thi công đồng bộ với khối các công trình giảng dạy và học tập, thực hành bảo đảm đáp ứng yêu cầu làm việc và các hoạt động đào tạo, thực nghiệm, thực hành của nhà trường theo quy chuẩn trường học như: đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy,... Trong đó, hệ thống giao thông nội bộ, hệ thống điện cho nhà làm việc, các nhà xưởng thực hành, điện sinh hoạt và chiếu sáng được ưu tiên đảm bảo về mặt tiêu chuẩn thiết bị và chủng loại, đảm bảo cho quá trình

học tập, thực hành, vận hành máy móc an toàn cho người sử dụng cũng như tài sản trong Trường.

Hệ thống điện của nhà trường được cung cấp từ mạng lưới điện quốc gia, Trường có Trạm BA 400kVA-22/0,4kV, đường dây hạ thế 0,4kV. Trường sử dụng nguồn nước sinh hoạt của Công ty cấp thoát nước Phú Yên, hệ thống PCCC theo đúng quy chuẩn và đã xây dựng các phương án phòng cháy chữa cháy (5.1.10 - *Hóa đơn tiền điện, nước*; 5.1.11 - *Sơ đồ hệ thống cấp thoát nước tại cơ sở 1 và cơ sở 2*; 5.1.12 - *Sơ đồ hệ thống điện toàn trường tại cơ sở 1 và cơ sở 2*; 5.1.13 - *Hồ sơ lắp đặt máy điện dự phòng tại cơ sở 1 và cơ sở 2*; 5.1.15 - *Hồ sơ lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất hàng năm*; 5.3.01- *Bảng thống kê phòng học, phòng thí nghiệm và các khu vực khác để phục vụ đào tạo*; 5.4.01- *Các biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng tại cơ sở 1 và cơ sở 2*;

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Trường được phân công quản lý và bảo dưỡng đúng quy trình (5.4.02 - *Hồ sơ hoàn công cơ sở 1 và cơ sở 2*; 5.4.03 - *Hợp đồng cung cấp, lắp đặt hệ thống lọc nước RO với công ty TNHH sản xuất thương mại Thiên Đạt*; 5.4.04 - *Hợp đồng thu gom rác thải với công ty cổ phần Môi trường đô thị Phú Yên*; 5.4.05 - *Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên cơ sở 1 và cơ sở 2*).

Về công tác phòng cháy chữa cháy, Trường có 03 đội PCCC thực hiện nhiệm vụ PCCC tại cơ sở 1, cơ sở 2 và Nhà khách TIC. Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH công an tỉnh Phú Yên đã huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cấp chứng chỉ về an toàn PCCC cho các thành viên của đội PCCC của Trường (5.4.06 - *Quyết định kiện toàn đội PCCC*; 5.4.07 - *Giấy chứng nhận nghiệp vụ PCCC*). Đồng thời công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất trang thiết bị PCCC cũng được thực hiện, các công trình xây dựng mới đều được nghiệm thu an toàn về PCCC trước khi đưa vào sử dụng. Qua các đợt kiểm tra trường được cơ quan có thẩm quyền đánh giá đảm bảo yêu cầu về PCCC (5.4.08- *Biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy*).

Bộ phận chức năng thường xuyên phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra cơ sở vật chất của nhà trường để kịp thời phát hiện ra hư hỏng, sửa chữa nhằm đảm bảo hệ thống hạ tầng kỹ thuật vận hành tốt phục vụ công tác đào tạo của nhà trường (5.4.09 - *Quyết định về việc phê duyệt các quy trình bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật*; 5.4.10 - *Hồ sơ thống kê bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất hàng năm*; 5.4.11 - *Hồ sơ tổng hợp chi phí sửa chữa lớn các công trình xây dựng hàng năm*; 5.4.12 - *Báo cáo công tác bảo trì bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật hàng*).

Hàng năm Trường ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Phú Yên để thu gom rác thải (5.4.04 - *Hợp đồng thu gom rác thải với công ty cổ phần Môi trường đô thị Phú Yên*) nhằm đảm bảo môi trường sạch đẹp trong nhà trường.

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**d) Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được đầu tư xây dựng, sửa chữa để đáp ứng các tiêu chuẩn nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH, cũng như các công tác khác của nhà trường. Hiện nay, tại cơ sở 1 các công trình đã được xây dựng hoàn chỉnh với diện tích 3.375m<sup>2</sup>, diện tích sàn 10.236 m<sup>2</sup> gồm nhà học lý thuyết A1, A2, A3, nhà xưởng C1, C2, C3, nhà xưởng động lực, nhà xưởng máy công cụ, phòng học chuyên ngành khoan. Cơ sở 2 các công trình đã được xây dựng với diện tích 4.740 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 17.435 m<sup>2</sup> gồm học lý thuyết và thí nghiệm A1, A2, A3; xưởng thực hành B1, xưởng thực hành B2. Chi tiết theo bảng thống kê số lượng, diện tích, vị trí của phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa phục vụ đào tạo (5.3.01- *Bảng thống kê phòng học, phòng thí nghiệm và các khu vực khác để phục vụ đào tạo*).

Tất cả các công trình xây dựng của nhà trường được thiết kế và thi công đồng bộ căn cứ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9210:2012 và TCVN 4602:2012 về quy chuẩn xây dựng các công trình trường dạy nghề và trường trung cấp chuyên nghiệp, các công trình có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió. Hệ thống các phòng học lý thuyết và các xưởng thực hành được bố trí riêng biệt, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa khu vực lý thuyết và thực hành, thuận tiện cho việc vận chuyển, lắp đặt và vận hành các trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo cũng như các công tác khác của nhà trường (5.5.01 - *Danh mục thiết bị tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đối với phòng học thực hành, thí nghiệm*).

Nhà trường luôn quan tâm đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo cho các nghề theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu thí nghiệm thực hành (5.5.02 - *Hồ sơ kiểm kê tài sản của các đơn vị hàng năm*).

Để quản lý tài sản, Trường thực hiện kiểm kê tài sản hàng năm và báo cáo theo quy định hiện hành (5.5.03 - *Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng, điều kiện phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa hàng năm*).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**e) Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để đảm bảo yêu cầu trong công tác quản lý, khai thác sử dụng, bảo trì bảo dưỡng các trang thiết bị có hiệu quả, đúng quy trình, quy định nhà trường đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. Trong các phòng máy tính, phòng thí nghiệm, thực hành đều có bảng nội quy cụ thể phù hợp với yêu cầu của từng phòng. Để công tác vận hành thiết bị đúng quy trình, tránh gây hỏng hóc và đảm bảo an toàn, tại các phòng thí nghiệm thực hành đều có quy trình vận hành cho từng loại thiết bị chuyên dùng cụ thể (1.7.07 - *Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015>; 5.5.01 - Danh mục thiết bị tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đối với phòng học thực hành,*



thí nghiệm; 5.6.01 - Quyết định về việc ban hành quy định quản lý và sử dụng tài sản tại trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 5.6.02 - Bộ quy trình quản lý tài sản phòng học).

Các trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo và các công tác khác của nhà trường đều có đầy đủ các thông tin về xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất, hồ sơ quy định về sử dụng, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị của nhà sản xuất được kiểm kê theo định kỳ và lưu trữ hàng năm tại các khoa. Hàng năm, bộ phận chuyên trách phối hợp các khoa xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị. Bộ phận quản trị phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra tình trạng của trang thiết bị, triển khai công tác sửa chữa bảo dưỡng các trang thiết bị để đảm bảo an toàn vận hành, phục vụ kịp thời trong công tác đào tạo và các công tác khác của nhà trường. Công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị được thực hiện theo quy trình bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị trường học. Hồ sơ bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị được các đơn vị lưu trữ tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành (5.6.03 - Thông báo xây dựng kế hoạch tổ chức bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên trang thiết bị; 5.6.04 - Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành hàng năm; 5.6.05 - Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành hàng năm).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**g) Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhằm đảm bảo tài sản, thiết bị, công cụ dụng cụ và vật tư thực hành được sử dụng, quản lý đúng quy trình, quy định. Theo đó hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thực nghiệm, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng đúng công năng và phát huy công suất thiết kế, có nội quy, quy định về việc bảo vệ các tài sản trong các phòng học, các quy trình vận hành máy móc thiết bị, nhật ký vận hành thiết bị tại các xưởng thực hành của nhà trường.

Các xưởng thực hành, thực nghiệm và phòng học chuyên môn hóa đều có nhật ký quản lý theo dõi quá trình quản lý và sử dụng của xưởng thực hành, thực nghiệm và phòng học chuyên môn hóa, từng xưởng thực hành, thực nghiệm và phòng học chuyên môn hóa đều có bố trí giáo viên quản lý xưởng đảm bảo các xưởng thực hành được tổ chức giảng dạy, quản lý đúng quy định (5.5.03 - Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng, điều kiện phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa hàng năm; 5.6.01 - Quyết định số 47/QĐ-CDCT ngày 29/01/2019 về việc ban hành quy định quản lý và sử dụng tài sản tại trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 5.7.01 - Quyết định ban hành quy định trách nhiệm quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành; 5.7.02 - Danh sách nhà giáo quản lý phòng thí nghiệm, xưởng thực hành hàng năm).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**h) Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc**

**ngành do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hiện tại, các trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo chính của Trường đều đáp ứng được danh mục cũng như tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu phù hợp với chương trình đào tạo, đạt trình độ tương đương với công nghệ sản xuất của ngành, đảm bảo về chất lượng và chủng loại, đảm bảo mỹ thuật, đảm bảo yêu cầu về sức khỏe, an toàn vệ sinh trong quá trình sử dụng (5.5.01 - *Danh mục thiết bị tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đối với phòng học thực hành, thí nghiệm*).

Các thiết bị đầu tư đều được các khoa chuyên môn nghiên cứu, chọn lọc và đề xuất về chủng loại, số lượng bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, đáp ứng về mặt công nghệ, phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và dịch vụ trên thị trường. Với quy mô đào tạo hiện tại là 29 ngành/ nghề cao đẳng và 27 ngành/ nghề trung cấp (2.1.01 - *Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp*), căn cứ vào danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ Lao động-Thương binh Xã hội ban hành theo Thông tư số 20/2015/ TT-BLĐTBXH, Thông tư số 10/2016/ TT-BLĐTBXH, Thông tư số 27/2019/TT-BLĐTBXH. Nhà trường đã trang bị hệ thống thiết bị tương đối đầy đủ về số lượng và bảo đảm các tỷ lệ theo quy định hiện hành các ngành, nghề đang đào tạo tại trường. Ngoài ra do đặc thù của Trường đào tạo khối ngành liên quan đến lĩnh vực công nghệ và kỹ thuật, một số chủng loại và thiết bị còn thiếu, nhất là các trang thiết bị kỹ thuật cao, vốn đầu tư lớn.

Nhà trường thường xuyên thực hiện đưa HSSV đến các doanh nghiệp có phối hợp liên kết với trường trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học để thực hành, thực tập các môn học, mô đun có trang thiết bị mà trường hiện đang thiếu nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, qua đó giúp người học tiếp cận với những công nghệ hiện đại, tiên tiến trong sản xuất thực tiễn và đảm bảo tỷ lệ người học/thiết bị của các ngành, nghề đáp ứng đủ quy mô đào tạo (5.8.01 - *Bảng đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành*). Hàng năm, Phòng QLĐT phối hợp các khoa thống kê số lượng người học tại mỗi lớp của chương trình đào tạo để có kế hoạch bố trí xưởng, phòng học theo thời khóa biểu của trường (2.5.04 - *Thời khóa biểu hàng năm*; 5.8.02 - *Danh sách số lượng người học tại mỗi lớp hàng năm của chương trình đào tạo*).

***Điểm tự đánh giá: 0 điểm***

**i) Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ vào tình hình giảng dạy và học tập của từng môn học, mô đun các trang thiết bị, dụng cụ trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành được được các khoa, bộ môn lên sơ

đồ và tổ chức bố trí hợp lý tại các xưởng thực hành theo từng chủng loại, hợp lý giữa việc để máy móc thiết bị trong không gian xưởng, vị trí kết nối máy móc thiết bị với các nguồn điện, nguồn nước, các tủ dụng cụ đảm bảo việc thực hành thao tác của HSSV và việc giảng dạy của giáo viên, thuận tiện trong việc vận hành thiết bị đảm bảo an toàn tuyệt đối, dễ dàng cho việc đi lại, bảo hành và bảo dưỡng phù hợp với hình thức tổ chức dạy và học cho cả lớp, cả nhóm hoặc cho từng cá nhân (5.9.01 - Sơ đồ bố trí các thiết bị phục vụ đào tạo).

Phòng thí nghiệm Hóa có bố trí máy hút để sử dụng trong trường hợp pha chế các hóa chất độc hại, tại các phòng thí nghiệm đều bố trí khu vực rửa dụng cụ và vệ sinh đảm bảo an toàn vệ sinh, các khu vực có sử dụng nước đều có khu vực thu hút nước thải trước khi thải vào hệ thống chung của Trường.

Để việc khai thác, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành mang lại hiệu quả. Nhà trường ban hành bộ tiêu chí quy định việc sắp xếp phòng thực hành, thí nghiệm và đánh giá hoạt động quản lý theo tiêu chuẩn 5S. Việc quản lý, sử dụng, khai thác các thiết bị dụng cụ có hồ sơ rõ ràng để nhà trường kiểm tra hàng năm và được bảo quản tại các khoa chuyên môn (5.1.15 - Hồ sơ lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất hàng năm; 5.6.01 - Quyết định về việc ban hành quy định quản lý và sử dụng tài sản tại trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 5.6.03 - Thông báo xây dựng kế hoạch tổ chức bảo trì bảo dưỡng thường xuyên trang thiết bị hàng năm; 5.6.04 - Hồ sơ bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị hàng năm; 5.9.02 - Bộ tiêu chí đánh giá thực hiện 5S; 5.9.03 - Sổ đăng ký, theo dõi, khai thác và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành; 5.9.04 - Hình ảnh các phòng thí nghiệm tại CS1 và CS2; 5.9.05 - Bảng hướng dẫn sử dụng, quy tắc an toàn khi sử dụng trang thiết bị; 5.9.06 - Bảng nội quy phòng học, phòng thực hành; 5.9.07 - Danh mục thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; 5.9.08 - Quy trình vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động).

#### **Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**k) Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để đảm bảo công tác quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo được thực hiện đúng quy trình, quy định; nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý và sử dụng tài sản gồm 3 chương, 11 Điều, trong đó tại Điều 4, 5, 6, 7 quy định rõ hàng năm các đơn vị tổ chức đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Ngoài ra, nhà trường còn xây dựng và ban hành Quy trình bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị trường học. Trường đã quản lý chặt chẽ các khâu đầu từ mua sắm đến bàn giao đưa vào sử dụng, các thiết bị đều có hồ sơ xuất xứ, năm, nước sản xuất rõ ràng, được quản lý theo phân công cho từng cá nhân, bộ phận quản lý theo quy định. Hàng năm Trường tổ chức kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng còn lại của tài sản (1.1.07 - Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015>; 5.4.09 - Quyết định về việc phê duyệt các quy

*trình bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật; 5.4.10 - Hồ sơ thống kê bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất; 5.4.11 - Hồ sơ tổng hợp chi phí sửa chữa lớn các công trình xây dựng; 5.4.12 - Báo cáo công tác bảo trì bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật hàng năm; 5.6.01 - Quyết định về việc ban hành quy định quản lý và sử dụng tài sản tại trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 5.7.01 - Quyết định ban hành quy định trách nhiệm quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành).*

Đề theo dõi công tác bảo dưỡng, bảo trì nhà trường thành lập Tổ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị. Ngoài công tác phối hợp với các khoa bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra đánh giá định kỳ và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo. Tổ còn nhiệm vụ xử lý kịp thời các trường hợp hư hỏng đột xuất phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Trường (5.10.01 - Biên bản bàn giao cấp phát vật tư hàng năm; 5.10.02 - Sổ sách theo dõi cấp phát vật tư hàng năm; 5.10.03 - Sổ theo dõi công tác quản lý bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành; 5.10.04 - Quyết định thành lập tổ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**l) Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Tất cả các máy móc, trang thiết bị đào tạo của Trường đều có hồ sơ xuất xứ, năm sản xuất đảm bảo tính đồng bộ của trang thiết bị trong Trường và được các khoa, phòng sử dụng đúng công năng của các thiết bị. Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ và được thực hiện một cách chặt chẽ theo Quy định Quản lý, sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng tài sản do Trường ban hành theo hệ thống quản lý chất lượng (5.4.09 - Quyết định về việc phê duyệt các quy trình bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật; 5.4.10 - Hồ sơ thống kê bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất; 5.5.02 - Hồ sơ kiểm kê tài sản của các đơn vị hàng năm; 5.6.01 - Quyết định về việc ban hành quy định quản lý và sử dụng tài sản tại trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 5.6.02 - Bộ quy trình quản lý tài sản phòng học; 5.6.04 - Hồ sơ bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị hàng năm; 5.6.05 - Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành hàng năm; 5.8.01 - Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành; 5.9.05 - Bảng hướng dẫn sử dụng, quy tắc an toàn khi sử dụng trang thiết bị; 5.9.07 - Danh mục thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; 5.10.04 - Quyết định thành lập tổ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì).

Hàng năm, Trường đều lập kế hoạch và thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo kế hoạch. Cuối năm có báo cáo kết quả công tác quản lý và kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị và có các đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị theo quy định (5.11.01 - Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm; 5.11.02 - Sổ theo dõi công tác quản lý bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**m) Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để đảm bảo vật tư thực hành được quản lý, sử dụng đúng quy định và phù hợp với từng mô đun, bài học, Trường đã xây dựng định mức tiêu hao vật tư thực hành cho các ngành, nghề có sử dụng vật tư thực hành và xây dựng định mức vật tư thực hành cho từng ngành cụ thể: Đối với các khoa (Điện - Tự Động Hóa, Cơ Khí, Hóa - Tài nguyên & Môi trường, Tin học & Kinh tế và Khoa Quản trị kinh doanh - Du lịch và Thời trang) nhà trường đã ban hành các quyết định phê duyệt định mức vật tư thực hành nghề nghiệp đối với trình độ cao đẳng và trung cấp ứng với mỗi khoa (1.3.03 - Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm; 1.7.07 - Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015>; 5.1.15 - Hồ sơ lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất hàng năm; 5.5.02 - Hồ sơ kiểm kê tài sản của các đơn vị hàng năm; 5.10.01 - Biên bản bàn giao cấp phát vật tư hàng năm; 5.10.02 - Sổ sách theo dõi cấp phát vật tư hàng năm).

Ngoài ra, từ đầu năm học các khoa đề xuất danh mục vật tư thực hành cho từng ngành, nghề phù hợp với thực tế giảng dạy, nhà trường xem xét mua để thực hiện cho cả năm học. Việc thực hiện thủ tục mua sắm, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo có hệ thống sổ sách theo dõi, từ khâu nhập vật tư đến khâu cấp phát có biên bản giao nhận, nhà trường thực hiện theo quy trình mua sắm thiết bị trường học, theo đó Trường tổ chức quản lý và sử dụng vật tư thực hành đúng quy trình, quy định, đúng định mức đảm bảo kịp thời, đáp ứng yêu cầu kế hoạch đào tạo cho từng bài, từng mô đun, môn học. Để công tác bảo quản vật tư được tốt, nhà trường bố trí cho các đơn vị kho vật tư tại các vị trí cao ráo, thoáng mát, thuận tiện cho các đơn vị sử dụng (5.12.01 - Quy định định mức vật tư thực hành cho các chương trình đào tạo; 5.12.02 - Đề xuất vật tư thực hành cho HSSV; 5.12.03 - Hồ sơ quản lý vật tư thực hành của các khoa).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**n) Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thư viện trường do Phòng quản lý đào tạo quản lý trực tiếp, có đủ nhân viên thư viện chuyên trách. Các phòng đọc thư viện có kết nối Internet phục vụ nhu cầu tra cứu tài liệu, sách tham khảo cho cán bộ, giáo viên và học sinh. Thư viện tọa lạc trong khuôn viên của Trường tại tòa nhà 3 tầng, có diện tích phục vụ 1.500 m<sup>2</sup>. Thư viện ở 02 cơ sở với các phòng chức năng như sau: 02 phòng Đọc (150 chỗ ngồi), 02 phòng mượn, 01 phòng đa phương tiện (30 máy tính), phòng nghiệp vụ, phòng sinh hoạt chuyên đề, các phòng tự học (100 chỗ ngồi), kho Lưu trữ. Để phục vụ bạn đọc, thư viện đủ đáp ứng cho HSSV khai thác và học tập. Ngoài ra nhà giáo còn biên soạn tài liệu giảng dạy để phục vụ cho

chương trình đào tạo (1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.01 - Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp; 2.1.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp; 2.1.06 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp; 2.1.07 - Công khai chuẩn đầu ra; 4.1.02 - Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.10.04 - Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.10.05 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp; 4.10.06 - Bản in các giáo trình của các mô đun/môn học của chương trình đào tạo; 5.1.03 - Bảng tổng hợp diện tích khu đất, diện tích xây dựng và diện tích cây xanh; 5.1.07 - Bảng tổng hợp diện tích các hạng mục, công trình xây dựng, cây xanh; 5.1.08 - Hồ sơ quy hoạch tổng thể CS1 và CS2; 5.3.01 - Bảng thống kê phòng học, phòng thí nghiệm, ... phục vụ đào tạo; 5.5.03 - Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng, điều kiện phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa hàng năm).

Đảm bảo tối thiểu mỗi loại tài liệu giảng dạy có 05 bản in, Hàng năm nhà trường tiến hành chỉnh sửa, biên soạn lại tài liệu giảng dạy cho phù hợp nhu cầu lao động của doanh nghiệp (5.13.01 - Văn bản qui định về việc sử dụng và thời gian mở cửa của thư viện; 5.13.02 - Danh sách giáo trình đã được phê duyệt và số lượng giáo trình tại thư viện; 5.13.03 - Danh mục các tài liệu tham khảo tại thư viện).

#### **Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**o) Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để phục vụ tốt, kịp thời và hiệu quả cho giáo viên, HSSV nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình quản lý thư viện, trang thư viện điện tử là giao diện phần mềm Thư viện <http://thuvien.mitc.edu.vn/> tạo điều kiện thuận lợi để bạn đọc mượn sách (4.10.04 - Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.10.05 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp; 5.13.02 - Danh sách giáo trình đã được phê duyệt và số lượng giáo trình tại thư viện; 5.13.03 - Danh mục các tài liệu tham khảo tại thư viện; 5.14.01 - Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động Thư viện; 5.14.02- <http://thuvien.mitc.edu.vn/>-Văn bản thể hiện hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện).

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của thư viện cũng như thu hút bạn đọc đến với thư viện, hàng năm thư viện tổ chức các hội thảo, ngày hội đọc sách, thi giới thiệu sách. Từ các hoạt động này giúp bạn đọc tích cực và hứng thú hơn trong công tác tìm kiếm tài liệu tại thư viện (5.14.03 - Sổ theo dõi cho mượn giáo trình, sách tham khảo; 5.14.04 - Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và sử dụng thư viện điện tử; 5.14.05 - Các hoạt động thư viện đã triển khai hàng năm; 5.14.06 - Báo cáo tổng kết công tác thư viện hàng năm; 5.14.07 - Đề xuất mua sách, tài liệu tham khảo; 5.14.08 - Quyết định về việc thành lập Tổ cộng tác viên thư viện hàng năm; 5.14.09 - Nội quy thư viện; 5.14.10 - Báo cáo hoạt động của mạng lưới cộng tác viên).

#### **Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**p) Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Giao diện thư viện điện tử tại địa chỉ <http://lib.mitc.edu.vn> giúp cho bạn đọc tra cứu tìm kiếm tài liệu dễ dàng. Thư viện tin học hóa các hoạt động nghiệp vụ thư viện. Tính đến 10/12/2022 Thư viện có 13.811 tên sách với 50.296 bản sách đã được biên mục vào phần mềm Helix và phục vụ bạn đọc tra cứu tìm tài liệu bằng mục lục trực tuyến.

Thư viện sử dụng khung phân loại thập phân Dewey (DDC) để phân loại và sắp xếp tài liệu theo từng chuyên ngành khoa học. Thư viện tổ chức kho sách phục vụ bạn đọc theo hình thức kho mở. Bạn đọc vào kho trực tiếp chọn tài liệu trên giá rất dễ dàng và thuận tiện (5.14.02- <http://thuvien.mitc.edu.vn/>-*Văn bản thể hiện hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện*). Thư viện đã sử dụng phần mềm nguồn mở DSPACE để xây dựng thư viện điện tử. Hiện nay đã xây dựng 09 bộ sưu tập với hơn 20.000 tài liệu điện tử (5.15.01 - <http://lib.mitc.edu.vn>; 5.15.02 - *Danh mục giáo trình của Trường được số hóa*; 5.15.03 - *Danh mục tài liệu tham khảo được số hóa*). Toàn bộ thiết bị, máy tính và bàn ghế của thư viện được trang bị đồng bộ, chất lượng và có tính thẩm mỹ cao. Thư viện được trang bị phòng máy phục vụ bạn đọc (5.15.04 - *Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện, Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu*; 5.15.05 - *Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và sử dụng thư viện điện tử*; 5.15.06 - *Hợp đồng cung cấp dịch vụ internet và cung cấp phần mềm*).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế**

**\* Mở đầu:**

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung coi công tác Nghiên cứu khoa học, chuyển giao Công nghệ và hợp tác quốc tế là cốt lõi để nâng cao chất lượng đào tạo. Các đề tài Nghiên cứu Khoa học của giáo viên, CBVCNV và học sinh, sinh viên được định hướng giải quyết những vấn đề thực tế chung. Nhà trường luôn xác định sức mạnh tập thể trong những năm gần đây chính là đội ngũ cán bộ giảng dạy có thâm niên, trình độ cao với nhiều tiến sỹ, thạc sỹ thì việc nghiên cứu khoa học chính là khẳng định uy tín, thương hiệu của nhà trường.

Đẩy mạnh và mở rộng quan hệ với các tổ chức Giáo dục quốc tế với các hình thức đa dạng và phong phú như: trao đổi học thuật, liên kết đào tạo cho học sinh, sinh viên và giảng viên với các chương trình thực tập, trao đổi ngắn hạn, chương trình đào tạo nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, nhà trường đang tiến đến xây dựng Trường chất lượng cao, thì công tác HTQT đóng góp một phần không nhỏ cho sự phát triển hội nhập của Trường.

**\* Những điểm mạnh:**

Với đông đảo đội ngũ giáo viên, CBVCNV có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định, đam mê và có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ; cơ bản trường có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị nên có nhiều thuận lợi trong công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế.

**\* Những tồn tại: Không**

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Trong những năm tới Trường tiếp tục mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho CBVC của Trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Trường sẽ kết hợp chặt chẽ với Vụ khoa học và công nghệ - Bộ Công Thương, Sở KH&CN, Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh, các đối tác của Trường để CBVC và HSSV có nhiều cơ hội tham gia các đề tài khoa học cấp độ cao hơn.

#### **Điểm đánh giá tiêu chí 6**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 6</b>	<b>5</b>
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1

**a) Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhằm khuyến khích đội ngũ CBQL, nhà giáo, nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Trường đã ban hành các Quy chế và Quy định liên quan đến hoạt động KH&CN, trong đó quy định rõ các chính sách khuyến khích cụ thể: cấp kinh phí thực hiện đề tài NCKH, khen thưởng, xét danh hiệu thi đua các cấp khi có công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ,...Theo đó hàng năm trường đều thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ khuyến khích CBQL, nhà giáo, nhân viên khi đáp ứng các yêu cầu quy định (1.1.03 - Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm; 6.1.01 - Các quy định, quy chế hoạt động NCKH; 6.1.02 - Các quyết định khen thưởng CBVC có thành tích xuất sắc, cũng như hỗ trợ tiến sĩ có thành tích trong hoạt động KH&CN; 6.1.03 - Quy định về công tác nghiên cứu khoa học và tính giờ quy đổi hoạt động khoa học công nghệ, học tập bồi dưỡng thành giờ nghiên cứu khoa học; 6.1.04 - Các Quyết định phê duyệt đề tài và Hợp đồng ký kết với các tác giả; 6.1.05 - Luận văn thạc sĩ, tiến sĩ từ; 6.1.06 - Hồ sơ lấy ý kiến của cán bộ quản lý, giảng viên hằng năm).



***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**b) Tiêu chuẩn 6.2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng)**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm nhà trường triển khai hoạt động KH&CN các cấp cho CBVC và học sinh, sinh viên và đạt được nhiều kết quả. Kể từ năm học 2017-2018, Nhà trường đã triển khai đồng bộ nhiều chính sách, giải pháp hỗ trợ CBVC và HSSV tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, các đề tài/sáng kiến, giải pháp phục vụ công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo và triển khai ứng dụng, chuyển giao công nghệ hướng đến thị trường. (6.2.01 - Kế hoạch triển khai hoạt động KH&CN hàng năm; 6.2.02 - Phiếu đăng ký Đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, cải tiến kỹ thuật hàng năm; 6.2.03 - Danh sách đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học từ cấp trường trở lên hàng năm; 6.2.04 - Hồ sơ thuyết minh đề tài/sáng kiến hàng năm; 6.2.05 - Kết quả đánh giá đề tài các cấp hàng năm; 6.2.06 - Quyết định khen thưởng cho các đề tài hàng năm; 6.2.07 - Quyết định công nhận đề tài/sáng kiến hàng năm; 6.2.08 - Quyết định nghiệm thu và đưa đề tài nghiên cứu khoa học vào áp dụng tại các phòng, khoa, trung tâm; 6.2.09 - Thông báo triển khai thực hiện nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, cải tiến kỹ thuật, thông báo viết bài tham luận; 6.2.10 - Tổng hợp các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm áp dụng vào thực tiễn của các phòng, khoa, trung tâm).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**c) Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến kỹ thuật của nhà trường đạt nhiều hiệu quả khi hàng năm các đề tài, sáng kiến của cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh, sinh viên của nhà trường được rất nhiều các tổ chức khoa học kỹ thuật, các phóng viên nhà báo quan tâm viết bài và đăng tải trên nhiều trang báo in và báo điện tử thể hiện việc đánh giá, ghi nhận khách quan của các tổ chức chuyên môn, tổ chức xã hội về những thành tựu trong hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường.

Hiện nay, hàng quý nhà trường đã tiến hành xuất bản tập san khoa học và công nghệ để đăng tải các thông tin KH&CN của CBVC và học sinh, sinh viên cũng như các đơn vị ngoài trường. Ngày 9/4/2020 Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia cấp mã số chuẩn quốc tế ISSN 2615-9805 cho thông tin KH&CN của Trường, đồng thời số lượng bài báo đã tăng cả về chất và lượng; số lượng CBVC tham gia thực hiện các bài báo khoa học ngày càng được phát triển, trở thành lực lượng nghiên cứu nòng cốt của nhà trường (6.2.03 - Danh sách đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học từ cấp trường trở lên hàng năm; 6.2.10 - Tổng hợp các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm áp dụng vào thực tiễn của các phòng, khoa, trung tâm; 6.3.01 - Danh sách các bài báo,

*án phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động hàng năm; 6.3.02 - Hồ sơ nghiệm thu khối lượng nghiên cứu khoa học hàng năm).*

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**d) Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Xuất phát từ nhu cầu phục vụ giảng dạy và học tập của nhà trường cũng như nhu cầu thực tiễn, các đề tài, sáng kiến của trường đều có tính ứng dụng cao trong giảng dạy học tập cũng như thực tiễn lao động sản xuất.

Cụ thể như: Thiết kế, lắp đặt hệ thống IoT và xây dựng vườn thủy được canh tác theo công nghệ IoT phục vụ đào tạo; xây dựng vườn đầu nguồn và vườn ươm trung gian cho cây mô con; xây dựng qui trình chiết dầu gừng từ củ gừng ở tỉnh Phú Yên; nghiên cứu sản xuất rượu vang từ chuỗi sủ; nghiên cứu sản xuất gel rửa tay khô; chế tạo thiết bị sản xuất dung dịch Anolyte; hệ thống khử khuẩn và đo thân nhiệt tự động; máy đo thân nhiệt và rửa tay sát khuẩn tự động; nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị sản xuất đá lỏng từ nước biển phục vụ công tác đào tạo; thiết kế, chế tạo ổ dao tùy chỉnh tháo lắp nhanh sử dụng trên máy tiện T18A; nghiên cứu, thiết kế và chế tạo mô hình điều khiển phân tầng cho nguồn pin mặt trời phục vụ công tác đào tạo,... (6.2.03 - *Danh sách đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học từ cấp trường trở lên hàng năm*).

Như vậy mỗi năm, Tất cả các kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của nhà trường đều được ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo hoặc được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và được chuyển giao cho các đơn vị sử dụng (6.2.10 - *Tổng hợp các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm áp dụng vào thực tiễn của các phòng, khoa, trung tâm; 6.4.01 – Quyết định bàn giao sản phẩm đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học hàng năm*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**e) Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong những năm qua nhà trường rất chú trọng đến việc thu hút người lao động nước ngoài là chuyên gia, tình nguyện viên đến làm việc hỗ trợ nhà trường trong các hoạt động chuyên môn như xây dựng chương trình đào tạo các ngành nghề trọng điểm quốc tế, hỗ trợ xây dựng thương hiệu nhà trường thông qua các chiến lược marketing truyền thông, cụ thể:

Nhà trường đã ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với Trường Đại học Bách khoa Côn Minh Trung Quốc (KUST) về hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, trao đổi giáo viên và giao lưu văn hóa; nghiệp đoàn Nhật Bản về các chương trình thực tập sinh Nhật Bản; thỏa thuận hợp tác với nhiều công ty, tổ chức trong và ngoài nước, ngoài ra

còn một số tổ chức khác đến thăm và làm việc với trường (6.5.01 - *Biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác*; 6.5.02 - *Báo cáo kết quả hợp tác quốc tế hàng năm*).

Tất cả các hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường đều được thực hiện theo đúng quy định và báo cáo định kỳ cho các cơ quan có thẩm quyền (6.5.03 - *Báo cáo hoạt động hợp tác quốc tế cho các cơ quan thẩm quyền*).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

### **3.2.7. Tiêu chí 7: Tài chính và quản lý tài chính**

**\* Mở đầu:**

Tài chính là nguồn lực quan trọng nhằm đảm bảo cho các hoạt động của Trường được ổn định và phát triển. Trong những năm qua, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán đúng quy định, được công khai trong toàn trường để CBVC kiểm tra, giám sát. Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Công Thương, công tác tài chính đã đảm bảo kinh phí cho các hoạt động của nhà trường diễn ra một cách bình thường trong điều kiện nhà trường có nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, việc quản lý tài chính cũng được thực hiện một cách chặt chẽ, khoa học, theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo không xảy ra những vi phạm về quản lý và sử dụng tài chính.

**\* Những điểm mạnh:**

Hoạt động quản lý tài chính của Trường tuân thủ đúng quy định về chế độ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu và được công bố công khai. Nhà trường có nguồn thu tương đối ổn định. Ngoài thu học phí được để lại, ngân sách Nhà nước còn hỗ trợ kinh phí theo chỉ tiêu tuyển sinh, nhà trường còn có nguồn thu từ các lớp liên kết đào tạo trình độ Thạc sĩ, Đại học, Đại học liên thông..., các lớp chứng chỉ ngắn hạn và các hoạt động dịch vụ như giữ xe, ký túc xá, căn tin,... đáp ứng cơ bản nhu cầu các hoạt động của Trường.

Nhà trường thực hiện tự kiểm tra tài chính định kỳ và thường xuyên, được cơ quan quản lý cấp trên và kiểm toán kiểm tra, đánh giá là bảo đảm thực hiện tốt các quy định về chế độ tài chính.

Thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định, hồ sơ chứng từ kế toán được lưu trữ đúng, đủ theo quy định.

**\* Những tồn tại: Không**

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên để bổ sung vào Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường. Tiếp tục thực hiện công tác tự kiểm tra và công khai tài chính lên trang hồ sơ công việc của Trường để CBVC nắm và thực hiện. Tiếp tục tăng cường công tác tuyển sinh và các hoạt động khác để cải thiện nguồn thu, các nguồn kinh phí được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao đời sống cho CBVC.

Tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo một cách hợp lý, tăng cường hoạt động của các Trung tâm và mở rộng dịch vụ phục vụ HSSV để tăng cường nguồn thu một cách hợp pháp đáp ứng nhu cầu phát triển nhà trường và nâng cao đời sống cho CBVC.

## Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chí 7</b>	<b>6</b>
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

### **a) Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường thực hiện đúng việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ của trường cao đẳng.

Trường quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai theo đúng các luật định ban hành của nhà nước như:

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;...
- Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ Kế toán hành chính sự nghiệp;
- Thông tư 185/2010/QĐ-BTC ngày 15/11/2010 về việc Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp,...

Căn cứ trên một số văn bản luật về tài chính hiện hành do Nhà nước quy định và tình hình thực tế của Trường, hàng năm để đảm bảo công tác quản lý, thu chi đúng quy định của Nhà nước, Trường đã ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Trường. (1.3.03 - Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm; 1.6.04 - Báo cáo tổng kết của trường hàng năm; 7.1.01 - Quyết định về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Trường)

Trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ. Hàng năm quy chế chi tiêu nội bộ được góp ý, chỉnh sửa thông qua các hội nghị cán bộ chủ chốt và hội nghị cán bộ viên chức với sự thống nhất cao của toàn thể cán bộ viên chức nhân viên của trường.

Quy chế chi tiêu nội bộ của trường được chỉnh sửa và ban hành theo quyết định của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương miền Trung gồm 4 chương, 38 Điều trong đó quy định rõ về công tác thu, chi, việc quản lý và sử dụng các nguồn thu, chi. Trong đó nguồn thu tự chủ tài chính từ nguồn thu phí, lệ phí, thu ngắn hạn, thu liên kết đào tạo, thu dịch vụ và thu theo đơn đặt hàng của nhà nước, thu sự nghiệp khác. Đối với nguồn chi tự chủ tài chính bao gồm hoạt động chi lương, chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển và các khoản chi khác (1.3.03 - Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm).

Ngoài ra Trường còn xây dựng và ban hành các quy trình quản lý quy định rõ các hoạt động quản lý tài chính của Trường theo hệ thống bảo đảm chất lượng như: Quy trình Quản lý tài sản trường học, Quy trình xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách, Quy trình thu, hoàn trả học phí, Quy trình thanh toán, tạm ứng và thanh toán tạm ứng (7.1.02 - Quy trình quản lý tài sản trường học; 7.1.03 - Quyết định về việc ban hành Quy chế về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; 7.1.04 - Quy trình xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách, 7.1.05 - Quy trình thu, hoàn trả học phí; 7.1.06 - Quy trình thanh toán, tạm ứng và thanh toán tạm ứng)

Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường và tất cả các quy trình quản lý trước khi ban hành đều được toàn thể cán bộ viên chức và người lao động của Trường góp ý, thông qua. Sau khi ban hành được các đơn vị họp triển khai thực hiện, các báo cáo tài chính hàng năm (báo cáo quyết toán) được công khai trước Hội nghị viên chức, báo cáo tổng kết năm học hàng năm (1.6.04 - Báo cáo tổng kết năm học hàng năm; 7.1.07 - Báo cáo công khai tài chính hàng năm; 7.1.08 - Báo cáo công khai tài chính trong hội nghị viên chức hàng năm; 7.1.09 - Biên bản Hội nghị CBVC hàng năm; 7.1.10 - Nghị quyết Hội nghị CBVC hàng năm).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**b) Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường hiện có các nguồn thu phong phú từ các hoạt động cung cấp dịch vụ đào tạo, sản xuất, kinh doanh. Việc quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định. Trường hiện có 6 trung tâm gồm: Trung tâm Phát triển giáo dục quốc tế Sunshine, Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm Khoa học và Công nghệ MITC, Trung tâm Ươm tạo doanh nghiệp và Đổi mới sáng tạo, Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội, Trung tâm Đào tạo và Đánh giá kỹ năng nghề được nhà trường thành lập và có quy chế tổ chức, hoạt động rõ ràng. Ngoài ra còn có các Trung tâm trực thuộc các đơn vị trong trường như Trung tâm Tin học ICDL, ngoại ngữ... cung cấp các dịch vụ đào tạo cấp chứng chỉ ngắn hạn. Các trung tâm hoạt động độc lập và trích nộp một phần doanh thu cho Trường theo tháng, quý đem lại nguồn thu không nhỏ cho nhà trường.

Các hoạt động dịch vụ đào tạo khác như: đào tạo ngắn hạn, đào tạo từ xa, đào tạo liên kết với các trường Đại học ngoài tỉnh, đào tạo chứng chỉ kỹ năng mềm,... Một số

nguồn thu khác đến từ hoạt động dịch vụ khác: ký túc xá, giữ xe, cho thuê mặt bằng, nhà khách TIC, cho thuê hội trường...

Việc quản lý tài chính có đầy đủ hồ sơ, sổ sách đã được kiểm toán độc lập và được Bộ Tài chính và Bộ Công Thương kiểm tra, đánh giá hàng năm và theo định kỳ, phòng Kế hoạch – Tài chính tiến hành các báo cáo cho đơn vị chủ quản theo đúng kế hoạch (7.2.01 - *Phần mềm kế toán quản lý tài chính của Trường*; 7.2.02 - *Hồ sơ, sổ sách quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm gồm: Một số nguồn thu khác; Một số Hợp đồng cho thuê, Hợp đồng giao khoán cho các Trung tâm, ...; một số Hợp đồng liên kết đào tạo*; 7.2.03 – *Báo cáo quyết toán hàng năm*; 7.2.04 - *Báo cáo tình hình tài chính hàng năm*; 7.2.05 - *Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*; 7.2.06 - *Biên bản xét duyệt quyết toán*; *Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách*; 7.2.07 - *Hồ sơ thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Bộ công Thương*).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**c) Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung qua nhiều năm xây dựng và phát triển hiện nay đã trở thành một trong những cơ sở hoạt động bền vững. Hàng năm ngoài nguồn kinh phí cố định được Bộ Công Thương cấp để duy trì các hoạt động, Nhà trường xây dựng các kế hoạch nhằm đa dạng hóa nguồn thu cho trường từ các hoạt động như: Thu học phí, dịch vụ, nghiên cứu khoa học, liên kết đào tạo...

Hiện nay, nhà trường được quyết định giao dự toán kinh phí hàng năm (7.3.01- *Dự toán tài chính của trường hàng năm*). Trên cơ sở đó, hàng năm, Trường đều thực hiện việc tổng hợp kinh phí hoạt động thường niên, báo cáo tài chính kịp thời, đúng quy định và được Bộ Công Thương thẩm tra công tác tài chính, thông báo xét duyệt quyết toán hàng năm (7.2.03 - *Báo cáo quyết toán hàng năm*; 7.2.04 - *Báo cáo tình hình tài chính hàng năm*; 7.2.05 - *Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*; 7.2.06 - *Biên bản xét duyệt quyết toán*; *Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm*; *Quyết định giao dự toán thu, chi NSNN hàng năm*; 7.2.07 - *Hồ sơ thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Bộ công Thương*).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**d) Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán tài chính là nhiệm vụ quan trọng trong việc ổn định công tác đào tạo và phát triển quy mô đào tạo của nhà trường theo xu hướng hội nhập quốc tế.

Trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính theo quy định. Nhà trường thực hiện công tác thu, thanh quyết quản lý thanh toán, tạm ứng theo quy trình hệ thống quản lý chất lượng (1.3.03 - *Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm*; 7.1.01 - *Quy*

chế quản lý tài chính của trường; 7.1.05 - Quy trình thu, hoàn trả học phí; 7.1.06 - Quy trình thanh toán, tạm ứng và thanh toán tạm ứng; 7.2.01 - Phần mềm kế toán quản lý tài chính của Trường). Các công tác thanh quyết toán tài chính trong nhà trường đều đảm bảo đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ theo chế độ kế toán – tài chính của Nhà nước, việc thu chi được thực hiện theo đúng qui chế chi tiêu nội bộ.

Việc thanh quyết toán thể hiện qua báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán hàng năm và được Bộ Công Thương thẩm tra công tác tài chính, thông báo xét duyệt quyết toán hàng năm (7.2.02 - Hồ sơ, sổ sách quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; 7.2.03 - Báo cáo quyết toán hàng năm; 7.2.04 - Báo cáo tình hình tài chính hàng năm; 7.2.05 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; 7.2.06 - Biên bản xét duyệt quyết toán, Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm, Quyết định giao dự toán thu, chi NSNN hàng năm; 7.2.07 - Hồ sơ thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Bộ công Thương).

#### **Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**e) Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành "Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước. Trường đã ban hành Quyết định về Quy định công tác kiểm toán nội bộ của nhà trường (7.5.01- Quy định tự kiểm tra tài chính, kế toán). Trên cơ sở trên, hàng năm trường xây dựng kế hoạch tự kiểm tra tài chính chung của Trường và các phòng, khoa chuyên môn trong trường (7.5.02 - Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính hàng năm; 7.5.03 - Quyết định về việc thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính của Trường; 7.5.04 - Kế hoạch tự kiểm tra công tác quản lý tài chính phòng KHTC định kỳ (tháng, quý) hàng năm; 7.5.05 - Biên bản tự kiểm tra công tác tài chính theo quý; Biên bản tự kiểm tra công tác tài chính theo tháng; 7.5.05 - Biên bản tự kiểm tra công tác thu chi tài chính; 7.5.06 - Báo cáo tóm tắt kết quả tự kiểm tra hoạt động tài chính hàng năm; 7.5.07 - Báo cáo kết quả tự kiểm tra hoạt động tài chính hàng năm).

Theo quy định, Thủ quỹ, Kế toán viên thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán, cuối mỗi tháng đều thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu sổ sách để kịp thời phát hiện và chỉnh sửa các sai sót. Theo định kỳ, phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện các báo cáo kết quả thực hiện việc tự kiểm tra cho đơn vị chủ quản và mời kiểm toán độc lập kiểm tra công tác tài chính của Trường (7.2.05 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; 7.2.06 - Biên bản xét duyệt quyết toán, Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm; Quyết định giao dự toán thu, chi NSNN hàng năm; 7.2.07 - Hồ sơ thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Bộ công Thương).

Việc thực hiện công tác tự báo cáo, quyết toán của Trường và được các cơ quan chức năng kiểm tra, phê duyệt bảo đảm không vi phạm các quy định về quản lý tài chính. Trong các biên bản kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm đều kết luận không có

sai phạm gì trong việc quản lý tài chính, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả các nguồn thu hợp pháp của trường .

Báo cáo hoạt động tài chính năm trước và kế hoạch tài chính năm sau được thông qua tại các hội nghị của Trường, hội nghị CBVC hàng năm vào đầu năm kế hoạch, cán bộ, giáo viên đều có thể tham gia góp ý kiến đánh giá kết quả hoạt động và kế hoạch tài chính của nhà trường theo nguyên tắc dân chủ, công khai (1.6.04 - Báo cáo tổng kết năm học; 7.1.08 - Báo cáo công khai tài chính trong hội nghị CBVC)

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**f) Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm nhà trường thực hiện đánh giá về hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính nhằm mục tiêu tổ chức, phục vụ tốt mọi hoạt động của nhà trường nhất là nhiệm vụ đào tạo nhân lực cho ngành, địa phương và thị trường lao động (7.2.04 - Báo cáo tình hình tài chính hàng năm; 7.2.05 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; 7.6.01 - Báo cáo đánh giá về hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính hàng năm). Việc đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính giúp Ban Giám hiệu nhà trường kiểm soát, chỉ đạo và đưa ra phương hướng, các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn tài chính, nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Kết hợp việc chi tiêu tiết kiệm giúp nhà trường sử dụng hiệu quả nguồn tài chính hơn. Trong Hội nghị CBVC hàng năm, phòng Kế hoạch – Tài chính phải báo cáo công khai tài chính trước toàn thể CBVC nhà trường (7.6.02 - Báo cáo biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính; 7.6.03 - Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí các hàng năm, Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của phòng KHTC hàng năm).

Đồng thời để đánh giá hiệu quả sử dụng tài chính và các biện pháp nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; Hàng năm Trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý về hiệu quả sử dụng tài chính và các biện pháp nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

\* Kết quả lấy ý kiến khảo sát cán bộ quản lý về hiệu quả sử dụng tài chính

T	Số lượng	Mức độ đánh giá											
		Rất tốt		Tốt		Trung đối tốt		Chưa tốt		Không tốt		Không ý kiến	
		Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
Năm 2020													
1	24/24	18	75	4	17	2	8		0		0		0
Năm 2021													
1	27/27	20	74	6	22	1	4		0		0		0



	Năm 2022												
1	25/25	19	76	4	16	2	8		0		0		0

\* Kết quả lấy ý kiến khảo sát cán bộ quản lý về các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính

T	Số lượng	Mức độ đánh giá											
		Rất tốt		Tốt		Tương đối tốt		Chưa tốt		Không tốt		Không ý kiến	
		Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
	Năm 2020												
1	24/24	20	83	3	13	1	4		0		0		0
	Năm 2021												
1	27/27	21	78	3	11	3	11		0		0		0
	Năm 2022												
1	25/25	22	88	2	8	1	4		0		0		0

Kết quả lấy ý kiến khảo sát cán bộ quản lý về hiệu quả sử dụng tài chính bình quân ở mức tốt và rất tốt.

Kết quả lấy ý kiến khảo sát cán bộ quản lý về các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính bình quân ở mức tốt và rất tốt (7.6.04 - Kế hoạch triển khai hoạt động khảo sát cán bộ quản lý về hiệu quả sử dụng nguồn tài chính và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính hàng năm; 7.6.05 - Báo cáo kết quả khảo sát cán bộ quản lý về hiệu quả sử dụng và các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính các hàng năm; 7.6.06 - Phiếu khảo sát CB quản lý về hiệu quả sử dụng và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính hàng năm; 7.6.07 - Báo cáo kết quả khảo sát hiệu quả sử dụng tài chính và các biện pháp nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường)

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

### 3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

#### \* Mở đầu:

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến các hoạt động dịch vụ hỗ trợ người học, coi đây là một tiêu chí quan trọng cần được thực hiện tốt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường <http://mitc.edu.vn/trung-tam-dich-vu/gioi-thieu-nhan-su-ttdv-mitc.html>. Nhà trường triển khai đầy đủ các dịch vụ phục vụ người học như: chăm sóc sức khỏe, đảm bảo tài nguyên học tập nghiên cứu, ký túc xá, căn tin, vệ sinh môi trường, thực phẩm, y tế, các chương trình phục vụ các hoạt động vui chơi, giải trí, văn nghệ, thể thao,...

Các hoạt động về Tư vấn hướng nghiệp và thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm cho người học đa dạng và kịp thời. Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ Doanh nghiệp phối hợp với các phòng, khoa tổ chức các buổi ngoại khoá Tư vấn hướng

nghiệp, gặp gỡ và giao lưu giữa HSSV với các doanh nghiệp. Hướng nghiệp và thông tin thị trường lao động trong các buổi lễ tốt nghiệp, phỏng vấn giới thiệu việc làm.

**\* Những điểm mạnh:**

Với hệ thống các văn bản về nội quy, quy chế cho HSSV đầy đủ, chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo, cùng sự công khai, minh bạch, và hệ thống tổ chức, quản lý, điều hành, hỗ trợ có hiệu quả cho HSSV.

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người học, đảm bảo quyền lợi cho người học, giúp người học trang trải hoàn cảnh để an tâm học tập.

**\* Những tồn tại:**

Vì điều kiện về khả năng tài chính, trường chưa đầu tư xây dựng nhà tập đa năng, sân bóng đá, sân thể thao nhỏ và hội trường chuyên dùng để phục vụ các hoạt động, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo đúng tiến độ quy hoạch.

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục tăng cường hoạt động tư vấn cho HSSV; khai thác hiệu quả Website Trường để học sinh, sinh viên thuận tiện tìm kiếm, tra cứu thông tin mọi lúc, mọi nơi; chấn chỉnh tinh thần và thái độ học tập của HSSV. Nhà trường nghiên cứu xây dựng chương trình, phương pháp giáo dục, đào tạo riêng cho các đối tượng, để một mặt vừa nâng cao cho HSSV cố gắng học tốt, vừa giáo dục uốn nắn vào khuôn khổ các HSSV chưa nghiêm túc trong học tập và rèn luyện tại trường. Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ Doanh nghiệp xây dựng chương trình chăm sóc người học để nhà giáo gần gũi và nắm bắt nhu cầu của HSSV, đồng thời xây dựng được các hoạt động thiết thực cho HSSV ngoài giờ lên lớp. Nắm bắt và thay đổi từ hình thức đến nội dung các chương trình, hoạt động,... để thu hút HSSV.

Tăng cường công tác tư vấn hướng nghiệp và đưa vào dạy kỹ năng sống về tự tin lập nghiệp. Tìm hiểu, nắm bắt rồi chọn lọc giới thiệu các công việc gần với mong ước của HSSV hơn.

**Điểm đánh giá tiêu chí 8**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 8</b>	<b>9</b>
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1

**a) Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhằm tạo điều kiện cho HSSV được tiếp cận tất cả các quy chế quy định của Trường cũng như chương trình đào tạo, các chế độ chính sách dành cho người học. Trong tuần sinh hoạt công dân, HSSV được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khóa học, quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng. Các chế độ chính sách đối với HSSV, công tác hoạt động của Đoàn thanh niên Cộng Sản Hồ Chí Minh (1.12.11 - *Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên*; 2.4.01 - *Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng*; 2.12.01 - *Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp*). Ngoài ra còn tuyên truyền phòng chống các tệ nạn xã hội, công tác y tế và chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường,...(8.1.01 - *Kế hoạch tuần sinh hoạt Công dân HSSV đầu khóa*).

Phổ biến chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, các quy định về chế độ chính sách của người học được đăng trên Website Phòng Quản lý đào tạo, Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ Doanh nghiệp, Cổng thông tin điện tử HSSV (1.12.11 - *Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên*), Quyết định Ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp (2.12.01- *Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp*; 2.4.01 – *Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng*). Ngoài ra, trước khi giảng dạy một học phần, giáo viên, giảng viên phổ biến đến người học nội dung, phương pháp học tập, lịch trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, từ đó người học có phương pháp học tập hiệu quả.

Nhà Trường đã cử GVCN, CVHT cho từng học kỳ, đề tư vấn cho HSSV về học tập, sinh hoạt, rèn luyện trong suốt quá trình học tập tại trường. Nội dung tư vấn cho HSSV được Nhà trường chuẩn hóa và quy định cụ thể cho CVHT thực hiện. Bên cạnh đó, CBVC các phòng, trung tâm cũng có nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ HSSV thực hiện các quyền lợi của mình theo đúng các quy định của nhà trường khi HSSV liên hệ.

Hàng năm, nhà trường đã thống kê để báo cáo, đồng thời đăng tải-cập nhật trên Website Trường về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra các ngành và các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo đúng quy chế công khai của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (8.1.02 - *Công khai đào tạo* - <http://daotao.mtc.edu.vn/>; 8.1.03 - *Quy định xây dựng và phát triển văn hóa trường*)

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**b) Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong quá trình học tập tại trường, HSSV được hưởng các chế độ chính sách theo quy định. Hàng năm, nhà trường triển khai, thông báo và thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ miễn, giảm học phí, chế độ trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập đến người học, khen thưởng trong học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao,....

Công tác thực hiện chế độ chính sách cho HSSV đã được chuẩn hóa trong quy trình các quy trình bảo đảm chất lượng của nhà trường, danh sách HSSV được miễn giảm học phí, hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập trong năm từ 2018 đến 2021 đã công khai và đăng tải trên Website của Trường (8.2.01 - Hồ sơ và danh sách thực hiện chế độ chính sách miễn, giảm học phí, chế độ trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên). Để tạo điều kiện cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế có điều kiện tham gia học tập. Nhà trường triển khai và xác nhận để HSSV làm thủ tục được vay vốn ngân hàng.

Công tác thực hiện chế độ chính sách cho HSSV được thông kê và báo cáo hàng năm (8.2.02 - Báo cáo tình hình thực hiện miễn, giảm học phí).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**c) Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để kịp thời động viên, khích lệ các cá nhân cũng như tập thể có thành tích cao trong học tập, nhà trường đã ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV hệ chính quy trong toàn trường (1.3.03 - Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm; 8.3.01 - Quyết định ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV hệ chính quy). Công tác xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV đã được chuẩn hóa trong quy trình bảo đảm chất lượng của nhà trường.

Mỗi học kỳ, nhà trường đều công khai thông báo đến người học các mức học bổng theo từng học kỳ, từng bậc học, nhóm ngành (8.3.02 - Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập hàng năm) đồng thời chi trả học bổng đến người học đúng, đủ theo quy định.

Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện khen thưởng định kỳ và đột xuất cho những HSSV có thành tích cao trong các cuộc thi, phong trào thi đua, các thủ khoa (1.3.03 - Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm; 1.12.11 - Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên; 8.3.03 - Quyết định khen thưởng cho HSSV hàng năm; 8.3.04 - Quy định nghiên cứu khoa học của HSSV).

Đối với những học sinh, sinh viên nghèo vượt khó trong học tập ngoài việc thành lập Quỹ khuyến học huy động từ nguồn vốn đóng góp của CBVC, hàng năm nhà Trường còn liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để huy động như: Ngân hàng Đông Á, Viettinbank, SHB, Bảo hiểm Bưu điện, Công ty

Bảo Việt, Cơ khí Vina Nha trang... để huy động, tìm kiếm các suất học bổng nhằm hỗ trợ, khen thưởng cho HSSV (8.3.05 - *Quyết định cấp học bổng học sinh nghèo vượt khó*).

Tất cả các công tác hỗ trợ HSSV được Nhà trường phân công cụ thể nhiệm vụ đến từng đơn vị chức năng và các cá nhân có liên quan trong Chương trình chăm sóc HSSV (8.3.06 - *Chương trình phối hợp quản lý và chăm sóc HSSV*)

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**d) Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chức năng của nhà trường là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực công nghệ: Kỹ thuật địa chất, hóa chất, thông tin, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, cơ khí, kinh tế, môi trường theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp và sự phát triển kinh tế xã hội.

*“Sứ mạng của nhà trường là cung cấp cho người học, cộng đồng xã hội dịch vụ đào tạo, nghiên cứu có chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội”*

Do đó, khi tuyển sinh và thực hiện chức năng đào tạo đối với HSSV nhà trường không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. HSSV khi tham gia học tại trường đều được tôn trọng, đối xử bình đẳng như nhau thể hiện qua việc xét điểm rèn luyện từng học kỳ, xét từ lớp đến khoa và công nhận điểm rèn luyện của Trường (1.12.01 - *Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên*; 1.12.12 - *Quyết định ban hành Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ*; 1.12.13 - *Báo cáo thực hiện bình đẳng giới hàng năm*; 1.2.05 - *Thông báo tuyển sinh hàng năm*; 8.4.01- *Quyết định công nhận điểm rèn luyện của học sinh, sinh viên hàng năm*). Đối với HSSV ở ký túc xá cần phải thực hiện nghiêm túc nội quy chung của ký túc xá, không có trường hợp phân biệt đối xử (8.4.02- *Nội quy tại khu nội trú*).

Nhà trường có chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số như miễn, giảm phí ở nội trú, hưởng chế độ tại ban dân tộc,...Trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của nhà trường đều hướng tới HSSV, không có trường hợp phân biệt hay đối xử bất bình đẳng. Nhà trường luôn duy trì bình đẳng giới thông qua các hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ (1.12.02 - *Quyết định ban hành ban vì sự tiến bộ của phụ nữ*). Các hoạt động của Ban này hướng tới hỗ trợ nữ giới trong Nhà trường, đối với HSSV thường chú trọng các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới tính, sức khỏe sinh sản,... và được nhà trường báo cáo tổng hợp hàng năm (1.12.03 - *Báo cáo việc thực hiện bình đẳng giới hàng năm*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**d) Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà ở, ký túc xá cho HSSV và các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học là vấn đề được nhà trường thường xuyên quan tâm. Ký túc xá có tổng diện tích 3162 m<sup>2</sup>, quy mô 63 phòng ở, diện tích 32 m<sup>2</sup> mỗi phòng. Được bố trí tối đa là 08 HSSV mỗi phòng. Trong phòng có hệ thống vệ sinh khép kín và được trang bị hoàn chỉnh, đầy đủ đèn điện, nước sạch sinh hoạt với hệ thống lọc nước và hồ chứa nước và các phương tiện sinh hoạt khác (8.5.01 - *Danh mục trang thiết bị cung cấp cho KTX; kết quả kiểm nghiệm mẫu nước của hệ thống lọc nước RO*), đáp ứng nhu cầu học tập, ăn ở và sinh hoạt cho 500 HSSV; ký túc xá có bố trí phòng tự học, xem ti vi, sân bóng chuyền, sân cầu lông (5.2.01 - *Quyết định về việc phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển trường*).

Bên cạnh đó nhà trường còn có nhà khách được xây mới và hoàn thiện vào năm 2012 với diện tích 1.488 m<sup>2</sup> với quy mô 29 phòng nghỉ, có thiết kế hiện đại đầy đủ tiện nghi đáp ứng tất cả các nhu cầu nghỉ ngơi của khách vắng lai, cán bộ, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên có nhu cầu (8.5.02 - *Danh mục các trang thiết bị cung cấp cho nhà khách*).

Năm 2018 Nhà trường đã cho sửa chữa lớn, nâng cấp khu K1 ký túc xá khang trang hiện đại. Các phòng ký túc có diện tích sử dụng 32m<sup>2</sup>, trong phòng được trang bị giường, tủ, bàn ghế; trong mỗi phòng có phòng vệ sinh riêng, tách biệt với bếp và phòng tắm; phòng vệ sinh có cửa sổ thông gió tự nhiên (8.5.03- *Báo cáo đánh giá hàng năm về hoạt động của khu nội trú*; 8.5.04 - *Danh sách HSSV đang ở tại KNT*).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**e) Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường đã bố trí riêng 1 phòng y tế chuyên dụng ở mỗi cơ sở để thực hiện sơ cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HSSV và CBVC toàn trường. Phụ trách phòng có biên chế 1 bác sĩ thường trực. Hàng năm, phòng y tế được kiểm tra trang bị bổ sung thiết bị, thuốc men, đảm bảo điều kiện hoạt động (8.6.01 - *Danh mục vật tư phòng y tế*).

Người học được khám sức khỏe định kỳ vào đầu khóa học. Nhà trường cũng rất quan tâm đến vấn đề chăm sóc sức khỏe của HSSV, hàng năm đều có các văn bản đề thông báo rộng rãi trong toàn trường về việc thực hiện vệ sinh, an toàn thực phẩm, phòng chống các bệnh truyền nhiễm. Bên cạnh đó, nhà trường cũng tích cực triển khai thu tiền, hỗ trợ cho HSSV mua BHYT theo đúng quy định (1.12.01 - *Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên*; 8.6.02 - *Báo cáo tổng kết công tác y tế học đường các hàng năm*).

Trường có 02 căn tin để phục vụ ăn uống cho HSSV. Trong thời gian qua, không có trường hợp ngộ độc thực phẩm nào xảy ra tại căn tin. Hàng năm, nhà trường triển khai các hoạt động kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm và báo cáo cấp trên (8.6.03 - *Giấy chứng nhận về vệ sinh an toàn thực phẩm*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**g) Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong quá trình học tập, người học được sử dụng các trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của nhà trường như: Sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, câu lạc bộ bóng bàn,...(5.1.02 - *Quyết định về việc phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển trường*). Nhà trường tạo điều kiện thường xuyên để học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao do Trường và các cơ sở, cơ quan văn hóa trên địa bàn tỉnh Phú Yên tổ chức, và một số hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, giao lưu văn hóa, văn nghệ khác,...(8.7.01 - *Kế hoạch tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao*). Các hoạt động này thu hút đông đảo HSSV tham gia và đạt được nhiều thành tích đáng kể, nhiều HSSV tiêu biểu được công nhận các danh hiệu thi đua trong học tập, được khen thưởng trong công tác đoàn và phong trào thanh thiếu niên (1.10.21 - *Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác đoàn hàng năm*).

Nhằm đảm bảo an toàn cho CBVC và người học trong khuôn viên trường, nhà trường rất chú trọng công tác an ninh trật tự. Từ năm 2014, nhà trường đã ký kết quy chế phối hợp với Công an phường 8, phường 9 về đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường (8.7.02 - *Kế hoạch xây dựng đơn vị an toàn về An ninh- Trật tự hàng năm*) duy trì Tổ công tác bảo đảm an ninh, trật tự trường học, Trung đội tự vệ cơ quan, đội Thanh niên xung kích; hàng năm đều thực hiện tập huấn đội phòng cháy chữa cháy tăng cường tự vệ trực sẵn sàng nhiệm vụ vào các ngày lễ.

Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, xây dựng cơ quan, doanh nghiệp, trường học an toàn về ANTT gửi cho các cơ quan có thẩm quyền. Nhờ có nhiều biện pháp thiết thực nên trong thời gian qua không có xảy ra tai nạn hoặc mất trật tự trong khuôn viên trường (8.7.03 - *Báo cáo kết quả công tác ANTT và TT ATGT hàng năm*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**h) Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp tiền thân là trung tâm hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên (HSSV); đơn vị chuyên sâu của nhà trường trong công tác kết nối giữa nhà trường với doanh nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV. Công tác tư vấn hướng nghiệp, việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp rất được nhà trường chú trọng. Kết quả trong thời gian qua như sau:

Hàng năm đều xây dựng kế hoạch triển khai công tác Hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho học sinh, sinh viên (8.8.01 - *Kế hoạch hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho HSSV*

*hàng năm*). Đưa chương trình hướng nghiệp việc làm vào chương trình chính trị đầu khóa, giữa khóa và cuối khóa nhằm giúp học sinh, sinh viên có nhận thức tốt hơn về cơ hội việc làm của mình cũng như phối hợp phân luồng học sinh, sinh viên ngay khi mới nhập học; phát triển mạng lưới tư vấn hướng nghiệp ở các khoa chuyên môn bằng việc tư vấn hướng nghiệp để hỗ trợ chuyên sâu trong công tác định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên (8.8.02 - <http://tuyensinh.mitc.edu.vn/category/tin-huong-nghiep/page/2>).

Thường xuyên phối hợp với doanh nghiệp để tổ chức nhiều chương trình chuyên đề về tư vấn giới thiệu việc làm cho HSSV như: Chương trình “Giao lưu doanh nhân – thấp sáng ước mơ khởi nghiệp; chương trình "Chia sẻ kinh nghiệm làm hồ sơ xin việc và phỏng vấn tuyển dụng của ngân hàng Kiên Long Phú Yên”; Hội thi "Sinh viên khởi nghiệp";...Các chương trình được tổ chức sáng tạo lôi cuốn đã thu hút được nhiều HSSV tham gia và được các doanh nghiệp đánh giá cao (8.8.03 - *Chương trình phối hợp với các doanh nghiệp hỗ trợ tư vấn việc làm cho HSSV hàng năm*). Kết thúc từng năm học, Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp báo cáo tổng kết các hoạt động tư vấn hướng nghiệp trước hội nghị tổng kết năm học nhằm báo cáo các kết quả đạt được và đề xuất những kiến nghị để thực hiện công tác hỗ trợ HSSV sau khi tốt nghiệp cho năm học tiếp theo đạt kết quả tốt nhất (8.8.04 - *Báo cáo tổng kết công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV hàng năm*).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Công tác phối hợp với doanh nghiệp được triển khai nhịp nhàng hàng năm nhằm xây dựng kênh thông tin tuyển dụng – đào tạo – việc làm khá rõ ràng chi tiết. Trong ba năm qua đã làm việc với hơn 150 doanh nghiệp trong cả nước để hỗ trợ tuyển dụng và hỗ trợ thực tập cho HSSV với hàng nghìn vị trí việc làm khác nhau. Thông tin tuyển dụng được cập nhật lên tục và tổng hợp từng quý rõ ràng nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị doanh nghiệp theo từng ngành nghề chuyên môn và yêu cầu điều kiện công việc cũng như mức lương của từng vị trí (8.9.01 - <http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/thong-tin-td-viec-lam>; 8.9.02 - *Kế hoạch hỗ trợ giới thiệu việc làm cho HSSV hàng năm*).

Nhà trường đã và đang xây dựng các mối hợp tác và có mối liên hệ thân thiết với hàng trăm doanh nghiệp khác nhau từ việc ghi nhớ hợp tác đến hợp tác chiến lược toàn diện. Chương trình hợp tác với doanh nghiệp được cụ thể hóa trên 4 lĩnh vực quan trọng: Phối hợp công tác tiếp nhận học sinh, sinh viên thực tập, kiến tập và tuyển dụng; Phối hợp xây dựng, đánh giá, thẩm định chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu công việc; Phối hợp đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; Phối hợp đào tạo tại chỗ, tổ chức đánh giá trình độ tay nghề công nhân,... trong đó phải kể đến sự hợp tác hiệu quả, toàn diện với một số Công ty như: Công ty cổ phần Cơ khí Vina Nha



Trang; Tập đoàn Thiết bị thang máy Thăng Long, Công ty Cổ phần quốc tế nông nghiệp Hoàng Anh Gia Lai, Công ty cổ phần Vinpearl Nha Trang.

Tổ chức các chương trình phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp tại trường để đối tác là các doanh nghiệp như: Tập đoàn Thiết bị thang máy Thăng Long, Công ty Cổ phần quốc tế nông nghiệp Hoàng Anh Gia Lai,... cung cấp những thông tin về vị trí việc làm, mức lương,... cũng như tạo cơ hội để những HSSV chuẩn bị ra trường có cơ hội phỏng vấn, lựa chọn cho bản thân công việc phù hợp nhất (8.8.03 - *Chương trình phối hợp với các doanh nghiệp hỗ trợ tư vấn việc làm cho HSSV hàng năm*). Đồng thời giới thiệu HSSV có nhu cầu đến nhiều doanh nghiệp tham gia phỏng vấn tuyển dụng để các em có được nhiều cơ hội lựa chọn việc làm hợp lý (8.9.03 - *Danh sách thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp*).

Kết thúc từng năm học Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp báo cáo tổng kết các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, việc làm (8.8.04 - *Báo cáo tổng kết công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV hàng năm*).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

### **3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng**

#### **\* Mở đầu:**

Với mục tiêu đánh giá toàn diện các hoạt động đào tạo của Trường, hàng năm Trường đều tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan bao gồm: Học sinh, sinh viên đang học, HSSV tốt nghiệp, doanh nghiệp, nhà giáo, cán bộ quản lý... về các hoạt động trong quá trình đào tạo nhằm đánh giá bức tranh tổng thể của Trường, xác định được mặt tốt và chưa tốt để có kế hoạch cải tiến các hoạt động của Trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

#### **\* Những điểm mạnh:**

Hàng năm nhà trường đều tổ chức khảo sát các bên liên quan đến hoạt động đào tạo của Trường.

Kết quả khảo sát được sử dụng cải tiến trong việc nâng cao chất lượng đào tạo.

#### **\* Những tồn tại:**

Vẫn còn một số ít công ty, doanh nghiệp chưa quan tâm nhiều đến hoạt động này. Hệ thống khảo sát online để khảo sát tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

#### **\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục nghiên cứu các biện pháp hiệu quả hơn trong việc cải tiến chất lượng thông qua kết quả tự đánh giá. Thực hiện tốt công tác đảm bảo chất lượng theo quy định, tăng cường hợp tác với các công ty, doanh nghiệp trong việc giải quyết việc làm, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập ý kiến của CBVC, doanh nghiệp và HSSV.

**a) Tiêu chuẩn 9.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Kết quả khảo sát các doanh nghiệp hàng năm cho thấy các doanh nghiệp đánh giá mức độ đáp ứng của HSSV sau khi tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp trên 90% (9.1.01 - Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động; 9.1.02 - Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến; 9.1.03 - Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động; 9.1.04 - Báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến hàng năm).

**Năm 2020:** Trường đã thực hiện khảo sát 17 doanh nghiệp đóng trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Phú Yên theo kế hoạch khảo sát số 284 /KH-CĐCT, ngày 15 tháng 6 năm 2020. (Trong đó có 01 phiếu khảo sát không gửi về nên không tổng hợp được ý kiến). Hình thức khảo sát qua phiếu khảo sát.

Kết quả cụ thể như sau:

(1) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Du lịch Bình Minh GOLD. Địa chỉ: 24 Trần Bình Trọng, P4, Tuy Hòa, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Các dịch vụ, du lịch.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng nghiệp vụ chuyên môn.

(2) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH TM Nhật Cảnh. Địa chỉ: 27 Nguyễn Trãi, P4, Tuy Hòa, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Chế biến thịt và các SP từ thịt.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Không ý kiến.

(3) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Tuấn Tú. Địa chỉ: Phú Vang, Bình Kiến, Tuy Hòa, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Điện, Cơ khí...)

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Bổ sung thêm Tin học.

(4) Tên doanh nghiệp: Công ty CP Đầu tư Nông Nghiệp Phú Việt. Địa chỉ: 232 Nguyễn Huệ, P7, Tuy Hòa, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Khả năng làm việc tốt, nhanh nhẹn, hoạt bát.

(5) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Sơn Thiên Hòa. Địa chỉ: 215 Nguyễn Huệ, P5, Tuy Hòa, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Buôn bán thực phẩm.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(6) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH TM&DV Quảng cáo SaigonLed. Địa chỉ: 200 Nguyễn Tất Thành, P8, Tuy Hòa, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Thiết kế, in ấn, thi công quảng cáo như bảng, biển, đèn led, pano, banner quảng cáo,...

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Không ý kiến.

(7) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ VNSTECH. Địa chỉ: 64 Nguyễn Thái Học, P5, Tuy Hòa, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghệ.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(8) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Mỹ thuật Quảng cáo Loka. Địa chỉ: 12 Lê Lợi, Tuy Hòa, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Thiết kế, in ấn, thi công quảng cáo như bảng, biển, đèn led, pano, banner quảng cáo,...

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(9) Tên doanh nghiệp: Cty sữa Vinasoy tại Quảng Ngãi. Địa chỉ: Số 2 Nguyễn Chí Thanh, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Sữa đậu nành.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(10) Tên doanh nghiệp: Công ty CP Sông Đà 5. Địa chỉ: Tầng 5, Tháp B, Tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: truyền tải và phân phối điện.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, bổ sung thêm ngoại ngữ chuyên ngành.

(11) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Thạch Anh Vàng. Địa chỉ: Số 8, đường số 9, KDC An Phú An Khánh, P. An Phú, Quận 2, TP.HCM. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Buôn bán máy móc, các thiết bị phụ tùng máy.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Không ý kiến.

(12) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Estron Việt Nam. Địa chỉ: Lầu 1 và 2, Tòa nhà Bohemia, đường 19/5A, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TPHCM. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: lắp ráp các linh kiện điện tử.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(13) Tên doanh nghiệp: Công ty CP Chăn nuôi C.P. Việt Nam. Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Biên Hòa II – Biên Hòa – Đồng Nai. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: thức ăn chăn nuôi, phân phối chế biến thực phẩm.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Không ý kiến.

(14) Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Phụ liệu May Nha Trang. Địa chỉ: 94 Lê Hồng Phong, P.Phước Hải, Nha Trang. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: May mặc – Nguyên phụ liệu may mặc.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Cần đầu tư ngoại ngữ

(15) Tên doanh nghiệp: Công ty CP Cơ khí Vina Nha Trang. Địa chỉ: Lô 7-A10, cụm CN Diên Phú, Diên Khánh, Khánh Hòa. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Chế Biến Thực Phẩm, Cơ Khí - Gia Công và Chế Tạo, Máy Chế Biến Các Loại Hạt...

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, bổ sung thêm Tin học chuyên ngành.

(16) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH TM&CK Dương Tiến Phát. Địa chỉ: 146 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Buôn bán, sửa chữa ô tô, xe máy và động cơ.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: không ý kiến.

Tổng số học sinh sinh viên đang làm việc tại 16 công ty đã tham gia khảo sát: 276 học sinh sinh viên.

Tổng hợp mức độ hài lòng của doanh nghiệp như sau:

- Kiến thức chuyên môn: 100% hài lòng.
- Kỹ năng làm việc độc lập: 100% hài lòng
- Kỹ năng làm việc nhóm: 100% hài lòng
- Kỹ năng ngoại ngữ: hài lòng 62,50%, không hài lòng 37,50%
- Kỹ năng tin học: hài lòng 93,75%, không hài lòng 6,25%
- Kỹ năng giao tiếp: 100% hài lòng
- Kỹ năng thao tác thực hành: 100% hài lòng
- Kỹ năng tư duy (logic, sáng tạo...): 100% hài lòng
- Có đạo đức, tác phong nghề nghiệp : 100% hài lòng
- Có tinh thần trách nhiệm: 100% hài lòng
- Có khả năng chịu áp lực công việc cao: 100% hài lòng
- Có ý thức tập thể cộng đồng: 100% hài lòng
- Có tinh thần cầu tiến: 100% hài lòng
- Những kiến thức chuyên môn cần bổ sung: Tiếng anh chuyên ngành, tin học
- Những Kỹ năng cần bổ sung (bao gồm kỹ năng mềm): không

**Năm 2021:** Trường đã thực hiện khảo sát 30 doanh nghiệp đóng trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Phú Yên theo kế hoạch khảo sát số 392A /KH-CĐCT ngày 15/6/2021. Hình thức khảo sát bằng phiếu khảo sát.

Kết quả cụ thể như sau: theo báo cáo số 422A/BC-CĐCT ngày 29/6/2021

(1) Công ty TNHH xây dựng và Thương mại Phúc Toàn; Địa chỉ: 9/8 Nguyễn Công Trứ, Phường 4, TP. Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: tư vấn, thiết kế, thi công công trình, kinh doanh hàng may mặc,...

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(2) Công ty TNHH Hải Thanh; Địa chỉ: 109 Lê Thành Phương, Phường 8, TP. Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: thi công công trình điện nước, kinh doanh thiết bị điện,...

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(3) Công ty TNHH Vận tải- Du lịch Lê Đăng; Địa chỉ: Khu phố Ninh Tĩnh 3, P.9, TP. Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: vận tải hành khách, du lịch,...

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(4) Công ty Bảo Việt Phú Yên; Địa chỉ: 198 Trần Hưng Đạo, P.4, TP. Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Bảo hiểm nhân thọ.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, năng động, sáng tạo.

(5) Công ty Viễn thông FPT Phú Yên; Địa chỉ: Lô A11 Khu Đô Thị Hưng Phú, Đường Trần Phú, TP. Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Lắp Đặt Internet, Truyền Hình, Đầu Thu FPT Play Box, Camera Quan Sát.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, thái độ hòa nhã, thân thiện, nhiệt tình trong công việc.

(6) Công ty CCIPY Việt Nam - Phú Yên; Địa chỉ: Lô E8.1, E8.2 & E8.3, Block A, KCN An Phú, xã Bình Kiến, TP. Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất linh kiện điện tử.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(7) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Phú Yên; Địa chỉ: 48 Nguyễn Trãi, P.4, TP. Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Bảo hiểm.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(8) Công ty cổ phần ViNa Nha Trang; Địa chỉ: Lô A7-A10 Cụm CN Diên Phú, Diên Khánh, Khánh Hòa; Lĩnh vực hoạt động: Cơ khí.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, chịu làm việc với áp lực cao.

(9) Công ty TNHH công nghiệp KCP Việt Nam; Địa chỉ: Đường 24/3, TT. Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh các loại đường RE chất lượng cao và các sản phẩm phụ sau đường.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, năng nổ, chịu khó học hỏi.

(10) Công ty CP Pymepharco; Địa chỉ: 166-170 Nguyễn Huệ, Phường 7, TP. Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu trực tiếp chuyên ngành về y dược.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(11) Công ty Viễn thông Mobifone Phú Yên; Địa chỉ: 191 Nguyễn Huệ, P. 5, TP Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Chăm sóc khách hàng của Mobifone.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, chuyên nghiệp, hiệu quả.

(12) Công Ty TNHH Công Nghệ Cơ Điện Lạnh Phan Bách; Địa chỉ: 16 Nguyễn Thiện Thuật, P. 2, Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh; Lĩnh vực hoạt động: Thiết kế, thi công hệ thống điện lạnh công nghiệp. Chế tạo và thi công lắp đặt hoàn chỉnh : thiết bị cấp đông, kho trữ lạnh, thiết bị khí nén.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(13) Công ty CP Cơ điện lạnh Miền Đông; Địa chỉ: 52 Quốc lộ 13, P.26, Q. Bình Thạnh, TP.HCM; Lĩnh vực hoạt động: Chế tạo, gia công cơ khí lắp máy, thiết bị công nghiệp.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, có khả năng làm việc độc lập và nhóm tốt.

(14) Công ty TNHH Nhân lực AKANE – CN Phú Yên; Địa chỉ: 44 Nguyễn Văn Cừ, Phường 7, TP. Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: đáp ứng yêu cầu công việc, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

(15) Công ty Cổ phần LILAMA 18; Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(16) Công ty cổ phần đầu tư FOCOCEV Việt Nam; Địa chỉ: 21 Bùi Thị Xuân, P.Bến Thành, Quận 1, TP.HCM; Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, kinh doanh Tinh bột sắn.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(17) Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất; Địa chỉ: Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi ; Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất Gang thép Hòa Phát.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, ham học hỏi, có tinh thần cầu tiến cao.

(18) Công ty cổ phần đầu tư hệ thống quán cà phê Mokaro; Địa chỉ: Số 406 Nguyễn Tất Thành, Bình Kiến, Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Buôn bán thực phẩm.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, thái độ hòa nhã, thân thiện, nhiệt tình trong công việc.

(19) Ngân hàng Kiên Long Phú Yên; Địa chỉ: 101-103 Nguyễn Trãi, phường 4, TP. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Tài chính.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(20) Công ty cổ phần bất động sản Việt Thành; Địa chỉ: 205 Hùng Vương (tầng 4), P6, TP. Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Bất động sản.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, kỹ năng giao tiếp tốt.

(21) Công ty TNHH MTV Cơ khí Tài nguyên; Địa chỉ: 384 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh; Lĩnh vực hoạt động: sản xuất máy tập thể hình tại Việt Nam.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(22) Công ty TNHH SXTM Thiên Đạt; Địa chỉ: 407 Trần Hưng Đạo, P6, TP Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Chuyên cung cấp máy lọc nước RO, NANO gia đình, công nghiệp, máy làm đá viên, đá cây, dây chuyền sản xuất nước uống đóng bình máy nước nóng năng lượng mặt trời, quạt hơi nước.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(23) Công ty bảo hiểm nhân thọ Sunlife; Địa chỉ: 291 Nguyễn Huệ, P5, TP Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Bảo hiểm nhân thọ.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, thái độ hòa nhã, thân thiện, nhiệt tình trong công việc.

(24) Công ty TNHH Truyền thông và Du lịch Sông Ba; Địa chỉ: Thôn Xuân Dục, An Phú, Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Du lịch.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(25) Xí nghiệp chế biến hàng song mây XK Hòa Hiệp PaPexCo; Địa chỉ: KCN Hòa Hiệp II, Đông Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế).

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(26) Ngân hàng Vietcombank- Phú Yên; Địa chỉ: 145 ĐL Hùng Vương, Phường 6, Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: tài chính, tín dụng.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, giao tiếp tốt.

(27) Công ty TNHH Hợp Hân; Địa chỉ: Thôn Vĩnh Phú, Xã Hòa An, Huyện Phú Hoà, Tỉnh Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất điện.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, chịu khó học hỏi. Cần bổ sung: tiếng anh chuyên ngành.

(28) Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Thiên Đạt; Địa chỉ: 431 Trần Hưng Đạo - Phường 6 - TP Tuy Hoà - Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, giao tiếp tốt.

(29) Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Yên; Địa chỉ: 06 Lê Lợi, P1, TP. Tuy Hòa, Phú Yên; Lĩnh vực hoạt động: tài chính, tín dụng.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, giao tiếp tốt.

(30) Công ty TNHH Thời Trang Hưng Thịnh; Địa chỉ: 59 Trần Hưng Đạo, Phường 1, thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất, kinh doanh hàng may mặc.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, giao tiếp tốt, chịu khó làm việc.

Tổng hợp mức độ đáp ứng của 527 sinh viên tốt nghiệp đang làm việc trong 30 doanh nghiệp được khảo sát trong năm học 2020-2021 như sau:

- Kiến thức lý thuyết nghề chuyên môn: 100% đáp ứng;
- Kỹ năng làm việc độc lập: 100% đáp ứng;
- Kỹ năng làm việc nhóm: 100% đáp ứng;
- Kỹ năng ngoại ngữ: đáp ứng 100%;
- Kỹ năng tin học: đáp ứng 100% %;
- Kỹ năng giao tiếp: 100% đáp ứng;
- Kỹ năng thực hành nghề: 100% đáp ứng;
- Kỹ năng tư duy (logic, sáng tạo...): 100% đáp ứng;
- Có đạo đức, tác phong nghề nghiệp: 100% đáp ứng;
- Có tinh thần trách nhiệm: 100% đáp ứng;
- Có khả năng chịu áp lực công việc cao: 100% đáp ứng;
- Có ý thức tập thể cộng đồng: 100% đáp ứng;
- Có tinh thần cầu tiến: 100% đáp ứng.



**Năm 2022:** Trường đã thực hiện khảo sát 26 doanh nghiệp đóng trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Phú Yên theo kế hoạch khảo sát số 740 /KH-CĐCT, ngày 24 tháng 5 năm 2022. Hình thức khảo sát qua phiếu khảo sát.

Kết quả cụ thể như sau:

(1) Tên doanh nghiệp: CTY TNHH TM&DV Swotravel. Địa chỉ: 218 Nguyễn Huệ, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Du lịch, quảng cáo, giáo dục, Kinh doanh...

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

(2) Tên doanh nghiệp: CTY TNHH Ô tô Ngọc Tú. Địa chỉ: 573 Nguyễn Tất Thành, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Khá hài lòng.

(3) Tên doanh nghiệp: CTY cổ phần đầu tư PTKH Việt Nam. Địa chỉ: Phước Hậu 2, P.9, Tuy Hòa, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Khai thác đá, in ấn, sửa chữa thiết bị điện...

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp.

(4) Tên doanh nghiệp: CTY TNHH TM&DM Hatutour. Địa chỉ: 247 Nguyễn Công Trứ, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Dịch vụ du lịch.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp.

(5) Tên doanh nghiệp: CTY TNHH TM&MT Nhật Linh. Địa chỉ: Phú Hòa, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Không ý kiến.

(6) Tên doanh nghiệp: CTY TNHH khoa học Công nghệ &MT C.M.PY. Địa chỉ: Bình kiến, Tuy Hòa, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Khá hài lòng.

(7) Tên doanh nghiệp: CTY CP Viễn thông FPT- Chi nhánh Phú Yên. Địa chỉ: A11-KĐT Hưng Phú, Trần Phú, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Kinh doanh thiết bị viễn thông.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Không ý kiến.

(8) Tên doanh nghiệp: CTY TNHH TMDV Lộc Bảo Tín. Địa chỉ: 81B Trần Phú, P7, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Khá hài lòng

(9) Tên doanh nghiệp: CTY Thương mại Lộc Thuận An. Địa chỉ: Chí Thạnh, Tuy An, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và các phần mềm khác.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp.

(10) Tên doanh nghiệp: CTY TNHH Cơ khí & XD Phú Yên. Địa chỉ: Cây số 5, Bình Kiến, Tuy Hòa. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: không ý kiến.

(11). Tên doanh nghiệp: CTY TNHH ASUZAC. Địa chỉ: TX. Thuận An, Bình Dương. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Gốm sứ, gia công ceramics sử dụng cho công nghiệp trong nước và xuất khẩu.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Không ý kiến.

(12) Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần H&T. Địa chỉ: Lô A18-A19 cụm công nghiệp Diên Phú, Khánh Hòa. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Gia công chi tiết, cơ khí chế tạo.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Không ý kiến.

(13) Tên doanh nghiệp: CTY TNHH Thương mại và tin học Thái Minh. Địa chỉ: 121 Hùng Vương, Tuy Hòa, Phú Yên. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Sửa chữa và kinh doanh máy tính.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.

(14) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Tập Đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long. Địa chỉ: Số 17A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q. Tân Bình Thạnh, TP. HCM. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: các cấu kiện kim loại, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(15) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Xây dựng và Lắp đặt Kỹ thuật Việt. Địa chỉ: 127/14 Đường Hoàng Diệu 2, Khu Phố 3, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: lắp đặt hệ thống điện; Điều hòa không khí.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: không ý kiến

(16) Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần sản xuất chế biến và phân phối nông nghiệp THADI. Địa chỉ: Phòng nhân sự THADI, tầng 18, tòa nhà Sofic, số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Q 2, HCM. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Buôn bán và phân phối sản phẩm nông nghiệp ra thị trường.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: không ý kiến.

(17) Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Địa chỉ: 02 Bùi Quốc Hưng, KCN Dịch vụ Thủy Sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành Phố Đà Nẵng. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Thủy sản, thương mại dịch vụ.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, cần bổ sung ngoại ngữ chuyên ngành,...

(18) Tên doanh nghiệp: Tổng Công ty Đông Bắc- Công ty kinh doanh than Đông Bắc Miền Nam. Địa chỉ: Số 39 , đường 37, khu nhà ở Đông Nam, KP5, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, TP.HCM. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Khai thác quặng sắt, buôn bán máy móc thiết bị.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(19) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Công nghệ Cơ điện lạnh Phan Bách. Địa chỉ: Ấp 2, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Long An. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: May mặc – Nguyên phụ liệu may mặc.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Cần đầu tư ngoại ngữ.

(20) Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Phụ liệu May Nha Trang. Địa chỉ: 94 Lê Hồng Phong, P.Phước Hải, Nha Trang. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: May mặc – Nguyên phụ liệu may mặc

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Cần đầu tư ngoại ngữ.

(21) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH TM&CK Dương Tiến Phát. Địa chỉ: 146 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, TP. Vũng Tàu. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Buôn bán, sửa chữa ô tô, xe máy và động cơ.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(22) Tên doanh nghiệp: Cty sữa Vinasoy tại Quảng Ngãi. Địa chỉ: Số 2 Nguyễn Chí Thanh, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Sữa đậu nành.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(23) Tên doanh nghiệp: Công ty CP Sông Đà 5. Địa chỉ: Tầng 5, Tháp B, Tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: truyền tải và phân phối điện.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc.

(24) Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Estron Việt Nam. Địa chỉ: Lầu 1 và 2, Tòa nhà Bohemia, đường 19/5A, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TPHCM. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: lắp ráp các linh kiện điện tử.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Cần bổ sung tin học.

(25) Tên doanh nghiệp: Công ty CP Chăn nuôi C.P. Việt Nam. Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Biên Hòa II – Biên Hòa – Đồng Nai. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: thức ăn chăn nuôi, phân phối chế biến thực phẩm.

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Cần bổ sung ngoại ngữ chuyên ngành.

(26) Tên doanh nghiệp: Công ty CP Cơ khí Vina Nha Trang. Địa chỉ: Lô 7-A10, cụm CN Diên Phú, Diên Khánh, Khánh Hòa. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất: Chế Biến Thực Phẩm, Cơ Khí - Gia Công và Chế Tạo, Máy Chế Biến Các Loại Hạt...

Nhận xét tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp: Đáp ứng yêu cầu công việc, một số bạn chưa có ý thức cộng đồng cao.

Tổng số học sinh sinh viên đang làm việc tại 26 công ty đã tham gia khảo sát: 510 học sinh sinh viên.

Tổng hợp mức độ hài lòng của doanh nghiệp như sau:

- Kiến thức chuyên môn: 100% hài lòng.
- Kỹ năng làm việc độc lập: 100% hài lòng
- Kỹ năng làm việc nhóm: 100% hài lòng
- Kỹ năng ngoại ngữ: hài lòng 84,62%, không hài lòng 15,38%
- Kỹ năng tin học: hài lòng 92,31%, không hài lòng 7,69%
- Kỹ năng giao tiếp: 100% hài lòng
- Kỹ năng thao tác thực hành: 100% hài lòng
- Kỹ năng tư duy (logic, sáng tạo...): 100% hài lòng
- Có đạo đức, tác phong nghề nghiệp : 100% hài lòng
- Có tinh thần trách nhiệm: 100% hài lòng
- Có khả năng chịu áp lực công việc cao: 100% hài lòng
- Có ý thức tập thể cộng đồng: 96,15% hài lòng, không hài lòng 3,85%
- Có tinh thần cầu tiến: 100% hài lòng
- Những kiến thức chuyên môn cần bổ sung: Tiếng anh chuyên ngành, tin học
- Những Kỹ năng cần bổ sung (bao gồm kỹ năng mềm): cần nâng cao ý thức cộng đồng.

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**b) Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường quy định trách nhiệm của tất cả các thành viên trong toàn trường phải tham gia đóng góp ý kiến cho các mặt hoạt động từ chiến lược, kế hoạch và chế độ chính sách... được quy định tại Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và thi đua, khen thưởng; Quy chế dân chủ cơ sở (1.3.04 - Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và thi đua, khen thưởng; 1.3.05 - Quy chế dân chủ cơ sở). Trước khi ban hành chế độ chính sách liên quan đến hoạt động dạy và học, hoạt động NCKH, nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến góp ý của tất cả các

đơn vị thông qua cuộc họp giao ban tháng hoặc lấy ý kiến qua thư điện tử được gửi đến toàn thể CBVC (9.2.01 - *Lấy ý kiến qua thư điện tử*), đồng thời hàng năm trong tổ chức tổng kết năm học và triển khai nhiệm vụ cho năm học tiếp theo với sự tham gia của toàn thể giáo viên giảng viên để thu thập các ý kiến, các chính sách liên quan đến dạy và học (3.8.02 - *Biên bản hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm*). Việc thực hiện chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được quy định cụ thể trong các quy chế (1.3.04 - *Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và công tác thi đua khen thưởng*; 1.6.04 - *Báo cáo tổng kết của trường hàng năm*; 3.1.01 - *Quy chế tổ chức xét tuyển viên chức và nội quy kỳ xét tuyển viên chức*; 3.1.03 - *Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động*; 3.1.04 - *Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo*).

Các chế độ chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của toàn trường được phổ biến và lấy ý kiến công khai của tất cả các CBVC, người lao động thông qua Hội nghị CBCV cấp phòng, khoa, trung tâm và hội nghị CBVC cấp trường (9.2.02 - *Phiếu khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động hàng năm*; 9.2.03 - *Biên bản hội nghị CBVC hàng năm*; 9.2.04 - *Bảng tổng hợp phiếu khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động hàng năm*).

**Nhà trường tiến hành khảo sát trong 3 năm: 2020, 2021, 2022. Cụ thể như sau:**

**Năm 2020: Số phiếu phát ra: 165 phiếu, số phiếu thu về hợp lệ 165 phiếu**

- Tổng số giáo viên tại trường: 136 người.
- Tổng số giáo viên được khảo sát: 126 người.
- Tỷ lệ khảo sát: 92.65%
- Tổng số CBQL tại trường: 27 người
- Tổng số CBQL được khảo sát: 27 người
- Tỷ lệ khảo sát: 100%
- Tổng số nhân viên hành chính tại trường: 26 người
- Tổng số nhân viên hành chính được khảo sát: 26 người
- Tỷ lệ khảo sát: 100%

**Tổng hợp kết quả khảo sát năm 2020:**

- Mức độ phù hợp của các quy chế quản lý nội bộ: ít phù hợp 5 (3.03%); phù hợp 120 (72.73%); rất phù hợp 40 (24.24%).
- Chính sách tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bồi dưỡng trình độ: ít phù hợp (0%); phù hợp (3.42%); rất phù hợp (96.58%).
- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: ít phù hợp (3.58%); phù hợp (92.0%); rất phù hợp (4.42%).
- Đánh giá phân loại: ít phù hợp (1.72%); phù hợp (7.77%); rất phù hợp (90.51%).

**Năm 2021: Số phiếu phát ra: 140 phiếu, số phiếu thu về hợp lệ : 140 phiếu**

- Tổng số giáo viên tại trường: 136 người
- Tổng số giáo viên được khảo sát: 120 người
- Tỷ lệ khảo sát: 88,23%
- Tổng số CBQL tại trường: 29 người
- Tổng số CBQL được khảo sát: 29 người
- Tỷ lệ khảo sát: 100%
- Tổng số nhân viên hành chính tại trường: 44 người
- Tổng số nhân viên hành chính được khảo sát: 44 người
- Tỷ lệ khảo sát: 100%

**Tổng hợp kết quả khảo sát năm 2021:**

- Mức độ phù hợp của các quy chế quản lý nội bộ: ít phù hợp (0%) ; phù hợp (86,43%) ; rất phù hợp (13,57%).
- Chính sách tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bồi dưỡng trình độ: ít phù hợp (0%) ; phù hợp (96,43%); rất phù hợp (3,57%).
- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: ít phù hợp (6,43%); phù hợp (85,71%) ; rất phù hợp (7,86%)
- Đánh giá phân loại: ít phù hợp (0%); phù hợp (100%); rất phù hợp (0%)

**Năm 2022: Số phiếu phát ra: 120 phiếu, số phiếu thu về hợp lệ 120 phiếu**

- Tổng số giáo viên tại trường: 130 người
- Tổng số giáo viên được khảo sát: 79 người
- Tỷ lệ khảo sát: 64,23%
- Tổng số CBQL tại trường: 24 người
- Tổng số CBQL được khảo sát: 16 người
- Tỷ lệ khảo sát: 66,67%
- Tổng số nhân viên hành chính tại trường: 39 người
- Tổng số nhân viên hành chính được khảo sát: 25 người
- Tỷ lệ khảo sát: 64,10%

**Tổng hợp kết quả khảo sát năm 2022:**

- Mức độ phù hợp của các quy chế quản lý nội bộ: ít phù hợp (0%) ; phù hợp (93,33%) ; rất phù hợp (6,67%).
- Chính sách tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bồi dưỡng trình độ: ít phù hợp (0%) ; phù hợp (95,83%); rất phù hợp (4,17%).
- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: ít phù hợp (4,17%); phù hợp (90,83%) ; rất phù hợp (5%)
- Đánh giá phân loại: ít phù hợp (0%); phù hợp (100%); rất phù hợp (0%).

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

**c) Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

**1.Mô tả, phân tích, nhận định:**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tất cả HSSV được khảo sát đều cho ý kiến xác thực và hài lòng về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường (9.3.01 - Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy và hoạt động quản lý, phục vụ đào tạo hàng năm; 9.3.02 - Danh sách thu thập ý kiến hàng năm; 9.3.03 - Phiếu khảo sát thu thập ý kiến người học tại trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 9.3.04 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến hàng năm).

Để thu thập ý kiến đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học. Nhà trường đã tổ chức thu thập ý kiến của hơn 30% HSSV đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường, cụ thể:

**Năm học 2019-2020: Tổng số HSSV toàn trường gồm 1.274 HSSV, số lượng HSSV được khảo sát là 479/1.274 HSSV chiếm tỷ lệ 37,60%.**

Số lượng khảo sát được phân bổ theo số HSSV của các khoa như sau: khoa Cơ khí: 125 HSSV, khoa Công nghệ Hóa –Tài nguyên và Môi trường: 40 HSSV, khoa Quản trị kinh doanh – Du lịch – Thời trang: 124 HSSV, khoa Tin học – Kinh tế: 49 HSSV, khoa Điện – Tự động hóa: 141 HSSV.

**Kết quả khảo sát thể hiện ở các nội dung:**

**\* Chất lượng giảng dạy của giảng viên:**

- Thầy cô giáo nhiệt tình, luôn đổi mới và đa dạng trong phương pháp giảng dạy: hài lòng 96,45%, ít hài lòng 3,55%)

- Đánh giá kết quả học tập đúng năng lực người học, công bằng, khách quan: 100% hài lòng.

- Nhiệt tình hướng dẫn, chỉ bảo, thao tác hướng dẫn thuần thục: 88,51% hài lòng, ít hài lòng 11,49%

- Luôn lắng nghe, quan tâm, giải đáp thắc mắc người học thỏa đáng: 96,66% hài lòng, ít hài lòng: 3,34%.

**\* Chất lượng về chính sách khen thưởng và NCKH:**

+ Thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định phục vụ cho người học: miễn giảm học phí, học bổng khuyến khích học nghề; khen thưởng học tập, khởi nghiệp: 100% hài lòng.

+ Giúp đỡ và phát huy ý tưởng khởi nghiệp trong HSSV đạt kết quả cao: 95,82% hài lòng, ít hài lòng: 4,18%.

+ Khen thưởng kịp thời cho HSSV có kết quả trong công tác NCKH và khởi nghiệp: 100% hài lòng.

**\*Chất lượng dịch vụ:**

- Ký túc xá:

+ Diện tích phòng ở, điện nước; khu vệ sinh: 100% hài lòng

+ Giá phòng ở 150.000đ/tháng cho SV hệ cao đẳng (bao gồm điện nước): 100% rất hài lòng.

+ Miễn phí chi phí thuê phòng ở cho HS trung cấp toàn trường: 100% hài lòng.

- Căn tin: Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (có giấy chứng nhận hằng năm), món ăn chất lượng và thay đổi hợp với khẩu vị người học, giá bình dân hoặc rẻ hơn bên ngoài rất nhiều, thái độ phục vụ: 100% hài lòng

- Y tế: có 01 bác sỹ tận tình, trách nhiệm : 100% hài lòng

**Năm học 2020-2021: Tổng số HSSV toàn trường gồm 3.168 HSSV, số lượng HSSV được khảo sát là 979/3.168 HSSV chiếm tỷ lệ 30,9%.**

Số lượng khảo sát được phân bổ theo số HSSV của các khoa như sau: khoa Cơ khí: 312 HSSV, khoa Công nghệ Hóa –Tài nguyên và Môi trường: 44 HSSV, khoa Quản trị kinh doanh – Du lịch – Thời trang: 175 HSSV, khoa Tin học và kinh tế : 120 HSSV, khoa Điện – Tự động hóa: 328 HSSV.

### **Kết quả khảo sát thể hiện ở các nội dung:**

#### **\* *Chất lượng giảng dạy của giảng viên:***

- Thầy cô giáo nhiệt tình, luôn đổi mới và đa dạng trong phương pháp giảng dạy: hài lòng 90,09% (882 phiếu) , ít hài lòng 9,91% (97 phiếu).

- Đánh giá kết quả học tập đúng năng lực người học, công bằng, khách quan: 89,79% hài lòng (882 phiếu), ít hài lòng 10,21% (100 phiếu).

- Nhiệt tình hướng dẫn, chỉ bảo, thao tác hướng dẫn thuần thục: 87,03% hài lòng (852 phiếu), ít hài lòng 12,97% (127 phiếu)

- Luôn lắng nghe, quan tâm, giải đáp thắc mắc người học thỏa đáng: 95,14% hài lòng (939 phiếu), ít hài lòng: 4,09% (40 phiếu)

#### **\* *Chất lượng về chính sách khen thưởng và NCKH:***

+ Thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định phục vụ cho người học: miễn giảm học phí, học bổng khuyến khích học nghề; khen thưởng học tập, khởi nghiệp: 95,14% hài lòng (939 phiếu), ít hài lòng: 4,09% (40 phiếu)

+ Giúp đỡ và phát huy ý tưởng khởi nghiệp trong HSSV đạt kết quả cao: 87,03% hài lòng (852 phiếu), ít hài lòng 12,97% (127 phiếu)

+ Khen thưởng kịp thời cho HSSV có kết quả trong công tác NCKH và khởi nghiệp: 97,96% hài lòng (959 phiếu) , phân vân : 2,04% (20 phiếu).

#### **\**Chất lượng dịch vụ:***

- Ký túc xá:

+ Diện tích phòng ở, điện nước; khu vệ sinh: 100% hài lòng (979 phiếu)

+ Giá phòng ở 150.000đ/tháng cho SV hệ cao đẳng (bao gồm điện nước): 100% rất hài lòng (979 phiếu).

+ Miễn phí chi phí thuê phòng ở cho HS trung cấp toàn trường: 100% hài lòng (979 phiếu).

- Căn tin: Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (có giấy chứng nhận hằng năm), món ăn chất lượng và thay đổi hợp với khẩu vị người học, giá bình dân hoặc rẻ hơn bên ngoài rất nhiều, thái độ phục vụ: 100% hài lòng (979 phiếu).

- Y tế: có 01 bác sỹ tận tình, trách nhiệm : 100% hài lòng (979 phiếu).

**Năm học 2021-2022: Tổng số HSSV toàn trường gồm 3.168 HSSV, số lượng HSSV được khảo sát là 902/2.264 HSSV chiếm tỷ lệ 39,84%.**



Số lượng khảo sát được phân bổ theo số HSSV của các khoa như sau: khoa Cơ khí: 300 HSSV, khoa Công nghệ Hóa – Tài nguyên và Môi trường: 36 HSSV, khoa Quản trị kinh doanh – Du lịch – Thời trang: 155 HSSV, khoa Tin học và kinh tế : 103 HSSV, khoa Điện – Tự động hóa: 308 HSSV.

### **Kết quả khảo sát thể hiện ở các nội dung:**

#### **\* *Chất lượng giảng dạy của giảng viên:***

- Thầy cô giáo nhiệt tình, luôn đổi mới và đa dạng trong phương pháp giảng dạy: hài lòng 90,09% (882 phiếu) , ít hài lòng 9,91% (97 phiếu).

- Đánh giá kết quả học tập đúng năng lực người học, công bằng, khách quan: 89,79% hài lòng (882 phiếu), ít hài lòng 10,21% (100 phiếu).

- Nhiệt tình hướng dẫn, chỉ bảo, thao tác hướng dẫn thuần thục: 87,03% hài lòng (852 phiếu), ít hài lòng 12,97% (127 phiếu)

- Luôn lắng nghe, quan tâm, giải đáp thắc mắc người học thỏa đáng: 95,14% hài lòng (939 phiếu), ít hài lòng: 4,09% (40 phiếu)

#### **\* *Chất lượng về chính sách khen thưởng và NCKH:***

+ Thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định phục vụ cho người học: miễn giảm học phí, học bổng khuyến khích học nghề; khen thưởng học tập, khởi nghiệp: 95,14% hài lòng (939 phiếu), ít hài lòng: 4,09% (40 phiếu)

+ Giúp đỡ và phát huy ý tưởng khởi nghiệp trong HSSV đạt kết quả cao: 87,03% hài lòng (852 phiếu), ít hài lòng 12,97% (127 phiếu)

+ Khen thưởng kịp thời cho HSSV có kết quả trong công tác NCKH và khởi nghiệp: 97,96% hài lòng (959 phiếu) , phân vân : 2,04% (20 phiếu).

#### **\**Chất lượng dịch vụ:***

- Ký túc xá:

+ Diện tích phòng ở, điện nước; khu vệ sinh: 100% hài lòng (902 phiếu)

+ Giá phòng ở 150.000đ/tháng cho SV hệ cao đẳng (bao gồm điện nước): 100% rất hài lòng (902 phiếu).

+ Miễn phí chi phí thuê phòng ở cho HS trung cấp toàn trường: 100% hài lòng (902 phiếu).

- Căn tin: Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (có giấy chứng nhận hằng năm), món ăn chất lượng và thay đổi hợp với khẩu vị người học, giá bình dân hoặc rẻ hơn bên ngoài rất nhiều, thái độ phục vụ: 100% hài lòng (902 phiếu).

- Y tế: có 01 bác sỹ tận tình, trách nhiệm : 100% hài lòng (902 phiếu).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

### **d) Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Hàng năm nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng trường và chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm để chỉ ra các mặt mạnh, mặt yếu, từ đó xây dựng kế hoạch và các biện pháp khắc phục nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Nhà trường tiến hành thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng kèm các nhóm chuyên trách giúp việc, từ đó chỉ rõ các mục tiêu, nhiệm vụ cần thực hiện, phân công

công việc theo các nhóm phụ trách và tiến độ thời gian thực hiện cụ thể. Kế hoạch cũng chỉ rõ công cụ, quy trình đánh giá theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Qua thực hiện kế hoạch, nhà trường có báo cáo đánh giá cụ thể kết quả thực hiện kế hoạch để từ đó có biện pháp đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo.

Bên cạnh công tác tự đánh giá, nhà trường luôn đảm bảo thực hiện kiểm định chất lượng và nộp báo cáo đúng kế hoạch theo quy định của cơ quan cấp trên. Kết quả đánh giá hàng năm cho thấy trường đều đạt chất lượng (9.4.01 - *Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng trường hàng năm*; 9.4.02 - *Kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường hàng năm*; 9.4.03 - *Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm*; 9.4.04 - *Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm*; 9.4.05 - *Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường hàng năm*; 9.4.06 - *Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm*).

#### ***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**đ) Tiêu chuẩn 9.5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ kế hoạch chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa (nay là trường Cao đẳng Công Thương miền Trung) giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến năm 2035. Đồng thời qua công tác tự đánh giá chất lượng Trường cũng như chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm, nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể và các biện pháp để cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo nói riêng và phát triển nhà trường nói chung cụ thể:

Hiện nay, ngoài kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường và kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo, hàng năm nhà trường xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch triển khai mục tiêu chất lượng của trường và của các đơn vị. Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch. Cuối năm học có báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm, xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm tiếp theo. Ngoài ra còn thực hiện quy định dự giờ của nhà giáo; sinh hoạt chuyên đề; đào tạo và bồi dưỡng nhà giáo (Cử nhà giáo tham gia học ngoại ngữ, tham gia thi kỹ năng nghề quốc gia, đi thực tế doanh nghiệp,... Ngoài ra, nhà trường còn được Trung tâm chứng nhận phù hợp QA TECHNIC tiếp tục định kỳ đánh giá giám sát hàng năm để đánh giá hiệu lực của việc duy trì, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (1.6.01 - *Quyết định số 3129/QĐ-BCT ngày 30/11/2020 Về việc thành lập Hội đồng Trường và công nhận bổ nhiệm chủ tịch Hội đồng trường Cao đẳng Công Thương miền Trung* 1.7.09 - *Báo cáo kết quả vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng trường hàng năm*; 1.11.07 - *Hồ sơ sinh hoạt chuyên đề hàng năm*; 3.8.01 - *Quyết định cử CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng hàng năm*; 3.9.03 - *Báo cáo phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên hàng năm*; 2.11.01- *Hồ sơ sinh hoạt chuyên đề hàng năm*; 9.5.01 - *Hồ sơ quản lý chất lượng hàng năm*; 9.5.02 - *Hồ sơ kiểm tra hàng năm*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

**e) Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Công tác đảm bảo việc làm sau khi tốt nghiệp cho HSSV được nhà trường đặc biệt quan tâm. Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ Doanh nghiệp là đơn vị chuyên trách thực hiện kết nối doanh nghiệp và tư vấn việc làm cho học sinh, sinh viên.

Hàng năm để làm tốt công tác hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho HSSV nhà trường đã xây dựng kế hoạch hướng nghiệp, tư vấn việc làm, cụ thể: Điều tra tình hình tự tạo được việc làm và nhu cầu hỗ trợ giới thiệu việc làm đến từng học sinh, sinh viên; tổng hợp nhu cầu tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp theo từng ngành nghề chuyên môn và yêu cầu điều kiện công việc cũng như mức lương của từng vị trí,... Việc điều tra khảo sát nhu cầu việc làm của HSSV được thực hiện theo hai phương thức HSSV đăng ký việc làm trực tuyến trên website của trường (9.6.01 - <http://mitc.edu.vn/uncategorized-vi/dang-ky-viec-lam.html>) và phương thức phát phiếu điều tra về nhu cầu hỗ trợ việc làm của HSSV năm cuối đến tận từng Khoa, từng lớp để triển khai đến từng HSSV năm cuối. HSSV đăng ký việc làm trực tiếp với CVHT, khoa, trung tâm TS&QHDN (9.6.02 - *Phiếu điều tra HSSV sắp tốt nghiệp về nhu cầu hỗ trợ và giới thiệu việc làm*; 9.6.03 - *Danh sách HSSV sắp tốt nghiệp có nhu cầu hỗ trợ việc làm của các khoa chuyên môn*).

Trên cơ sở đó, nhà trường đã giới thiệu những học sinh, sinh viên có nhu cầu đến nhiều doanh nghiệp tuyển dụng có xác nhận của từng đơn vị. Đồng thời tổ chức khảo sát lần vết HSSV tốt nghiệp, theo số liệu phản hồi khảo sát được lần vết từ năm 2018 - 2019 đến nay, số HSSV có việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp hàng năm chiếm tỷ lệ trên 90%. (2.12.04 - *Quyết định và danh sách công nhận tốt nghiệp hàng năm*; 8.8.01- *Kế hoạch hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho HSSV hàng năm*; 8.8.03 - *Chương trình phối hợp với các doanh nghiệp hỗ trợ tư vấn việc làm cho HSSV hàng năm*; 8.8.04- *Báo cáo tổng kết công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV hàng năm*; 9.6.04 - *Danh sách học sinh tốt nghiệp được giới thiệu việc làm đến các doanh nghiệp hàng năm*).

***Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

### PHẦN III

#### TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

Tiêu chí	Các điểm tồn tại chính năm 2022	Kế hoạch nâng cao chất lượng
<i>Tiêu chí 1</i>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiếp tục rà soát kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2017 – 2022 và tầm nhìn đến năm 2035, thực hiện có hiệu quả 07 chương trình hành động để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Trường.</li><li>- Tiếp tục rà soát cập nhật và bổ sung hệ thống</li></ul>

Tiêu chí	Các điểm tồn tại chính năm 2022	Kế hoạch nâng cao chất lượng
		<p>văn bản của Trường; rà soát, khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của địa phương, ngành, các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp,..để kịp thời điều chỉnh mục tiêu nhiệm vụ của Trường.</p>
<b>Tiêu chí 2</b>	<p>Triển khai thay đổi phương pháp giảng dạy từ hình thức trực tiếp sang hình thức trực tuyến nhiều bất cập, việc giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực trong tình hình dịch Covid-19 và việc triển khai đa phương thức giảng dạy còn nhiều hạn chế.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức kết nối, hợp tác với doanh nghiệp nhằm kết hợp xây dựng chương trình đào tạo, đa dạng hóa phương thức đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; kết hợp hướng dẫn thực hành, thực tập có sự tham gia của doanh nghiệp và tuyển dụng người học sau khi tốt nghiệp.</li> <li>- Tiếp tục tổ chức hội nghị đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực nhằm phát huy tối đa tính sáng tạo của người học. Đồng thời tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề để đánh giá, rút kinh nghiệm; từ đó phát triển rộng rãi các phương pháp giảng dạy trực tuyến nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của HSSV trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.</li> <li>- Kiểm soát công tác quản lý đào tạo có hiệu quả thông qua phần mềm quản lý đào tạo, kết hợp với quy trình của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong. Mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, nhà giáo nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.</li> </ul>
<b>Tiêu chí 3</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho các phòng, khoa, trung tâm; tiếp tục tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia các khoa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, tham gia các chương trình, khóa đào tạo</li> </ul>

Tiêu chí	Các điểm tồn tại chính năm 2022	Kế hoạch nâng cao chất lượng
		chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn,... - Với phương châm “Chất lượng là sứ mệnh, Thành công là đích đến”, nhà trường tiếp tục tập trung mọi nguồn lực thực hiện mục tiêu xây dựng nhà trường trở thành đơn vị đào tạo chất lượng cao của cả nước, uy tín trong khu vực.
<b>Tiêu chí 4</b>	Một số tài liệu giảng dạy còn chưa thay đổi kịp thời để thích ứng với nhu cầu học tập, nghiên cứu của HSSV trong thời đại mới.	- Tăng cường xây dựng bộ tiêu chí, biểu mẫu góp ý chương trình đào tạo, giáo trình giúp cán bộ, giáo viên, HSSV và các doanh nghiệp thuận tiện trong đóng góp xây dựng chương trình gần với thực tiễn, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. - Năm 2022 tiếp tục rà soát, biên soạn mới chương trình và cập nhật giáo trình đảm bảo đáp ứng thực tiễn nghề nghiệp.
<b>Tiêu chí 5</b>	Nguồn vốn đầu tư để thực hiện quy hoạch không đáp ứng được tiến độ quy hoạch đề ra.	- Đầu tư mua sắm trang thiết bị theo hướng hiện đại phù hợp cho công tác đào tạo các ngành nghề trọng điểm theo chuẩn Quốc tế, khu vực và trong nước. - Huy động tối đa các nguồn lực thực hiện xây dựng cơ sở vật chất và đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo.
<b>Tiêu chí 6</b>		- Trong những năm tới Trường tiếp tục mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho CBVCNV của Trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. - Trường sẽ kết hợp chặt chẽ với Vụ khoa học và công nghệ -Bộ Công Thương, Sở KH-CN, Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh, các đối tác của Trường để CBVCNV và HSSV có nhiều cơ hội tham gia các đề tài khoa học cấp độ cao hơn.
		- Cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên để bổ sung vào Quy chế Chi tiêu nội

Tiêu chí	Các điểm tồn tại chính năm 2022	Kế hoạch nâng cao chất lượng
<i>Tiêu chí 7</i>		<p>bộ của Trường. Tiếp tục thực hiện công tác tự kiểm tra và công khai tài chính lên trang hồ sơ công việc của Trường để CBVC nắm và thực hiện. Tiếp tục tăng cường công tác tuyển sinh và các hoạt động khác để cải thiện nguồn thu, các nguồn kinh phí được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao đời sống cho CBVC.</p> <p>- Tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo một cách hợp lý, tăng cường hoạt động của các Trung tâm và mở rộng dịch vụ phục vụ HSSV để tăng cường nguồn thu một cách hợp pháp đáp ứng nhu cầu phát triển nhà trường và nâng cao đời sống cho CBVC.</p>
<i>Tiêu chí 8</i>		<p>- Tiếp tục tăng cường hoạt động tư vấn cho HSSV; khai thác hiệu quả Website Trường để học sinh, sinh viên thuận tiện tìm kiếm, tra cứu thông tin mọi lúc, mọi nơi; chấn chỉnh tinh thần và thái độ học tập của HSSV. Nhà trường nghiên cứu xây dựng chương trình, phương pháp giáo dục, đào tạo riêng cho các đối tượng, để một mặt vừa nâng cao cho HSSV cố gắng học tốt, vừa giáo dục uốn nắn vào khuôn khổ các HSSV chưa nghiêm túc trong học tập và rèn luyện tại trường.</p> <p>- Trung tâm Dịch vụ MITC xây dựng chương trình chăm sóc người học để nhà giáo gần gũi và nắm bắt nhu cầu của HSSV, đồng thời xây dựng được các hoạt động thiết thực cho HSSV ngoài giờ lên lớp. Nắm bắt và thay đổi từ hình thức đến nội dung các chương trình, hoạt động,... để thu hút HSSV.</p> <p>- Tăng cường công tác tư vấn hướng nghiệp và đưa vào dạy kỹ năng sống về tự tin lập nghiệp. Tìm hiểu, nắm bắt rồi chọn lọc giới thiệu các công việc gần với mong ước của HSSV hơn.</p>
		<p>- Tiếp tục nghiên cứu các biện pháp hiệu quả hơn trong việc cải tiến chất lượng thông qua kết quả tự đánh giá.</p>

Tiêu chí	Các điểm tồn tại chính năm 2022	Kế hoạch nâng cao chất lượng
<i>Tiêu chí 9</i>		-Thực hiện tốt công tác đảm bảo chất lượng theo quy định, tăng cường hợp tác với các công ty, doanh nghiệp trong việc giải quyết việc làm, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập ý kiến của CBVC, doanh nghiệp và HSSV.

## PHẦN IV

### KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

#### I. KẾT LUẬN

Trong quá trình tự đánh giá chất lượng Trường năm 2022; Hội đồng tự đánh giá Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đã tuân thủ theo thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động –Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh



giá các tiêu chuẩn KĐCL cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, Cao đẳng.

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung luôn xác định công tác tự đánh giá là quá trình, là nhiệm vụ thường xuyên chứ không phải là đích đến. Mỗi học kỳ, mỗi năm học đều phải căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định để rà soát các hoạt động của Trường, đánh giá những mặt mạnh và những tồn tại, qua đó từng bước khắc phục và phát huy những ưu thế của Trường. Xem công tác tự đánh giá là một nhân tố không thể thiếu được trong sự phát triển của của Nhà trường, là động lực để Trường hoàn thành mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn phát triển.

**II. KIẾN NGHỊ:** Không./.

*Phú Yên, ngày 19 tháng 12 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Kim Quyên**

### **BẢNG MÃ MINH CHỨNG**

<b>Stt</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Tên minh chứng</b>
1	1	1	1.1.01		Quyết định số 281/QĐ/TC ngày 01/8/1978 về việc thành lập trường Trung học

					Chuyên nghiệp Địa chất II của Tổng cục Địa chất
2	1	1	1.1.02		Quyết định số 575/CNNg ngày 21/12/....về việc đổi tên Trường Trung học chuyên nghiệp Địa chất II Thành trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng bộ Công nghiệp Năng
3	1	1	1.1.03		Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 về việc thành lập Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	1	1	1.1.04		Quyết định số 122/QĐ-LĐTĐ ngày 06/2/2018 về việc đổi tên Trường thành Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
5	1	1	1.1.05		Quyết định số 05/QĐ-CDCT ngày 01/01/2019 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
6	1	1	1.1.06		Các bài báo đăng bài về Trường; các tài liệu quảng bá, thông tin về Trường
7	1	1	1.1.07		Địa chỉ Website của trường <a href="http://mict.edu.vn/gioi-thieu/su-mang-tam-nhin-va-cac-gia-tri.html">http://mict.edu.vn/gioi-thieu/su-mang-tam-nhin-va-cac-gia-tri.html</a>
8	1	1	1.1.08		Quyết định số 3468/QĐ-BCT ngày 18/04/2014 về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Công Thương giai đoạn 2011-2020 Quyết định số 7404/QĐ-BCT ngày 30/11/2011 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực ngành Công Thương giai đoạn 2011-2020
9	1	1	1.1.10		Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa (nay là trường Cao đẳng Công Thương miền Trung) giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến năm 2035.
10	1	1	1.1.12		Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2017-2019 và định hướng giai đoạn 2020-2022
11	1	1	1.1.13		Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp- <a href="http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep">http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep</a>

12	1	1	1.1.14		Bảng tổng hợp thông tin tuyển dụng hàng năm
13	1	1	1.1.15		Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025 và các văn bản của địa phương/ngành để xác định nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực.
14	1	1	1.1.16		Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường
15	1	1	1.1.17		Mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của trường, của các đơn vị
16	1	1	1.1.19		Phiếu khảo sát nhu cầu tuyển dụng và chất lượng đào tạo
17	1	2		1.1.10	Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa (nay là trường Cao đẳng Công Thương miền Trung) giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến năm 2035.
18	1	2		1.1.12	Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2017-2019 và định hướng giai đoạn 2020-2022
19	1	2		1.1.13	Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp- <a href="http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep">http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep</a>
20	1	2		1.1.14	Bảng tổng hợp thông tin tuyển dụng hàng năm
21	1	2	1.2.01		Quyết định về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo
22	1	2	1.2.02		Quyết định về việc kiện toàn hội đồng Khoa học và Đào tạo
23	1	2	1.2.03		Quyết định về việc kiện toàn hội đồng Khoa học và Đào tạo
24	1	2	1.2.04		Biên bản họp hội đồng khoa học và đào tạo
25	1	2	1.2.05		Thông báo tuyển sinh hàng năm
26	1	2	1.2.06		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
27	1	3		1.1.05	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
28	1	3	1.3.01		Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường
29	1	3	1.3.02		Quyết định thành lập các phòng, khoa, trung tâm
30	1	3	1.3.03		Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm

31	1	3	1.3.04		Quyết định về việc ban hành Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và thi đua, khen thưởng
32	1	3	1.3.05		Quy chế dân chủ cơ sở
33	1	4		1.1.05	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
34	1	4		1.3.01	Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường
35	1	4		1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
36	1	4		1.3.04	Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và thi đua, khen thưởng
37	1	4	1.4.01		Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
38	1	4	1.4.03		Quyết định về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
39	1	5		1.1.05	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
40	1	5		1.3.01	Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường
41	1	5		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
42	1	5	1.5.01		Quyết định số 3339/QĐ-BCN ngày 13/10/2005 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
43	1	5	1.5.02		Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường
44	1	5	1.5.03		Quyết định khen thưởng thi đua hàng năm
45	1	6		1.1.12	Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2017-2019 và định hướng giai đoạn 2020-2022
46	1	6		1.5.02	Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường
47	1	6	1.6.01		Quyết định số 3129/QĐ-BCT ngày 30/11/2020 Về việc thành lập Hội đồng Trường và công nhận bổ nhiệm chủ tịch Hội đồng trường Cao đẳng Công Thương

					miền Trung
48	1	6	1.6.02		Danh sách hội đồng trường
49	1	6	1.6.03		Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn
50	1	6	1.6.04		Báo cáo tổng kết của trường hàng năm
51	1	6	1.6.05		Quyết định khen thưởng thi đua hàng năm
52	1	7	1.7.01		Quyết định về việc ban hành Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
53	1	7	1.7.02		Quyết định về việc thành lập ban chỉ đạo xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
54	1	7	1.7.03		Kế hoạch Triển khai xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
55	1	7	1.7.04		Quyết định số 521/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 11/9/2017 Về việc ban hành chính sách chất lượng của Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa giai đoạn 2017-2022
56	1	7	1.7.05		Quyết định về việc ban hành mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của các đơn vị trong Trường
57	1	7	1.7.06		Giấy chứng nhận đạt chuẩn ISO 9001:2015
58	1	7	1.7.07		Bộ quy trình và biểu mẫu <a href="http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015">http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015</a>
59	1	7	1.7.08		Sổ tay chất lượng
60	1	7	1.7.09		Báo cáo kết quả vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng trường hàng năm
61	1	7	1.7.10		Phần mềm quản lý công việc Bitrix 24, <a href="http://e.mitc.edu.vn">http://e.mitc.edu.vn</a>
62	1	8	1.8.03		Quyết định về việc thành lập phòng QLCL&NCKH
63	1	8	1.8.04		Báo cáo hội nghị cán bộ viên chức phòng QLCL&NCKH
64	1	8	1.8.05		Bảng khen phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học
65	1	9	1.9.01		Quyết định số 2018/QĐ-TU ngày 02/4/2018 về việc đổi tên Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa thành Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung của ban Thường vụ Thành ủy Tuy Hòa

66	1	9	1.9.02		Quyết định về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
67	1	9	1.9.03		Quy chế làm việc của ban chấp hành đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung nhiệm kỳ 2020-2025
68	1	9	1.9.04		Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung nhiệm kỳ 2020-2025
69	1	9	1.9.05		Chương trình hành động toàn khóa của ban chấp hành đảng bộ thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung nhiệm kỳ 2020-2025
70	1	9	1.9.06		Chương trình kiểm tra giám sát của đảng ủy Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung nhiệm kỳ 2020-2025
71	1	9	1.9.07		Chương trình kiểm tra giám sát của ủy ban kiểm tra giám sát Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung nhiệm kỳ 2020-2025
72	1	9	1.9.08		Quy chế, quy định, kế hoạch, báo cáo của Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 – 2025
73	1	9	1.9.09		Quyết định số 377/QĐ/ĐU ngày 25/12/2019 về việc chuẩn y Chi ủy các chi bộ trực thuộc nhiệm kỳ 2020-2022
74	1	9	1.9.10		Nghị quyết của Đảng ủy và Chi bộ hàng năm
75	1	9	1.9.11		Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể lãnh đạo, các cán bộ thuộc diện Thường trực Thành ủy, Ban thường vụ Thành ủy quản lý
76	1	9	1.9.12		Quyết định về việc phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên
77	1	9	1.9.16		Kết quả xếp loại Chi bộ và đảng viên hàng năm
78	1	9	1.9.17		Quyết định xếp loại Đảng bộ năm hàng năm
79	1	10	1.10.01		Quyết định số 106/QĐ-CĐCT ngày 21/3/2018 về việc đổi tên Công đoàn Trường cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa thành Công đoàn Trường cao đẳng Công Thương miền Trung
80	1	10	1.10.02		Quyết định số 86/QĐ-CĐCN ngày 17/4/2017 Về việc công nhận BCH, ủy ban kiểm tra công đoàn Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa nhiệm kỳ 2017-2022

81	1	10	1.10.03	Quyết định số 06/QĐ-CĐCN-CĐ ngày 03/4/2017 Về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban chấp hành công đoàn trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa (nay là Công Đoàn Công thương miền Trung nhiệm kỳ 2017 – 2022)
82	1	10	1.10.04	Kế hoạch công tác Công đoàn năm hàng năm
83	1	10	1.10.05	Kế hoạch công tác nữ công năm hàng năm
84	1	10	1.10.06	Kế hoạch công tác Thanh tra nhân dân năm hàng năm
85	1	10	1.10.07	Quyết định số 274 <sup>A</sup> /QĐ-CĐCT ngày 15/8/2020 Về việc thành lập các tổ Công đoàn trực thuộc và chuẩn y các Tổ trưởng công đoàn nhiệm kỳ 2020-2022
86	1	10	1.10.08	Quyết định về việc kiện toàn ban chấp hành nữ công công đoàn
87	1	10	1.10.09	Quyết định về việc công nhận Ban thanh tra nhân dân
88	1	10	1.10.10	Quyết định số 101 <sup>A</sup> /QĐ-CĐCT ngày 08/2/2020 Về việc công nhận Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2020-2022
89	1	10	1.10.11	Báo cáo tổng kết công tác Công đoàn hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm hàng năm
90	1	10	1.10.12	Báo cáo tổng kết công tác nữ công hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm hàng năm
91	1	10	1.10.13	Báo cáo tổng kết công tác Thanh tra nhân dân hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm hàng năm
92	1	10	1.10.14	Quyết định công nhận tổ Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và danh hiệu Đoàn viên công đoàn xuất sắc, Phụ nữ 2 giỏi hàng năm
93	1	10	1.10.15	Quyết định công nhận đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động Công đoàn cơ sở hàng năm
94	1	10	1.10.16	Quyết định số 73/QĐ-TĐ ngày 15/3/2018 Về việc đổi tên Đoàn trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa thành Đoàn trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
95	1	10	1.10.17	Quyết định số 400/QĐ-TĐ ngày 16/1/2020 Về việc công nhận BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Cao đẳng Công Thương miền Trung khóa XXIX,

					nhiệm kỳ 2019-2022
96	1	10	1.10.18		Quy chế làm việc của Ban chấp hành đoàn trường nhiệm kỳ 2019 – 2022
97	1	10	1.10.19		Chương trình, kế hoạch triển khai hoạt động Đoàn hàng năm
98	1	10	1.10.20		Báo cáo tổng kết công tác Đoàn hàng năm
99	1	10	1.10.21		Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân đoàn viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm
100	1	10	1.10.22		Quyết định khen thưởng của tỉnh Đoàn, Trung ương đoàn cho Đoàn Trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm
101	1	11		1.3.01	Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường
102	1	11		1.3.04	Quyết định về việc ban hành Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và thi đua, khen thưởng
103	1	11		1.8.03	Quyết định về việc thành lập phòng QLCL&NCKH
104	1	11	1.11.01		Quy định về công tác kiểm tra của trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
105	1	11	1.11.02		Quy trình thanh tra vụ việc <a href="http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015">http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015</a>
106	1	11	1.11.03		Kế hoạch tự kiểm tra, giám sát hàng năm
107	1	11	1.11.04		Hồ sơ kiểm tra tiến độ giảng dạy hàng tháng
108	1	11	1.11.05		Hồ sơ dự giờ định kỳ từ hàng năm
109	1	11	1.11.06		Hồ sơ dự giờ đột xuất từ hàng năm
110	1	11	1.11.07		Hồ sơ sinh hoạt chuyên đề hàng năm
111	1	11	1.11.08		Hồ sơ kiểm tra công tác thực hiện 5S và Xanh hóa hàng năm
112	1	11	1.11.09		Quyết định về việc Ban hành bộ tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý theo tiêu chuẩn 5S
113	1	11	1.11.10		Thông báo về việc sắp xếp phòng thực hành thí nghiệm theo bộ tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý theo tiêu chuẩn 5S
114	1	11	1.11.11		Hồ sơ kiểm tra kết quả thực hiện công tác đảm bảo chất lượng DGNN hàng năm
115	1	12		1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
116	1	12		1.4.01	Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung



117	1	12	1.12.01		Quyết định số 400/QĐ-TĐ ngày 16/1/2020 Về việc công nhận BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Cao đẳng Công Thương miền Trung khóa XXIX, nhiệm kỳ 2019-2022
118	1	12	1.12.02		Quyết định số 86/QĐ-CDCN ngày 17/4/2017 Về việc công nhận BCH, ủy ban kiểm tra công đoàn Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa nhiệm kỳ 2017-2022
119	1	12	1.12.03		Bảng thanh toán lương và phụ cấp độc hại hàng năm
120	1	12	1.12.04		Danh sách nưc cán bộ viên chức của trường hàng năm
121	1	12	1.12.06		Quyết định số 4577-QĐ/TU ngày 04/1/2020 Về việc chuẩn y ban chấp hành Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung nhiệm kỳ 2020-2025
122	1	12	1.12.07		Quyết định về việc ban hành Quy chế xét tuyển viên chức và nội quy kỳ xét tuyển viên chức của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
123	1	12	1.12.08		Quy chế đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng hàng năm
124	1	12	1.12.09		Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm
125	1	12	1.12.10		Quyết định Về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
126	1	12	1.12.11		Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên
127	1	12	1.12.12		Quyết định ban hành Ban vì sự tiến bộ của Phụ nữ
128	1	12	1.12.13		Báo cáo việc thực hiện bình đẳng giới hàng năm
129	1	12	1.12.14		Kế hoạch thu thập ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động hàng năm
130	1	12	1.12.15		Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân hàng năm
131	2	1		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
132	2	1	2.1.01		Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp hàng năm

133	2	1	2.1.02		Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp
134	2	1	2.1.03		Kế hoạch số 305 <sup>A</sup> /KH-CĐCN-QLĐT ngày 16/8/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa về việc rà soát, điều chỉnh, thẩm định chuẩn đầu ra trình độ cao đẳng theo Luật Giáo Dục Nghề Nghiệp
135	2	1	2.1.04		Quyết định số 307 <sup>A</sup> /QĐ-CĐCN-QLĐT ngày 22/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa về việc Thành lập Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra các ngành/nghề cao đẳng, trung cấp
136	2	1	2.1.05		Các biên bản họp của Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra các ngành/nghề cao đẳng, trung cấp
137	2	1	2.1.06		Quyết định số 145/QĐ-CDCT-QLĐT ngày 13/3/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp
138	2	1	2.1.07		Công khai chuẩn đầu ra
139	2	2	2.2.01		Quy chế tuyển sinh của trường hàng năm
140	2	3		2.2.01	Quy chế tuyển sinh của trường hàng năm
141	2	3	2.3.01		Công văn về việc báo cáo tổng kết hàng năm và xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo
142	2	3	2.3.02		Kế hoạch tuyển sinh hàng năm
143	2	3	2.3.03		Quyết định về việc thành lập hội đồng tuyển sinh hàng năm
144	2	3	2.3.04		Quyết định về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh hàng năm
145	2	3	2.3.05		Thông báo tuyển sinh hàng năm
146	2	3	2.3.06		Địa chỉ Website của nhà trường: <a href="http://www.mitc.edu.vn">http://www.mitc.edu.vn</a>
147	2	3	2.3.07		Hồ sơ đăng ký xét tuyển đầu vào trình độ cao đẳng, trung cấp hàng năm
148	2	3	2.3.08		Biên bản kiểm tra hồ sơ tuyển sinh hàng năm
149	2	3	2.3.09		Quyết định phê duyệt kết quả tuyển sinh hàng năm và danh sách trúng tuyển
150	2	3	2.3.10		Quyết định về việc thành lập lớp hàng năm
151	2	3	2.3.11		Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm
152	2	3	2.3.12		Kế hoạch, Phiếu khảo sát người học, nhà

					giáo và cán bộ quản lý về công tác tuyển sinh của nhà trường hàng năm
153	2	3	2.3.13		Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về công tác tuyển sinh của nhà trường hàng năm
154	2	4		2.3.10	Quyết định về việc thành lập lớp hàng năm
155	2	4	2.4.01		Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng
156	2	4	2.4.02		Biên bản phối hợp đào tạo từ cao đẳng lên đại học, sau đại học
157	2	4	2.4.03		Hồ sơ đào tạo ngắn hạn
158	2	5		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
159	2	5		2.1.01	Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp hàng năm
160	2	5		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp
161	2	5		2.3.10	Quyết định về việc thành lập lớp hàng năm
162	2	5	2.5.01		Đối thoại của hiệu trưởng với học sinh, sinh viên hàng năm
163	2	5	2.5.02		Kế hoạch đào tạo các khóa học
164	2	5	2.5.03		Tiến độ đào tạo hàng năm
165	2	5	2.5.04		Thời khóa biểu hàng năm
166	2	5	2.5.05		Kế hoạch nhà giáo
167	2	5	2.5.06		Lịch trình giảng dạy
168	2	6		1.5.02	Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường hàng năm
169	2	6		1.6.04	Báo cáo tổng kết của trường hàng năm
170	2	6		1.11.03	Kế hoạch tự kiểm tra giám sát hàng năm
171	2	6		2.5.02	Kế hoạch đào tạo các khóa học
172	2	6		2.5.03	Tiến độ đào tạo hàng năm
173	2	6		2.5.04	Thời khóa biểu hàng năm
174	2	6		2.5.05	Kế hoạch nhà giáo
175	2	6		2.5.06	Lịch trình giảng dạy
176	2	6	2.6.01		Quyết định về việc Ban hành quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp
177	2	6	2.6.02		Các thông báo về việc kiểm tra hồ sơ giảng dạy hàng năm
178	2	6	2.6.03		Các biên bản kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo hàng năm
179	2	6	2.6.04		Các biên bản dự giờ đột xuất, định kỳ

					hàng năm
180	2	7		1.1.13	Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp- <a href="http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep">http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep</a>
181	2	7		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp
182	2	7	2.7.01		Hợp đồng /biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho học sinh, sinh viên thực hành, thực tập hàng năm
183	2	7	2.7.02		Kế hoạch và quyết định cử học sinh, sinh viên đi thực hành, thực tập hàng năm
184	2	7	2.7.03		Các hình ảnh trải nghiệm của HSSV đi thực hành, thực tập hàng năm
185	2	7	2.7.04		Nhật ký đi thực hành, thực tập hàng năm
186	2	7	2.7.05		Nhận xét của đơn vị hướng dẫn học sinh, sinh viên đi thực hành, thực tập hàng năm
187	2	7	2.7.06		Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/ hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động hàng năm
188	2	7	2.7.07		Danh sách HSSV hoàn thành khóa thực tập hàng năm
189	2	8		1.11.03	Kế hoạch tự kiểm tra giám sát hàng năm
190	2	8		1.11.05	Hồ sơ dự giờ định kỳ hàng năm
191	2	8		1.11.06	Hồ sơ dự giờ đột xuất hàng năm
192	2	8		1.11.07	Hồ sơ sinh hoạt chuyên đề hàng năm
193	2	8		2.5.02	Kế hoạch đào tạo các khóa học
194	2	8		2.5.04	Thời khóa biểu hàng năm
195	2	8		2.5.05	Kế hoạch nhà giáo
196	2	8		2.5.06	Lịch trình giảng dạy
197	2	8		2.6.02	Các thông báo về việc kiểm tra hồ sơ giảng dạy hàng năm
198	2	8		2.6.03	Các biên bản kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo hàng năm
199	2	8		2.6.04	Các biên bản dự giờ đột xuất, định kỳ hàng năm
200	2	8	2.8.01		Danh sách bài giảng điện tử các nghề
201	2	8	2.8.02		Giáo trình giảng dạy các ngành nghề
202	2	8	2.8.03		Hồ sơ nhà giáo tham gia hội giảng hàng năm
203	2	8	2.8.04		Giấy khen, bằng khen Hội giảng Cấp tỉnh, cấp bộ, cấp quốc gia hàng năm
204	2	8	2.8.05		Các kế hoạch tổ chức hội giảng cấp trường
205	2	8	2.8.06		Các quyết định thành lập Ban tổ chức, Ban giám khảo, Ban thư ký Hội giảng cấp

					trường
206	2	8	2.8.07		Các Quyết định công nhân GV có tiết dạy giỏi tại Hội giảng nhà giáo GDNN
207	2	8	2.8.09		Hình ảnh Hội giảng nhà giáo GDNN của nhà trường
208	2	8	2.8.10		Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy và hoạt động quản lý phục vụ đào tạo hàng năm
209	2	8	2.8.11		Danh sách thu thập ý kiến người học hàng năm
210	2	8	2.8.12		Phương pháp thu thập ý kiến
211	2	8	2.8.13		Báo cáo kết quả công tác thu thập kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy và hoạt động quản lý phục vụ đào tạo hàng năm
212	2	9		1.5.02	Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường hàng năm
213	2	9	2.9.01		Hợp đồng phần mềm quản lý hoạt động đào tạo Biên bản nghiệm thu
214	2	9	2.9.02		Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng cung cấp phần mềm đào tạo
215	2	9	2.9.03		Hướng dẫn quy trình sử dụng cổng thông tin điện tử của nhà trường
216	2	9	2.9.04		Danh sách cấp địa chỉ mã truy cập phần mềm của GV, NV, HSSV của nhà trường
217	2	9	2.9.05		Dữ liệu hệ thống thi trắc nghiệm trên máy tính
218	2	9	2.9.06		Danh sách tài liệu giảng dạy bậc trung cấp cao đẳng các ngành/nghề đào tạo
219	2	9	2.9.07		Dữ liệu tổng hợp số hóa bài giảng, giáo trình, phần mềm mô phỏng các năm học
220	2	9	2.9.08		Các video giảng dạy
221	2	9	2.9.09		Hợp đồng cung cấp phòng lab
222	2	9	2.9.10		Danh mục thiết bị, phương tiện dạy học tại các phòng học chuyên môn hàng năm
223	2	9	2.9.11		Báo cáo đánh giá kết quả ứng dụng CNTT của các đơn vị, của nhà trường hàng năm
224	2	10		1.10.06	Kế hoạch công tác Thanh tra nhân dân năm hàng năm
225	2	10		1.10.10	Quyết định Về việc công nhận Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2020-2022
226	2	10		1.10.13	Báo cáo tổng kết công tác Thanh tra nhân dân hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm hàng năm
227	2	10		1.11.01	Quy định về công tác kiểm tra của trường

					Cao đẳng Công Thương miền Trung
228	2	10		1.11.02	Quy trình thanh tra vụ việc <a href="http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015">http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015</a>
229	2	10		1.11.03	Kế hoạch tự kiểm tra, giám sát hàng năm
230	2	10		1.11.04	Hồ sơ kiểm tra tiên độ giảng dạy hàng tháng
231	2	10		1.11.08	Hồ sơ kiểm tra công tác thực hiện 5S và Xanh hóa hàng năm
232	2	10		1.11.11	Hồ sơ kiểm tra kết quả thực hiện công tác đảm bảo chất lượng GDNN hàng năm
233	2	10		2.6.02	Các thông báo về việc kiểm tra hồ sơ giảng dạy hàng năm
234	2	10		2.6.03	Các biên bản kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo hàng năm
235	2	10		2.6.04	Các biên bản dự giờ đột xuất, định kỳ hàng năm
236	2	10	2.10.01		Sổ đăng ký dạy bù hàng năm
237	2	11		1.11.02	Quy trình thanh tra vụ việc <a href="http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015">http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015</a>
238	2	11		1.11.03	Kế hoạch tự kiểm tra, giám sát hàng năm
239	2	11		1.11.04	Hồ sơ kiểm tra tiên độ giảng dạy hàng tháng
240	2	11		1.11.05	Hồ sơ dự giờ định kỳ hàng năm
241	2	11		1.11.06	Hồ sơ dự giờ đột xuất hàng năm
242	2	11		1.11.07	Hồ sơ sinh hoạt chuyên đề hàng năm
243	2	11		1.11.08	Hồ sơ kiểm tra công tác thực hiện 5S và Xanh hóa hàng năm
244	2	11		1.11.11	Hồ sơ kiểm tra kết quả thực hiện công tác đảm bảo chất lượng GDNN hàng năm
245	2	11		2.6.02	Các thông báo về việc kiểm tra hồ sơ giảng dạy hàng năm
246	2	11		2.6.03	Các biên bản kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo hàng năm
247	2	11		2.6.04	Các biên bản dự giờ đột xuất, định kỳ hàng năm
248	2	11	2.11.01		Danh sách đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học từ cấp trường trở lên hàng năm
249	2	11	2.11.02		Quyết định công nhận đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học từ cấp trường trở lên hàng năm
250	2	11	2.11.03		Các báo cáo hàng quý của phòng QLCL&NCKH về công tác kiểm tra giám

					sát các hoạt động dạy và học
251	2	11	2.11.04		Triển khai đổi mới đào tạo theo phương pháp tiếp cận năng lực
252	2	11	2.11.05		Báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm
253	2	12		1.7.07	Bộ quy trình và biểu mẫu <a href="http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015">http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015</a>
254	2	12		2.4.01	Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng
255	2	12	2.12.01		Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN
256	2	12	2.12.02		Quyết định thành lập hội đồng tốt nghiệp hàng năm
257	2	12	2.12.03		Biên bản họp xét tốt nghiệp của hội đồng tốt nghiệp hàng năm
258	2	12	2.12.04		Quyết định công nhận tốt nghiệp hàng năm, Danh sách HSSV được công nhận tốt nghiệp hàng năm
259	2	12	2.12.05		Hồ sơ quản lý cấp phát phôi, bằng, chứng chỉ- Lưu tại phòng QLĐT
260	2	13		1.1.13	Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp- <a href="http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep">http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep</a>
261	2	13		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
262	2	13		2.1.01	Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp hàng năm
263	2	13		2.7.01	Hợp đồng /biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho học sinh, sinh viên thực hành, thực tập hàng năm
264	2	13		2.7.02	Kế hoạch và quyết định cử học sinh, sinh viên đi thực hành, thực tập hàng năm
265	2	13		2.12.02	Quyết định thành lập hội đồng tốt nghiệp hàng năm
266	2	13		2.12.03	Biên bản họp xét tốt nghiệp của hội đồng tốt nghiệp hàng năm
267	2	13		2.12.04	Quyết định công nhận tốt nghiệp hàng năm, Danh sách HSSV được công nhận tốt nghiệp hàng năm
268	2	13		2.12.05	Hồ sơ quản lý cấp phát phôi, bằng, chứng chỉ- Lưu tại phòng QLĐT
269	2	13	2.13.01		Danh sách đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên hàng năm

270	2	13	2.13.02		Phiếu đánh giá kết quả học tập của HSSV tại doanh nghiệp
271	2	14		1.7.07	Bộ quy trình và biểu mẫu <a href="http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015">http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015</a>
272	2	14		1.12.11	Quyết định ban hành Quy chế HSSV hàng năm
273	2	14		2.4.01	Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng
274	2	14		2.11.03	Các báo cáo hàng quý của phòng QLCL&NCKH về công tác kiểm tra giám sát các hoạt động dạy và học
275	2	14		2.12.01	Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN
276	2	14		2.12.02	Quyết định thành lập hội đồng tốt nghiệp hàng năm
277	2	14		2.12.03	Biên bản họp xét tốt nghiệp của hội đồng tốt nghiệp hàng năm
278	2	14		2.12.04	Quyết định công nhận tốt nghiệp hàng năm, Danh sách HSSV được công nhận tốt nghiệp hàng năm
279	2	14		2.12.05	Hồ sơ quản lý cấp phát phôi, bằng, chứng chỉ- Lưu tại phòng QLĐT
280	2	14	2.14.01		Lịch thi kiểm tra kết thúc mô đun, môn học hàng năm
281	2	14	2.14.02		Hồ sơ thi kiểm tra kết thúc mô đun, môn học hàng năm
282	2	15		1.7.07	Bộ quy trình và biểu mẫu <a href="http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015">http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015</a>
283	2	15		1.12.14	Kế hoạch thu thập ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động hàng năm
284	2	15		2.4.01	Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng
285	2	15		2.8.10	Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy và hoạt động quản lý phục vụ đào tạo hàng năm
286	2	15		2.8.11	Danh sách thu thập ý kiến người học hàng năm
287	2	15		2.8.13	Báo cáo kết quả công tác thu thập kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy và hoạt động quản lý phục vụ đào tạo hàng năm



288	2	15		2.12.01	Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp
289	2	15	2.15.01		Thông báo rà soát, điều chỉnh văn bản của Trường
290	2	15	2.15.02		Quyết định số 492/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 24/4/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa về việc kiện toàn Ban tổ chức thực hiện và duy trì hệ thống QLCL ISO 9001:2015
291	2	16		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
292	2	16		2.12.01	Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp
293	2	16	2.16.01		Chương trình đào tạo liên thông
294	2	16	2.16.02		Quyết định thành lập lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng các năm học
295	2	16	2.16.03		Kế hoạch đào tạo liên thông, tiến độ đào tạo liên thông các năm học
296	2	16	2.16.04		Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách HSSV liên thông được công nhận tốt nghiệp hàng năm
297	2	16	2.16.05		Báo cáo công tác đào tạo liên thông hàng năm
298	2	17		1.5.02	Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường hàng năm
299	2	17		1.6.04	Báo cáo tổng kết của trường hàng năm
300	2	17		1.7.07	Bộ quy trình và biểu mẫu <a href="http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015">http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015</a>
301	2	17		2.9.01	Hợp đồng phần mềm quản lý hoạt động đào tạo Biên bản nghiệm thu
302	2	17		2.9.02	Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng cung cấp phần mềm đào tạo
303	2	17		2.9.03	Hướng dẫn quy trình sử dụng cổng thông tin điện tử của nhà trường
304	2	17		2.9.04	Danh sách cấp địa chỉ mã truy cập phần mềm của GV, NV, HSSV của nhà trường
305	2	17	2.17.01		Văn bản quy định và hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý công việc <i>Bitrix 24</i> , <a href="http://e.mitc.edu.vn">http://e.mitc.edu.vn</a>
306	2	17	2.17.02		Quyết định số 552 <sup>A</sup> /QĐ-CĐCT ngày

					11/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về việc Ban hành Quy định Quản trị phần mềm quản lý đào tạo và sử dụng dữ liệu đào tạo
307	2	17	2.17.03		Báo cáo đánh giá của phòng QLĐT về hiệu quả sử dụng phần mềm quản lý đào tạo
308	3	1		1.3.04	Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và thi đua, khen thưởng hàng năm
309	3	1	3.1.01		Quy chế tổ chức xét tuyển viên chức và nội quy kỳ xét tuyển viên chức
310	3	1	3.1.02		Quy định đánh giá, xếp loại chuyên môn giáo viên, giảng viên
311	3	1	3.1.03		Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động
312	3	1	3.1.04		Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo
313	3	1	3.1.05		Hồ sơ quy hoạch CBVC hàng năm
314	3	2		1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
315	3	2		1.12.15	Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân hàng năm
316	3	2	3.2.01		Hồ sơ tuyển dụng viên chức hàng năm
317	3	2	3.2.02		Kế hoạch khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động hàng năm
318	3	2	3.2.03		Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động hàng năm
319	3	2	3.2.04		Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Ban giám hiệu, cán bộ quản lý các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn hàng năm
320	3	2	3.2.05		Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp
321	3	2	3.2.06		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm
322	3	2	3.2.07		Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm
323	3	2	3.2.08		Quyết định thực hiện nâng lương, phụ cấp thâm niên hàng năm
324	3	2	3.2.09		Danh sách CBVC và NLD được nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và nâng phụ cấp thâm niên vượt khung hàng năm

325	3	2	3.2.10		Danh sách CBVC được hưởng thâm niên nhà giáo hàng năm
326	3	3	3.3.01		Danh sách giảng viên, giáo viên đạt chứng chỉ KNNQG hàng năm
327	3	3	3.3.02		Danh sách trích ngang giảng viên, giáo viên hàng năm
328	3	3	3.3.03		Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (Danh mục hồ sơ viên chức, người lao động)
329	3	4		1.1.05	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
330	3	4		1.4.02	Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
331	3	4		1.6.04	Báo cáo tổng kết của trường hàng năm
332	3	4		3.3.02	Danh sách trích ngang giảng viên, giáo viên hàng năm
333	3	4		3.3.03	Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (Danh mục hồ sơ viên chức, người lao động)
334	3	4	3.4.01		Các thông báo kết quả đánh giá xếp loại Công chức viên chức và người lao động hàng năm
335	3	4	3.4.02		Các Biên bản họp đánh giá xếp loại Công chức viên chức và người lao động của các đơn vị hàng năm
336	3	4	3.4.03		Các Biên bản họp đánh giá xếp loại Công chức viên chức và người lao động của trường hàng năm
337	3	4	3.4.04		Phiếu đánh giá phân loại viên chức và người lao động hàng năm
338	3	5			Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
339	3	5		2.5.03	Tiến độ đào tạo hàng năm
340	3	5		2.5.04	Thời khóa biểu hàng năm
341	3	5		3.3.02	Danh sách trích ngang giảng viên, giáo viên hàng năm
342	3	5	3.5.01		Tổng hợp khối lượng và thanh toán vượt giờ hàng năm
343	3	5	3.5.02		Bảng thống kê tỷ lệ quy đổi nhà giáo/HSSV hàng năm
344	3	6		1.11.05	Hồ sơ dự giờ định kỳ hàng năm
345	3	6		1.11.06	Hồ sơ dự giờ đột xuất hàng năm
346	3	6		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo

					cao đẳng và trung cấp
347	3	6		2.5.03	Tiến độ đào tạo hàng năm
348	3	6		2.5.06	Lịch trình giảng dạy
349	3	6		3.3.02	Danh sách trích ngang giảng viên, giáo viên hàng năm
350	3	7		1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
351	3	7		1.4.02	Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
352	3	7		1.4.03	Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ
353	3	7	3.7.01		Quyết định về việc hỗ trợ cho CBVC có trình độ tiến sỹ của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
354	3	7	3.7.02		Quyết định về việc hỗ trợ cho CBVC có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
355	3	7	3.7.03		Thông báo về việc hỗ trợ cho CBVC có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
356	3	8		2.8.03	Hồ sơ nhà giáo tham gia hội giảng hàng năm
357	3	8		2.8.04	Giấy khen, bằng khen Hội giảng Cấp tỉnh, cấp bộ, cấp quốc gia
358	3	8		2.8.05	Các kế hoạch tổ chức hội giảng cấp trường
359	3	8	3.8.01		Quyết định cử CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng hàng năm
360	3	8	3.8.02		Biên bản hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm
361	3	9		1.1.13	Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp- <a href="http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep">http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep</a>
362	3	9	3.9.01		Danh sách nhà giáo đi thực tế tại doanh nghiệp hàng năm
363	3	9	3.9.02		Quyết định cử nhà giáo đi thực tế tại doanh nghiệp hàng năm
364	3	9	3.9.03		Báo cáo phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên hàng năm
365	3	9	3.9.04		Báo cáo kết quả thực tế tại DN của nhà giáo
366	3	10		1.1.12	Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2022

367	3	10		1.6.04	Báo cáo tổng kết của trường hàng năm
368	3	10		3.8.01	Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn hàng năm
369	3	10		3.8.01	Quyết định cử CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng hàng năm
370	3	10		3.8.02	Biên bản hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm
371	3	10		3.9.03	Báo cáo phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên hàng năm
372	3	11	3.11.01		Danh sách trích ngang Ban Giám hiệu hàng năm
373	3	11	3.11.02		Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng
374	3	11	3.11.03		Quyết định phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng
375	3	11	3.11.04		Phiếu đánh giá Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng hàng năm
376	3	11			Quy chế tổ chức hoạt động của trường
377	3	12	3.12.01		Danh sách trích ngang viên chức quản lý hàng năm
378	3	12	3.12.02		Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hàng năm
379	3	13		1.5.02	Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường hàng năm
380	3	13		3.2.07	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm
381	3	13		3.12.01	Danh sách trích ngang viên chức quản lý hàng năm
382	3	13	3.13.01		Kết quả đánh giá phân loại cán bộ quản lý hàng năm
383	3	13	3.13.02		Quyết định bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa
384	3	14		3.2.06	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm
385	3	14		3.8.01	Quyết định cử CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng hàng năm
386	3	14	3.14.01		Danh sách cán CBQL được đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn hàng năm
387	3	15		1.5.02	Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường hàng năm
388	3	15		1.6.04	Báo cáo tổng kết của trường hàng năm

389	3	15		3.3.02	Danh sách trích ngang viên chức, nhân viên của trường
390	3	15		3.3.03	Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (Danh mục hồ sơ viên chức, người lao động)
391	3	15		3.8.01	Quyết định cử CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng hàng năm
392	3	15		3.14.01	Danh sách cán CBQL được đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn hàng năm
393	4	1		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
394	4	1		2.1.01	Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp hàng năm
395	4	1		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp
396	4	1	4.1.01		Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông
397	4	1	4.1.02		Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
398	4	1	4.1.03		Thông báo về việc áp dụng chương trình các môn chung theo Quyết định của Bộ LĐTĐ
399	4	1	4.1.04		Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, cao đẳng
400	4	2		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
401	4	2		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp
402	4	2		4.1.01	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông
403	4	2		4.1.02	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
404	4	2		4.1.03	Thông báo về việc áp dụng chương trình các môn chung theo Quyết định của Bộ LĐTĐ
405	4	2		4.1.04	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, cao đẳng
406	4	2	4.2.01		Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo hàng năm
407	4	2	4.2.02		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo hàng năm
408	4	2	4.2.03		Biên bản họp ban chủ nhiệm biên soạn và thẩm định CTĐT hàng năm
409	4	3		2.1.01	Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp hàng năm

410	4	3		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp
411	4	3		4.1.01	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông
412	4	3		4.1.02	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
413	4	3		4.1.03	Thông báo về việc áp dụng chương trình các môn chung theo Quyết định của Bộ LĐTĐBXH
414	4	3		4.1.04	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, cao đẳng
415	4	3		4.2.01	Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo hàng năm
416	4	3		4.2.02	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo hàng năm
417	4	3		4.2.03	Biên bản họp ban chủ nhiệm biên soạn và thẩm định CTĐT hàng năm
418	4	4		4.1.01	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông
419	4	4		4.1.02	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
420	4	4		4.1.03	Thông báo về việc áp dụng chương trình các môn chung theo Quyết định của Bộ LĐTĐBXH
421	4	4		4.1.04	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, cao đẳng
422	4	4		4.2.01	Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo hàng năm
423	4	4		4.2.02	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo hàng năm
424	4	4		4.2.03	Biên bản họp ban chủ nhiệm biên soạn và thẩm định CTĐT hàng năm
425	4	5		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp
426	4	5		4.1.01	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông
427	4	5		4.1.02	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
428	4	5	4.5.01		Kế hoạch khảo sát, Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động về từng chương trình đào tạo, người tốt nghiệp đã đi làm hàng năm
429	4	5	4.5.02		Báo cáo kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động về từng chương trình đào tạo, người tốt nghiệp đã đi làm hàng năm
430	4	6		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo

					cao đẳng và trung cấp
431	4	6		2.4.02	Biên bản phối hợp đào tạo từ cao đẳng lên đại học, sau đại học
432	4	6	4.6.01		Chương trình chi tiết trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp
433	4	6	4.6.02		Chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học của cơ sở giáo dục đại học
434	4	6	4.6.03		Quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành
435	4	6	4.6.04		Thông báo tuyển sinh liên thông với trình độ đại học
436	4	6	4.6.05		Quyết định trúng tuyển và danh sách sinh viên trúng tuyển trình độ đại học liên thông
437	4	7		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp
438	4	7		4.1.01	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông
439	4	7		4.1.02	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
440	4	7		4.1.03	Thông báo về việc áp dụng chương trình các môn chung theo Quyết định của Bộ LĐTĐ
441	4	7		4.1.04	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, cao đẳng
442	4	7		4.2.01	Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo
443	4	7		4.2.02	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo hàng năm
444	4	7		4.2.03	Biên bản họp ban chủ nhiệm biên soạn và thẩm định CTĐT hàng năm
445	4	7		4.6.01	Chương trình chi tiết trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp
446	4	8		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp
447	4	8		4.1.02	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
448	4	8	4.8.01		Hồ sơ điều chỉnh chương trình đào tạo có cập nhật công nghệ tiên tiến/tham khảo tài liệu nước ngoài
449	4	9		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp



450	4	9		2.12.01	Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp
451	4	9		4.1.01	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông
452	4	9		4.1.02	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
453	4	9	4.9.01		Văn bản rà soát các mô đun/ môn học người học không phải học khi học chương trình liên thông
454	4	9	4.9.02		Thông báo tuyển sinh trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp hàng năm
455	4	9	4.9.03		Quyết định trúng tuyển và danh sách sinh viên trúng tuyển trình độ cao đẳng liên thông
456	4	10		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
457	4	10		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp
458	4	10		4.1.01	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông
459	4	10		4.1.02	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
460	4	10		4.6.01	Chương trình chi tiết trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp
461	4	10	4.10.01		Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm biên soạn giáo trình
462	4	10	4.10.02		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định
463	4	10	4.10.03		Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
464	4	10	4.10.04		Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
465	4	10	4.10.05		Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp
466	4	10	4.10.06		Bản in các giáo trình của các mô đun / môn học của chương trình đào tạo
467	4	11		4.10.04	Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm
468	4	11		4.10.05	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp
469	4	11		4.10.06	Bản in các giáo trình của các mô đun / môn học của chương trình đào tạo
470	4	12		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

471	4	12		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp
472	4	12		4.1.02	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
473	4	12		4.2.03	Biên bản họp ban chủ nhiệm biên soạn và thẩm định CTĐT
474	4	12		4.10.04	Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
475	4	12		4.10.05	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp
476	4	12		4.10.06	Bản in các giáo trình của các mô đun / môn học của chương trình đào tạo
477	4	13		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
478	4	13		2.1.01	Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp hàng năm
479	4	13		4.2.03	Biên bản họp ban chủ nhiệm biên soạn và thẩm định CTĐT
480	4	13		4.10.05	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp
481	4	13		4.10.06	Bản in các giáo trình của các mô đun / môn học của chương trình đào tạo
482	4	14	4.14.01		Kế hoạch khảo sát & phiếu khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình
483	4	14	4.14.02		Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình
484	4	15		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp
485	4	15		4.1.02	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
486	4	15		4.6.01	Chương trình chi tiết trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp
487	4	15	4.15.01		Danh sách chương trình đào tạo có sự thay đổi
488	4	15	4.15.02		Danh sách giáo trình đào tạo trước và sau khi có sự thay đổi chương trình đào tạo
489	5	1		1.1.03	Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 về việc thành lập Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
490	5	1		1.1.04	Quyết định số 122/QĐ-LĐTBXH ngày 06/2/2018 về việc đổi tên Trường thành Trường Cao đẳng Công Thương miền

					Trung của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
491	5	1	5.1.01		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
492	5	1	5.1.02		Quyết định số 1709/QĐ-BCN ngày 17/05/2007 vv phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển trường
493	5	1	5.1.03		Bảng tổng hợp diện tích khu đất, diện tích xây dựng và diện tích cây xanh
494	5	1	5.1.04		Danh sách các xí nghiệp gần trường
495	5	1	5.1.05		Bộ ảnh cảnh quan khuôn viên trường tại CS1 và CS2
496	5	1	5.1.06		Danh mục bản vẽ quy hoạch tổng thể phát triển trường
497	5	1	5.1.07		Bảng tổng hợp diện tích các hạng mục, công trình xây dựng, cây xanh
498	5	1	5.1.08		Hồ sơ quy hoạch tổng thể CS1 và CS2
499	5	1	5.1.09		Ảnh chụp 02 cơ sở của nhà trường từ Google Maps
500	5	1	5.1.10		Hóa đơn tiền điện, nước
501	5	1	5.1.11		Sơ đồ hệ thống cấp thoát nước tại cơ sở 1 và cơ sở 2
502	5	1	5.1.12		Sơ đồ hệ thống điện toàn trường tại cơ sở 1 và cơ sở 2
503	5	1	5.1.13		Hồ sơ lắp đặt máy điện dự phòng tại cơ sở 1 và cơ sở 2
504	5	1	5.1.14		Các ấn phẩm tuyển sinh
505	5	1	5.1.15		Hồ sơ lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất hàng năm
506	5	2		1.1.03	Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 về việc thành lập Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
507	5	2		1.1.04	Quyết định số 122/QĐ-LĐTBXH ngày 06/2/2018 về việc đổi tên Trường thành Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
508	5	2		5.1.01	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
509	5	2		5.1.03	Bảng tổng hợp diện tích khu đất, diện tích xây dựng và diện tích cây xanh
510	5	2		5.1.04	Danh sách các xí nghiệp gần trường
511	5	2		5.1.05	Bộ ảnh cảnh quan khuôn viên trường tại CS1 và CS2
512	5	2		5.1.06	Danh mục bản vẽ quy hoạch tổng thể phát triển trường

513	5	2		5.1.07	Bảng tổng hợp diện tích các hạng mục, công trình xây dựng, cây xanh
514	5	2		5.1.08	Hồ sơ quy hoạch tổng thể CS1 và CS2
515	5	2		5.1.15	Hồ sơ lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất hàng năm
516	5	3		1.1.03	Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 về việc thành lập Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
517	5	3		1.1.04	Quyết định số 122/QĐ-LĐTBXH ngày 06/2/2018 về việc đổi tên Trường thành Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
518	5	3		5.1.02	Quyết định số 1709/QĐ-BCN ngày 17/05/2007 vv phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển trường
519	5	3		5.1.15	Hồ sơ lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất hàng năm
520	5	3	5.3.01		Bảng thống kê phòng học, phòng thí nghiệm, ... phục vụ đào tạo
521	5	4		5.1.02	Quyết định số 1709/QĐ-BCN ngày 17/05/2007 vv phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển trường
522	5	4		5.1.10	Hóa đơn tiền điện, nước
523	5	4		5.1.11	Sơ đồ hệ thống cấp thoát nước tại cơ sở 1 và cơ sở 2
524	5	4		5.1.12	Sơ đồ hệ thống điện toàn trường tại cơ sở 1 và cơ sở 2
525	5	4		5.1.13	Hồ sơ lắp đặt máy điện dự phòng tại cơ sở 1 và cơ sở 2
526	5	4		5.1.15	Hồ sơ lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất hàng năm
527	5	4	5.4.01		Các biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng tại cơ sở 1 và cơ sở 2
528	5	4	5.4.02		Hồ sơ hoàn công cơ sở 1 và cơ sở 2
529	5	4	5.4.03		Hợp đồng cung cấp, lắp đặt hệ thống lọc nước RO với công ty TNHH sản xuất thương mại Thiên Đạt
530	5	4	5.4.04		Hợp đồng thu gom rác thải với công ty cổ phần Môi trường đô thị Phú Yên
531	5	4	5.4.05		Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên cơ sở 1 và cơ sở 2
532	5	4	5.4.06		Quyết định kiện toàn đội PCCC
533	5	4	5.4.07		Giấy chứng nhận nghiệp vụ PCCC

534	5	4	5.4.08		Các biên bản kiểm tra công tác PCCC
535	5	4	5.4.09		Quyết định số 517 <sup>A</sup> /QĐ-CĐCN-QT ngày 06/9/2017 về việc phê duyệt các quy trình bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật
536	5	4	5.4.10		Hồ sơ tổng kê bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất
537	5	4	5.4.11		Hồ sơ tổng hợp chi phí sửa chữa lớn các công trình xây dựng hàng năm
538	5	4	5.4.12		Báo cáo công tác bảo trì bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật hàng năm
539	5	5		5.3.01	Bảng thống kê phòng học, phòng thí nghiệm, ... phục vụ đào tạo
540	5	5	5.5.01		Danh mục thiết bị tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đối với phòng học thực hành, thí nghiệm
541	5	5	5.5.02		Hồ sơ kiểm kê tài sản của các đơn vị hàng năm
542	5	5	5.5.03		Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng, điều kiện phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa hàng năm
543	5	6		1.7.07	Bộ quy trình và biểu mẫu <a href="http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015">http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015</a>
544				5.5.01	Danh mục thiết bị tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đối với phòng học thực hành, thí nghiệm
545	5	6	5.6.01		Quyết định về việc ban hành quy định quản lý và sử dụng tài sản tại trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
546	5	6	5.6.02		Bộ quy trình quản lý tài sản phòng học
547	5	6	5.6.03		Thông báo xây dựng kế hoạch tổ chức bảo trì bảo dưỡng thường xuyên trang thiết bị hàng năm
548	5	6	5.6.04		Hồ sơ bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị hàng năm
549			5.6.05		Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành hàng năm
550	5	7		5.5.03	Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng, điều kiện phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa hàng năm
551	5	7		5.6.01	Quyết định về việc ban hành quy định quản lý và sử dụng tài sản tại trường Cao

					đảng Công Thương miền Trung
552	5	7	5.7.01		Quyết định ban hành quy định trách nhiệm quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành
553	5	7	5.7.02		Danh sách nhà giáo quản lý phòng thí nghiệm, xưởng thực hành hàng năm
554	5	8		2.1.01	Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp hàng năm
555	5	8		2.5.04	Thời khóa biểu hàng năm
556	5	8		5.5.01	Danh mục thiết bị tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đối với phòng học thực hành, thí nghiệm
557	5	8	5.8.01		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành
558	5	8	5.8.02		Danh sách số lượng người học tại mỗi lớp hàng năm của các chương trình đào tạo
559	5	9		5.1.15	Hồ sơ lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất hàng năm
560	5	9		5.6.01	Quyết định về việc ban hành quy định quản lý và sử dụng tài sản tại trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
561	5	9		5.6.03	Thông báo xây dựng kế hoạch tổ chức bảo trì bảo dưỡng thường xuyên trang thiết bị hàng năm
562	5	9		5.6.04	Hồ sơ bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị hàng năm
563	5	9	5.9.01		Sơ đồ bố trí các thiết bị phục vụ đào tạo
564	5	9	5.9.02		Bộ tiêu chí đánh giá thực hiện 5S
565	5	9	5.9.03		Sổ đăng ký, theo dõi, khai thác và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành
566	5	9	5.9.04		Hình ảnh các phòng thí nghiệm tại CS1 và CS2
567	5	9	5.9.05		Bảng hướng dẫn sử dụng, quy tắc an toàn khi sử dụng trang thiết bị
568	5	9	5.9.06		Bảng nội quy phòng học, phòng thực hành
569	5	9	5.9.07		Danh mục thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
570	5	9	5.9.08		Quy trình vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
571	5	10		1.7.07	Bộ quy trình và biểu mẫu <a href="http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015">http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015</a>
572	5	10		5.4.09	Quyết định về việc phê duyệt các quy

					trình bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật
573	5	10		5.4.10	Hồ sơ thống kê bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất
574	5	10		5.4.11	Hồ sơ tổng hợp chi phí sửa chữa lớn các công trình xây dựng hàng năm
575	5	10		5.4.12	Báo cáo công tác bảo trì bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật hàng năm
576	5	10		5.6.01	Quyết định về việc ban hành quy định quản lý và sử dụng tài sản tại trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
577	5	10		5.7.01	Quyết định ban hành quy định trách nhiệm quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành
578	5	10	5.10.01		Biên bản bàn giao cấp phát vật tư hàng năm
579	5	10	5.10.02		Sổ sách theo dõi cấp phát vật tư hàng năm
580	5	10	5.10.03		Sổ theo dõi công tác quản lý bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành hàng năm
581	5	10	5.10.04		Quyết định thành lập tổ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì
582	5	11		5.4.09	Quyết định về việc phê duyệt các quy trình bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật
583	5	11		5.4.10	Hồ sơ thống kê bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất hàng năm
584	5	11		5.5.02	Hồ sơ kiểm kê tài sản của các đơn vị hàng năm
585	5	11		5.6.01	Quyết định về việc ban hành quy định quản lý và sử dụng tài sản tại trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
586	5	11		5.6.02	Bộ quy trình quản lý tài sản phòng học
587	5	11		5.6.04	Hồ sơ bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị hàng năm
588	5	11		5.6.05	Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành hàng năm
589	5	11		5.8.01	Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành
590	5	11		5.9.05	Bảng hướng dẫn sử dụng, quy tắc an toàn khi sử dụng trang thiết bị
591	5	11		5.9.07	Danh mục thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
592	5	11		5.10.04	Quyết định thành lập tổ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì

593	5	11	5.11.01		Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm
594	5	11	5.11.02		Sổ theo dõi công tác quản lý bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành hàng năm
595	5	12		1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
596	5	12		1.7.07	Bộ quy trình và biểu mẫu <a href="http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015">http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015</a>
597	5	12		5.5.02	Hồ sơ kiểm kê tài sản của các đơn vị hàng năm
598	5	12		5.10.01	Biên bản bàn giao cấp phát vật tư hàng năm
599	5	12		5.10.02	Sổ sách theo dõi cấp phát vật tư hàng năm
600	5	12		5.1.15	Hồ sơ lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất hàng năm
601	5	12	5.12.01		Quy định định mức vật tư thực hành cho các chương trình đào tạo
602	5	12	5.12.02		Đề xuất vật tư thực hành cho HSSV hàng năm
603	5	12	5.12.03		Hồ sơ quản lý vật tư thực hành của các khoa
604	5	13		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
605	5	13		2.1.01	Danh mục đào tạo các ngành, nghề cao đẳng và trung cấp hàng năm
606	5	13		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và trung cấp
607	5	13		2.1.06	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp
608	5	13		2.1.07	Công khai chuẩn đầu ra
609	5	13		4.1.02	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
610	5	13		4.10.04	Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
611	5	13		4.10.05	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp
612	5	13		4.10.06	Bản in các giáo trình của các mô đun / môn học của chương trình đào tạo
613	5	13		5.1.03	Bảng tổng hợp diện tích khu đất, diện tích xây dựng và diện tích cây xanh
614	5	13		5.1.07	Bảng tổng hợp diện tích các hạng mục, công trình xây dựng, cây xanh
615	5	13		5.1.08	Hồ sơ quy hoạch tổng thể CS1 và CS2



616	5	13		5.3.01	Bảng thống kê phòng học, phòng thí nghiệm, ... phục vụ đào tạo
617	5	13		5.5.03	Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng, điều kiện phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa hàng năm
618	5	13	5.13.01		Văn bản qui định về việc sử dụng và thời gian mở cửa của thư viện
619	5	13	5.13.02		Danh sách giáo trình đã được phê duyệt và số lượng giáo trình tại thư viện
620	5	13	5.13.03		Danh mục các tài liệu tham khảo tại thư viện hàng năm
621	5	14		4.10.04	Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
622	5	14		4.10.05	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp
623	5	14		5.13.02	Danh sách giáo trình đã được phê duyệt và số lượng giáo trình tại thư viện
624	5	14		5.13.03	Danh mục các tài liệu tham khảo tại thư viện hàng năm
625	5	14	5.14.01		Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thông tin – Thư viện
626	5	14	5.14.02		<a href="http://thuvien.mitc.edu.vn/">http://thuvien.mitc.edu.vn/</a> Văn bản thể hiện hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện
627	5	14	5.14.03		Sổ theo dõi cho mượn giáo trình, sách tham khảo
628	5	14	5.14.04		Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và sử dụng thư viện điện tử
629	5	14	5.14.05		Các hoạt động thư viện đã triển khai hàng năm
630	5	14	5.14.06		Báo cáo tổng kết công tác thư viện hàng năm
631	5	14	5.14.07		Đề xuất mua sách, tài liệu tham khảo hàng năm
632	5	14	5.14.08		Quyết định về việc thành lập Tổ cộng tác viên thư viện hàng năm
633	5	14	5.14.09		Nội quy thư viện
634	5	14	5.14.10		Báo cáo hoạt động của mạng lưới cộng tác viên hàng năm
635	5	15		5.14.02	<a href="http://thuvien.mitc.edu.vn/">http://thuvien.mitc.edu.vn/</a> Văn bản thể hiện hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện
636	5	15	5.15.01		<a href="http://elib.mitc.edu.vn/">http://elib.mitc.edu.vn/</a>

637	5	15	5.15.02		Danh mục giáo trình của trường được số hóa
638	5	15	5.15.03		Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa
639	5	15	5.15.04		Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện, Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu
640	5	15	5.15.05		Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và sử dụng thư viện điện tử
641	5	15	5.15.06		Hợp đồng cung cấp dịch vụ internet và cung cấp phần mềm
642	6	1		1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
643	6	1	6.1.01		Các quy định, quy chế hoạt động NCKH
644	6	1	6.1.02		Các quyết định khen thưởng CBVC có thành tích xuất sắc, cũng như hỗ trợ tiến sĩ có thành tích trong hoạt động KHCN
645	6	1	6.1.03		Qui chế Quy định về công tác nghiên cứu khoa học và tính giờ quy đổi hoạt động khoa học công nghệ, học tập bồi dưỡng thành giờ nghiên cứu khoa học
646	6	1	6.1.04		Các Quyết định phê duyệt đề tài và Hợp đồng ký kết với các tác giả
647	6	1	6.1.05		Luận văn thạc sĩ, tiến sĩ
648	6	1	6.1.06		Hồ sơ lấy ý kiến của cán bộ quản lý, giảng viên hàng năm
649	6	2	6.2.01		Kế hoạch triển khai hoạt động KHCN hàng năm
650	6	2	6.2.02		Phiếu đăng ký Đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, cải tiến kỹ thuật hàng năm
651	6	2	6.2.03		Danh sách đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học từ cấp trường trở lên hàng năm
652	6	2	6.2.04		Hồ sơ thuyết minh đề tài/sáng kiến hàng năm
653	6	2	6.2.05		Kết quả đánh giá đề tài các cấp hàng năm
654	6	2	6.2.06		Quyết định khen thưởng cho các đề tài hàng năm
655	6	2	6.2.07		Quyết định công nhận đề tài/sáng kiến hàng năm
656	6	2	6.2.08		Quyết định nghiệm thu và đưa đề tài nghiên cứu khoa học vào áp dụng tại các phòng, khoa, trung tâm
657	6	2	6.2.09		Thông báo triển khai thực hiện nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, cải tiến kỹ thuật, thông báo viết bài tham luận hàng năm

658	6	2	6.2.10		Tổng hợp các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm áp dụng vào thực tiễn của các phòng, khoa, trung tâm
659	6	3		6.2.10	Tổng hợp các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm áp dụng vào thực tiễn của các phòng, khoa, trung tâm
660	6	3		6.2.03	Danh sách đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học từ cấp trường trở lên hàng năm
661	6	3	6.3.01		Danh sách các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động
662	6	3	6.3.02		Hồ sơ nghiệm thu khối lượng nghiên cứu khoa học hàng năm
663	6	4		6.2.03	Danh sách đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học từ cấp trường trở lên hàng năm
664	6	4		6.2.10	Tổng hợp các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm áp dụng vào thực tiễn của các phòng, khoa, trung tâm
665	6	4	6.4.01		Quyết định bàn giao sản phẩm đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học hàng năm
666	6	5	6.5.01		Biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác
667	6	5	6.5.02		Báo cáo kết quả hoạt động hợp tác quốc tế hàng năm
668	6	5	6.5.03		Báo cáo hoạt động hợp tác quốc tế cho các cơ quan có thẩm quyền
669	7	1		1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
670	7	1		1.6.04	Báo cáo tổng kết của trường hàng năm
671	7	1	7.1.01		Quyết định về việc ban hành quy chế quản lý tài chính của trường
672	7	1	7.1.02		Quy trình quản lý tài sản trường học
673	7	1	7.1.03		Quyết định về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước
674	7	1	7.1.04		Quy trình xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách
675	7	1	7.1.05		Quy trình thu, hoàn trả học phí
676	7	1	7.1.06		Quy trình thanh toán, toạm ứng và thanh toán tạm ứng
677	7	1	7.1.07		Báo cáo công khai tài chính các hàng năm
678	7	1	7.1.08		Báo cáo công khai tài chính trong hội nghị viên chức hàng năm
679		1	7.1.09		Biên bản Hội nghị CBVC hàng năm
680	7	1	7.1.10		Nghị quyết Hội nghị CBVC hàng năm
681	7	2	7.2.01		Phần mềm kế toán quản lý tài chính của Trường

682	7	2	7.2.02		Hồ sơ, sổ sách quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm gồm: Một số nguồn thu khác; Một số Hợp đồng cho thuê, Hợp đồng giao khoán cho các Trung tâm,...; một số Hợp đồng liên kết đào tạo
683	7	2	7.2.03		Báo cáo quyết toán các hàng năm
684	7	2	7.2.04		Báo cáo tình hình tài chính hàng năm
685	7	2	7.2.05		Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
686	7	2	7.2.06		Biên bản xét duyệt quyết toán; Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách; Quyết định giao dự toán thu, chi NSNN; Quyết định về việc giao bổ sung và điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước
687	7	2	7.2.07		Hồ sơ thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Bộ công Thương
688	7	3		7.2.03	Báo cáo quyết toán các hàng năm
689	7	3		7.2.04	Báo cáo tình hình tài chính hàng năm
690	7	3		7.2.05	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
691	7	3		7.2.06	Biên bản xét duyệt quyết toán, Thông báo xét duyệt quyết toán các hàng năm, Quyết định giao dự toán thu chi, chi NSNN hàng năm
692	7	3		7.2.07	Hồ sơ thanh tra, kiểm tra của bộ Công Thương
693	7	3	7.3.01		Dự toán tài chính của trường hàng năm
694	7	4		1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
695	7	4		7.1.01	Quyết định về việc ban hành quy chế quản lý tài chính của trường
696	7	4		7.1.05	Quy trình thu, hoàn trả học phí
697	7	4		7.1.06	Quy trình thanh toán, toạm ứng và thanh toán tạm ứng
698	7	4		7.2.01	Phần mềm kế toán quản lý tài chính của Trường
699	7	4		7.2.02	Hồ sơ, sổ sách quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm gồm: Một số nguồn thu khác; Một số Hợp đồng cho thuê, Hợp đồng giao khoán cho các Trung tâm,...; một số Hợp đồng liên kết đào tạo
700	7	4		7.2.03	Báo cáo quyết toán hàng năm
701	7	4		7.2.04	Báo cáo tình hình tài chính hàng năm
702	7	4		7.2.05	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
703	7	4		7.2.06	Biên bản xét duyệt quyết toán; Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm; Quyết định giao dự toán thu, chi NSNN

					toán thu, chi ngân sách Nhà nước; Quyết định về việc điều chỉnh và giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước
704	7	4		7.2.07	Hồ sơ thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Bộ công Thương
705	7	5		1.6.04	Báo cáo tổng kết của trường hàng năm
706	7	5		7.1.08	Báo cáo công khai tài chính trong hội nghị viên chức hàng năm
707	7	5		7.2.05	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
708	7	5		7.2.06	Biên bản xét duyệt quyết toán; Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm; Quyết định giao dự toán thu, chi NSNN toán thu, chi ngân sách Nhà nước; Quyết định về việc điều chỉnh và giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước
709	7	5		7.2.07	Hồ sơ thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Bộ công Thương
710	7	5	7.5.01		Quy định tự kiểm tra tài chính, kế toán
711	7	5	7.5.02		Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính hàng năm
712	7	5	7.5.03		Quyết định thành lập tổ tự kiểm tra tài chính của trường hàng năm
713	7	5	7.5.04		Kế hoạch tự kiểm tra công tác quản lý tài chính phòng KHTC định kỳ, biên bản tự kiểm tra công tác tài chính hàng tháng, quý
714	7	5	7.5.05		Biên bản tự kiểm tra công tác thu chi tài chính hàng năm; Báo cáo tóm tắt kết quả tự kiểm tra hoạt động tài chính hàng năm; Báo cáo kết quả tự kiểm tra hoạt động tài chính hàng năm
715	7	6		7.2.04	Báo cáo tình hình tài chính hàng năm
716	7	6		7.2.05	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
717	7	6	7.6.01		Báo cáo đánh giá hàng năm về hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính hàng năm
718	7	6	7.6.02		Báo cáo biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính
719	7	6	7.6.03		Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm
720	7	6	7.6.04		Kế hoạch triển khai hoạt động khảo sát cán bộ quản lý về hiệu quả sử dụng nguồn tài chính và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính
721	7	6	7.6.05		Báo cáo kết quả khảo sát cán bộ quản lý về hiệu quả sử dụng và các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài

					chính các
722	7	6	7.6.06		Phiếu khảo sát CB quản lý về hiệu quả sử dụng và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính hàng năm
723	8	1		1.12.11	Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên
724	8	1		2.4.01	Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng
725	8	1		2.12.01	Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp
726	8	1	8.1.01		Kế hoạch tuần sinh hoạt Công dân HSSV đầu khóa các hàng năm
727	8	1	8.1.02		Công khai đào tạo- <a href="http://daotao.mitc.edu.vn/">http://daotao.mitc.edu.vn/</a>
728	8	1	8.1.03		Quy định xây dựng và phát triển văn hóa trường
729	8	2	8.2.01		Hồ sơ thực hiện chế độ chính sách miễn giảm học phí, chế độ trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập cho HSSV
730		2	8.2.02		Báo cáo tình hình miễn giảm học phí hàng năm
731	8	3		1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
732	8	3		1.12.11	Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên
733	8	3	8.3.01		Quyết định v/v ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV hệ chính quy
734	8	3	8.3.02		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập hàng năm
735	8	3	8.3.03		Quyết định cấp học bổng cho học sinh nghèo vượt khó hàng năm
736	8	3	8.3.04		Quyết định khen thưởng cho HSSV hàng năm
737	8	3	8.3.05		Quy định nghiên cứu khoa học của HSSV
738	8	4			Chương trình phối hợp quản lý và chăm sóc HSSV
739	8	4		1.12.11	Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên
740	8	4		1.12.12	Quyết định ban hành Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ
741	8	4		1.12.13	Báo cáo thực hiện bình đẳng giới hàng năm
742	8	4		1.2.05	Thông báo tuyển sinh hàng năm
743	8	4	8.4.01		Quyết định công nhận điểm rèn luyện cho HSSV hàng năm

744	8	4	8.4.02		Nội quy tại khu nội trú
745	8	5		5.1.02	Quyết định số 1709/QĐ-BCN ngày 17/05/2007 vv phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển trường
746	8	5	8.5.01		Danh mục trang thiết bị cung cấp cho KTX; Kết quả kiểm nghiệm mẫu nước của hệ thống lọc nước RO
747	8	5	8.5.02		Danh mục các trang thiết bị cung cấp cho nhà khách
748	8	5	8.5.03		Báo cáo đánh giá hàng năm về hoạt động của khu nội trú
749	8	5	8.5.04		Danh sách HSSV đang ở tại KNT
750	8	6		1.12.11	Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên
751	8	6	8.6.01		Danh mục vật tư phòng y tế
752	8	6	8.6.02		Báo cáo tổng kết công tác y tế học đường hàng năm
753	8	6	8.6.03		Giấy chứng nhận về vệ sinh an toàn thực phẩm
754	8	7		1.10.21	Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân đoàn viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm
755	8	7		5.1.02	Quyết định số 1709/QĐ-BCN ngày 17/05/2007 vv phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển trường
756	8	7	8.7.01		Kế hoạch tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao hàng năm
757	8	7	8.7.02		Kế hoạch xây dựng đơn vị an toàn về ANTT hàng năm
758	8	7	8.7.03		Báo cáo kết quả công tác ANTT và TT ATGT hàng năm
759	8	8	8.8.01		Kế hoạch hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho HSSV hàng năm
760	8	8	8.8.02		<a href="http://tuyensinh.mitc.edu.vn/category/tin-huong-nghiep/page/2">http://tuyensinh.mitc.edu.vn/category/tin-huong-nghiep/page/2</a>
761	8	8	8.8.03		Chương trình phối hợp với các doanh nghiệp hỗ trợ tư vấn việc làm cho HSSV hàng năm
762	8	8	8.8.04		Báo cáo tổng kết công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV hàng năm
763	8	9		8.8.03	Chương trình phối hợp với các doanh nghiệp hỗ trợ tư vấn việc làm cho HSSV hàng năm
764	8	9		8.8.04	Báo cáo tổng kết công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV hàng năm

765	8	9	8.9.01		<a href="http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/thong-tin-viec-lam">http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/thong-tin-viec-lam</a>
766	8	9	8.9.02		Kế hoạch hỗ trợ giới thiệu việc làm cho HSSV
767	8	9	8.9.03		Danh sách thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp
768	9	1	9.1.01		Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động hàng năm
769	9	1	9.1.02		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm
770	9	1	9.1.03		Phương pháp thu thập ý kiến
771	9	1	9.1.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến hàng năm
772	9	1	9.1.05		Quyết định và danh sách công nhận tốt nghiệp hàng năm
773	9	2		1.3.04	Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và thi đua, khen thưởng hàng năm
774	9	2		1.3.05	Quy chế dân chủ cơ sở
775	9	2		1.6.04	Báo cáo tổng kết của trường hàng năm
776	9	2		3.1.01	Quy chế tổ chức xét tuyển viên chức và nội quy kỳ thi xét tuyển viên chức
777	9	2		3.1.03	Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động
778	9	2		3.1.04	Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo
779	9	2		3.8.02	Biên bản hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm
780	9	2		7.1.09	Biên bản Hội nghị CBVC hàng năm
781	9	2	9.2.01		Lấy ý kiến qua thư điện tử
782	9	2	9.2.02		Phiếu khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động hàng năm
783	9	2	9.2.03		Bảng tổng hợp phiếu khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động hàng năm
784	9	3		1.3.01	Quyết định về việc ban hành Quy định



					chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường
785	9	3		1.8.03	Quyết định số 354/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 26/7/2017 về việc thành lập phòng QLCL&NCKH
786	9	3	9.3.01		Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy và hoạt động quản lý, phục vụ đào tạo hàng năm
787	9	3	9.3.02		Danh sách thu thập ý kiến hàng năm
788	9	3	9.3.03		Phương pháp thu thập ý kiến
789	9	3	9.3.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến hàng năm
790	9	4	9.4.01		Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng trường hàng năm
791	9	4	9.4.02		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường hàng năm
792	9	4	9.4.03		Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm
793	9	4	9.4.04		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm
794	9	4	9.4.05		Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường hàng năm
795	9	4	9.4.06		Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm
796	9	5		1.6.01	Quyết định số 3129/QĐ-BCT ngày 30/11/2020 Về việc thành lập Hội đồng Trường và công nhận bổ nhiệm chủ tịch Hội đồng trường Cao đẳng Công Thương miền Trung
797	9	5		1.7.09	Báo cáo kết quả vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng trường hàng năm
798	9	5		1.11.07	Hồ sơ sinh hoạt chuyên đề hàng năm
799	9	5		3.8.01	Quyết định cử CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng hàng năm
800	9	5		3.9.03	Báo cáo phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên hàng năm
801	9	5	9.5.01		Hồ sơ quản lý chất lượng hàng năm
802	9	5	9.5.02		Hồ sơ kiểm tra hàng năm
803	9	6		2.12.04	Quyết định công nhận tốt nghiệp hàng năm, Danh sách HSSV được công nhận tốt nghiệp hàng năm
804	9	6		8.8.01	Kế hoạch hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho HSSV hàng năm
805	9	6		8.8.04	Báo cáo tổng kết công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm hàng năm
806	9	6	9.6.01		<a href="http://mitc.edu.vn/uncategorized-vi/dang-">http://mitc.edu.vn/uncategorized-vi/dang-</a>

					ky-viec-lam.html
807	9	6	9.6.02		Phiếu điều tra HSSV sắp tốt nghiệp về nhu cầu hỗ trợ và giới thiệu việc làm
808	9	6	9.6.03		Danh sách HSSV sắp tốt nghiệp có nhu cầu hỗ trợ việc làm của các khoa chuyên môn
809	9	6	9.6.04		Danh sách học sinh tốt nghiệp được giới thiệu việc làm đến các doanh nghiệp hàng năm